



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2017



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2017



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
INFORMATION AND COMMUNICATIONS PUBLISHING HOUSE

MỤC LỤC

Vị thế, chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	iii
Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	v
Lời tựa của Thống đốc	vii
Các Vụ, Cục, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
■ Phần I – Kinh tế thế giới và Việt Nam	1
1. Tổng quan kinh tế thế giới	1
1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới	1
1.2. Điều hành chính sách tiền tệ của một số quốc gia	3
2. Kinh tế Việt Nam	4
2.1. Tăng trưởng kinh tế	5
2.2. Lao động, thu nhập	7
2.3. Diễn biến lạm phát	8
2.4. Thu chi Ngân sách Nhà nước	9
2.5. Cán cân thanh toán	10
2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ	11
2.7. Hoạt động của các tổ chức tín dụng	18
■ Phần II – Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	22
1. Điều hành chính sách tiền tệ	22
2. Quản lý ngoại hối	27
3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng	29
4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính	35
5. Công tác pháp chế	36
6. Công tác phát hành kho quỹ	37
7. Hoạt động thanh toán	38
8. Hoạt động thông tin tín dụng	41
9. Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin	43
■ Phần III – Quản trị nội bộ	44
1. Hoạt động kiểm toán nội bộ	44
2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng	44
3. Công tác nghiên cứu khoa học	46
4. Công tác thống kê	47
5. Công nghệ thông tin	48
■ Phần IV – Hợp tác quốc tế	50
1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế	50
2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế	51
3. Quan hệ hợp tác song phương	53
■ Phụ lục	54

VỊ THẾ, CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Trụ sở chính, 49 Lý Thái Tổ, Hà Nội, Việt Nam

□ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, là Ngân hàng Trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

Tóm lược Điều 2, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Chính sách tiền tệ quốc gia là các quyết định về tiền tệ ở tầm quốc gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm quyết định mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền biểu hiện bằng chỉ tiêu lạm phát, quyết định sử dụng các công cụ và biện pháp để thực hiện mục tiêu đề ra.

Khoản 1, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm được thể hiện thông qua việc quyết định chỉ số giá tiêu dùng và giám sát việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Khoản 2, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Chính phủ trình Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm. Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia theo quy định của Chính phủ.

Khoản 4, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

**BAN LÃNH ĐẠO
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**



Ông Lê Minh Hưng
Tổng đốc



Ông Nguyễn Đồng Tiến
Phó Tổng đốc



Ông Đào Minh Tú
Phó Tổng đốc



Ông Nguyễn Phước Thanh
Phó Tổng đốc
(nghỉ hưu từ 01/10/2017)



Bà Nguyễn Thị Hồng
Phó Tổng đốc



Ông Nguyễn Kim Anh
Phó Tổng đốc



Thống đốc
Lê Minh Hưng

Lời tựa của Thống đốc

Ngay từ đầu năm 2017, công tác điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong việc vừa phải kiểm chế lạm phát cả năm khoảng 4% theo mục tiêu Quốc hội đề ra, đồng thời vừa phải hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý. Kinh tế trong nước 2 quý đầu năm có những diễn biến bất lợi: lạm phát tăng nhanh ngay từ những tháng đầu năm và liên tục duy trì ở mức trên 4% trong 2 quý đầu năm, đặt ra áp lực lớn đối với việc kiểm soát lạm phát; thị trường ngoại tệ chịu áp lực tâm lý khi đồng USD thế giới tăng giá liên tục trong 2 tháng đầu năm cộng hưởng với động thái điều chỉnh tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed); tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm không đạt như kỳ vọng gây lo ngại về khả năng không đạt được mục tiêu trong cả năm 2017;... Bên cạnh đó, trên thị trường thế giới, giá hàng hóa cơ bản và lạm phát ở các nước bắt đầu tăng khiến ngân hàng trung ương các nước phát triển có xu hướng điều hành chính sách tiền tệ thận trọng và chặt chẽ; thị trường tài chính quốc tế biến động phức tạp; căng thẳng địa chính trị, chủ nghĩa bảo hộ có chiều hướng gia tăng, ảnh hưởng đến tiến trình phục hồi thương mại toàn cầu.

Nhận thức rõ những khó khăn, thách thức, trên cơ sở bám sát mục tiêu của Quốc hội, Chính phủ và diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước đã triển khai đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả các giải pháp chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách khác nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý; đồng thời đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng. Về cơ bản, các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước đã đạt được các mục tiêu, định hướng đề ra, cụ thể:

Thứ nhất, việc điều hành chính sách tiền tệ đã góp phần kiểm soát tốt tiền tệ, đảm bảo duy trì lạm phát cơ bản ổn định, tạo dư địa để Chính phủ điều chỉnh giá các mặt hàng và dịch vụ Nhà nước quản lý. Chính sách tiền tệ phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với các chính sách kinh tế vĩ mô khác, đặc biệt là chính sách tài khóa và chính sách quản lý giá của Nhà nước, đã giúp kiểm soát lạm phát bình quân cả năm ở mức 3,53%, thấp hơn mục tiêu 4% của Quốc hội đề ra.

Thứ hai, việc điều hành chính sách tiền tệ đã góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, cao nhất trong vòng 10 năm qua và cao hơn mục tiêu 6,7% Quốc hội đề ra. Các giải pháp tín dụng được triển khai quyết liệt để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn, hiệu quả và góp phần thực hiện chủ trương hạn chế tình trạng đô-la hóa nền kinh tế.

Thứ ba, việc điều hành đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ, nhất là thông qua nghiệp vụ thị trường mở đã điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo thanh khoản hệ thống và ổn định thị trường tiền tệ. Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức thấp, giảm áp lực lên lãi suất huy động, giúp các tổ chức tín dụng chủ động cân đối nguồn vốn trong hoạt động với chi phí ổn định.

Thứ tư, việc điều hành chính sách tiền tệ đã giữ ổn định được mặt bằng lãi suất huy động, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng giảm lãi suất, tiếp tục giảm lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên, hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nền kinh tế.

Thứ năm, tỷ giá và thị trường ngoại tệ cơ bản ổn định, thông suốt nhờ sự điều hành linh hoạt tỷ giá trung tâm hàng ngày theo sát diễn biến thị trường trong và ngoài nước, hạn chế tình trạng đầu cơ, găm giữ ngoại tệ. Đồng thời, điều hành tỷ giá kết hợp với việc điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, duy trì chênh lệch lãi suất VND và USD theo hướng khuyến khích nắm giữ VND, điều tiết thanh khoản hợp lý, vừa hỗ trợ ổn định tỷ giá khi cần thiết, vừa hỗ trợ thực hiện mục tiêu ổn định lãi suất, nâng cao giá trị và vị thế của VND, gia tăng quy mô dự trữ ngoại hối Nhà nước lên mức kỷ lục.

Thứ sáu, nhờ việc triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu, đẩy mạnh công tác thanh tra, giám sát và hoàn thiện hành lang pháp lý về an toàn, quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng, hệ thống các tổ chức tín dụng tiếp tục duy trì được sự phát triển an toàn, ổn định, qua đó tạo nền tảng quan trọng để triển khai thực hiện thành công Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020”.

Song song với đó, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai có hiệu quả các hoạt động khác nhằm đạt được mục tiêu chính sách tiền tệ và quản lý nhà nước về lĩnh vực ngân hàng như: tăng cường quản lý thị trường vàng; hiện đại hóa công nghệ ngân hàng và hoạt động thanh toán; nâng cao năng lực công tác thống kê và dự báo, công tác an toàn kho quỹ, an ninh bảo mật ngân hàng thông qua việc tăng cường hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tiên tiến, đặc biệt trong thời kỳ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra nhanh chóng; đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông theo hướng hiệu quả và chuyên nghiệp hơn... Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục củng cố các quan hệ hợp tác song phương và đa phương trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, góp phần tích cực vào quá trình hội nhập chung của toàn nền kinh tế và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tóm lại, với việc thực hiện chủ động, đồng bộ các giải pháp, chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2017 tiếp tục đạt được những thành công trong điều kiện phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức mới. Việc điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước đã góp phần quan trọng vào việc ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát bình quân dưới mục tiêu 4%, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đạt mức 6,81%, vượt mục tiêu đề ra và cũng là một điểm sáng thành công của Việt Nam trong năm 2017. Nhiều tổ chức quốc tế đã đánh giá cao sự ổn định của hệ thống ngân hàng Việt Nam, trong đó tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's đã nâng triển vọng xếp hạng tín nhiệm của hệ thống ngân hàng Việt Nam từ “ổn định” lên “tích cực”.

Năm 2018, bối cảnh nền kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế tiếp tục có những chuyển biến tích cực, song cũng còn nhiều khó khăn, thách thức đặt ra đối với công tác điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước. Song với kết quả đạt được trong các năm qua và sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục cố gắng nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ Đảng và Nhà nước giao phó trong năm 2018 và tạo ra những bước chuyển biến mạnh mẽ để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ theo nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



LÊ MINH HƯNG

CÁC VỤ, CỤC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tham mưu, giúp Thống đốc quyết định việc sử dụng công cụ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, bao gồm tái cấp vốn, lãi suất, tỷ giá hối đoái, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở, phát hành tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các công cụ, biện pháp khác để thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Vụ Chính sách tiền tệ

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngoại hối, hoạt động ngoại hối và hoạt động kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật.

Vụ Quản lý ngoại hối

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực thanh toán trong nền kinh tế quốc dân theo quy định của pháp luật.

Vụ Thanh toán

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tín dụng ngân hàng đối với các ngành kinh tế theo quy định của pháp luật.

*Vụ Tín dụng các ngành
kinh tế*

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác dự báo, thống kê theo quy định của pháp luật.

Vụ Dự báo, thống kê

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác và hội nhập quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vụ Hợp tác quốc tế

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước.

*Vụ Ổn định tiền tệ -
tài chính*

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ hoạt động của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.

Vụ Kiểm toán nội bộ

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối.

Vụ Pháp chế

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác tài chính, kế toán, đầu tư xây dựng công trình của Ngân hàng Nhà nước; quản lý nhà nước về kế toán, tài chính, đầu tư xây dựng công trình của ngành Ngân hàng.

*Vụ Tài chính -
Kế toán*

Tham mưu, giúp Thống đốc, Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước thực hiện công tác tổ chức và biên chế; quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; chế độ tiền lương và các chế độ khác thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vụ Tổ chức cán bộ

Vụ Thi đua – khen thưởng	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
Vụ Truyền thông	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông ngành Ngân hàng liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước.
Văn phòng	Tham mưu, giúp Thống đốc trong công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động ngân hàng; thực hiện công tác cải cách hành chính của Ngân hàng Nhà nước; quản lý hoạt động văn thư, lưu trữ của ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
Cục Công nghệ thông tin	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực công nghệ thông tin trong phạm vi toàn ngành Ngân hàng và triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin trong Ngân hàng Nhà nước.
Cục Phát hành và Kho quỹ	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng Ngân hàng Trung ương về lĩnh vực phát hành và kho quỹ theo quy định của pháp luật.
Cục Quản trị	Giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý về tài sản công (không bao gồm tài sản đã giao đơn vị sự nghiệp tự chủ) được Thống đốc giao và công tác quản trị, phục vụ hậu cần của Ngân hàng Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh gồm: quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo vệ, an ninh, trật tự an toàn cơ quan, chăm lo đời sống, sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.
Sở Giao dịch	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện các nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương.
Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Đơn vị tương đương Tổng cục, trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, phòng, chống rửa tiền, bảo hiểm tiền gửi; tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc.
Các chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn và thực hiện một số nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương theo ủy quyền của Thống đốc.

CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ ĐƠN VỊ DO THỐNG ĐỐC QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP

Nghiên cứu và xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Ngân hàng; tổ chức nghiên cứu, triển khai và quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ngành Ngân hàng phục vụ yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và theo quy định của pháp luật.

*Viện Chiến lược
ngân hàng*

Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thực hiện chức năng thu thập, xử lý, phân tích, lưu trữ thông tin tín dụng, đăng ký tín dụng; chấm điểm, xếp hạng tín dụng pháp nhân và thể nhân trên lãnh thổ Việt Nam; cung ứng sản phẩm dịch vụ thông tin tín dụng nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro tín dụng và phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

*Trung tâm Thông tin
tín dụng Quốc gia
Việt Nam*

Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn về xã hội và hoạt động ngân hàng, có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hoạt động của ngành Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

*Thời báo
Ngân hàng*

Là cơ quan ngôn luận và diễn đàn về lý luận nghiệp vụ, khoa học và công nghệ ngân hàng; có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, hoạt động ngân hàng và những thành tựu về khoa học, công nghệ của ngành Ngân hàng và lĩnh vực liên quan theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

Tạp chí Ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Ngân hàng Nhà nước và của ngành Ngân hàng.

*Trường Bồi dưỡng cán bộ
ngân hàng*

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ở trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học về lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng và các ngành, chuyên ngành khác khi được cấp có thẩm quyền quy định.

*Học viện
Ngân hàng*

Phần I – Kinh tế thế giới và Việt Nam

1. Tổng quan kinh tế thế giới

Năm 2017, kinh tế thế giới tăng trưởng tích cực tại hầu hết các khu vực sau nhiều năm nói lỏng tài khóa, tiền tệ của các chính phủ. Dòng vốn đầu tư và thương mại toàn cầu khởi sắc. Giá hàng hóa cơ bản và lạm phát các nước có xu hướng tăng trở lại, khiến ngân hàng trung ương các nước phát triển xem xét thu hẹp dần các gói nói lỏng tiền tệ. Tuy nhiên, trái với dự đoán, đồng USD giảm giá so với hầu hết các đồng tiền chủ chốt. Lạm phát toàn cầu phục hồi do giá hàng hóa thế giới tăng, tuy nhiên, lạm phát cơ bản nhìn chung vẫn ổn định.

1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới

Theo thống kê của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)¹, tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2017 đạt 3,8%, cao hơn mức 3,2% của năm 2016; lạm phát toàn cầu phục hồi từ mức 2,8% năm 2016 lên mức 3% năm 2017.

Kinh tế Mỹ tăng trưởng 2,3%, cao hơn mức 1,5% của năm 2016, thị trường lao động phục hồi tích cực với tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống mức thấp nhất trong 17 năm qua (2017: 4,1%) đã tạo cơ sở để Fed 03 lần tăng lãi suất trong năm 2017. Tâm lý nhà đầu tư lạc quan do hiệu ứng tích cực từ các chính sách của chính quyền Tổng thống Trump như giảm thuế doanh nghiệp², cải cách hoạt động thương mại, tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng... Tuy nhiên, thâm hụt ngân sách và nợ công có xu hướng tăng cao: trong năm tài khóa 2017, thâm hụt ngân sách tương đương 3,5% GDP, tăng hơn 13% so với năm tài khóa 2016, đẩy nợ công vượt trần lên mức 20.590 tỷ USD (2016: 19.976 tỷ USD), tương đương 106% GDP. Điều này buộc Mỹ phải nâng trần nợ công, ảnh hưởng đến khả năng vay nợ của Chính phủ và gây rủi ro đối với kinh tế Mỹ. Lạm phát tăng từ mức 1,3% năm 2016 lên 2,1% năm 2017.



Kinh tế thế giới năm 2017 tăng trưởng tại hầu hết các khu vực. Lạm phát toàn cầu phục hồi do giá hàng hóa thế giới tăng, tuy nhiên, lạm phát cơ bản nhìn chung vẫn ổn định.

¹ Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu cập nhật tháng 4/2018, Quỹ Tiền tệ thế giới.

² Ngày 22/12/2017, Mỹ ký ban hành Luật cải cách thuế mới, theo đó mức thuế đối với các doanh nghiệp giảm từ 35% xuống còn 21%; thuế thu nhập cá nhân so với hiện tại giảm 2-4%.

Kinh tế khu vực đồng Euro tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua, đạt 2,3% (2016: 1,8%) nhờ hiệu ứng nói lỏng tiền tệ và chính sách ổn định kinh tế phát huy hiệu quả, trong đó các nền kinh tế lớn dẫn đầu tốc độ tăng trưởng của khu vực là Đức (2,5%), Pháp (1,8%), Tây Ban Nha (3,1%). Khu vực sản xuất tăng trưởng tốt khiến tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống mức thấp nhất trong 9 năm, đến cuối năm 2017 là 8,6% (2016: 9,6%). Nợ công được cải thiện, giảm từ mức 88,9% GDP năm 2016 xuống còn 86,6% GDP, tuy vậy nợ công một số nước trong khu vực vẫn ở mức cao (Hy Lạp 181,9% GDP; Italy 131,5% GDP, Bồ Đào Nha 125,6% GDP, Bỉ 103,2% GDP). Đồng Euro tăng giá, thị trường chứng khoán tăng điểm mạnh. Lạm phát toàn khu vực tăng từ 0,2% năm 2016 lên 1,5% năm 2017.

Kinh tế Nhật Bản tăng trưởng khả quan với sự mở rộng của xuất khẩu và gia tăng tiêu dùng nội địa; đạt mức 1,7% (2016: 0,9%). Đến cuối năm 2017, Nhật Bản có 8 quý tăng trưởng liên tiếp, chuỗi tăng dài nhất trong 10 năm qua. Kinh tế khởi sắc khiến tỷ lệ thất nghiệp giảm mạnh (2,8% - mức thấp nhất trong 23 năm qua); thặng dư tài khoản vãng lai lên mức cao nhất kể từ năm 2008 chủ yếu nhờ sự đóng góp từ hoạt động đầu tư nước ngoài và du lịch. Thâm hụt ngân sách ở mức 4,5% GDP, tương đương mức năm 2015. Nợ công tăng nhẹ từ mức 235,6% GDP năm 2016 lên mức 236,4% GDP năm 2017. Lạm phát tăng từ mức -0,1% năm 2016 lên mức 0,5% năm 2017.

Các nước mới nổi và đang phát triển tăng trưởng phục hồi. Tăng trưởng năm 2017 của nhóm nước này ở mức 4,9%, cao hơn mức 4,8% của năm 2016. Trong khối BRICS, kinh tế Trung Quốc mặc dù tăng trưởng chậm hơn năm 2016 nhưng vẫn đạt mục tiêu đề ra, cả năm đạt 6,8% (2016: 6,7%) nhờ xuất khẩu cải thiện, tăng đầu tư cơ sở hạ tầng và ổn định tài chính, thị trường bất động sản dần hạ nhiệt do chính phủ chú trọng triển khai các biện pháp để đẩy lùi nguy cơ bong bóng; dự trữ ngoại hối tăng cao kỷ lục, lạm phát ổn định và được kiểm chế dưới 2% kể từ tháng 02/2017. Nga và Braxin lấy lại đà tăng trưởng dương sau nhiều năm tăng trưởng trì trệ (lần lượt ở mức 1,5%; 1,0%); Ấn Độ tuy tăng trưởng chậm lại song

vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng đạt 6,7%. Nhóm các nước ASEAN tăng trưởng bình quân khoảng 5,3%. Lạm phát trung bình của nhóm các nước mới nổi và đang phát triển ở mức 4%, giảm so với mức 4,3% năm 2016.

Thương mại toàn cầu khởi sắc. Thương mại toàn cầu tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2012, ở mức 4,9% so với năm trước chủ yếu do giá hàng hóa cơ bản phục hồi, thương mại hàng điện tử tăng mạnh, đặc biệt là khu vực châu Á, nhập khẩu của các nước phát triển (Mỹ, EU) tăng do đầu tư và tiêu dùng cải thiện. Một số nước tiếp tục đẩy mạnh đàm phán, ký kết các hiệp định song phương (EU-Nhật Bản, Trung Quốc-Canada...) trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ thương mại gia tăng và việc đàm phán, ký kết các hiệp định đa phương gặp khó khăn.

1.2. Điều hành chính sách tiền tệ của một số quốc gia

Chính sách tiền tệ các nước trong năm 2017 tiếp tục xu hướng phân cực nhưng mức độ đã giảm bớt so với năm 2016 khi nhiều quốc gia chủ chốt bày tỏ quan điểm xem xét thu hẹp định hướng nới lỏng tiền tệ. Bên cạnh một số ngân hàng trung ương lớn tăng lãi suất như Fed, ngân hàng trung ương Anh (BOE), Canada,... thì vẫn có 26 nền kinh tế cắt giảm lãi suất để tạo lực đẩy cho tăng trưởng kinh tế.

Đối với các nước phát triển, xu hướng “bình thường hóa” chính sách tiền tệ sau thời kỳ nới lỏng mạnh mẽ đang ngày càng rõ rệt hơn. Fed tăng 03 lần lãi suất trong năm 2017 nhờ những tín hiệu tích cực từ tăng trưởng kinh tế, thị trường lao động vẫn tăng trưởng tốt. BOE đã tăng lãi suất lần đầu tiên trong hơn 1 thập kỷ từ 0,25% lên 0,5%. ECB mặc dù vẫn duy trì chính sách lãi suất âm và chương trình mua tài sản, nhưng sẽ thu hẹp chương trình mua tài sản xuống 30 tỷ EUR/tháng bắt đầu từ đầu năm 2018. Ngân hàng trung ương Canada tăng lãi suất 2 lần (thêm 0,25%/lần) trong năm 2017 lên mức 1% sau khi duy trì mức lãi suất thấp gần mức 0% kể từ năm 2010. Riêng BOJ vẫn chưa thể chấm dứt các gói nới lỏng hiện tại và lùi thời gian đạt được lạm phát mục tiêu 2% đến hết năm tài chính 2019.

“

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng tích cực, giá hàng hóa cơ bản và lạm phát các nước bắt đầu tăng khiến các nước phát triển có xu hướng điều hành chính sách tiền tệ thận trọng và chặt chẽ.

Đối với các nước mới nổi và đang phát triển, đa số ngân hàng trung ương điều chỉnh giảm lãi suất như Nga, Indonesia,... hoặc giữ nguyên lãi suất như Thái Lan, Philippines... nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế. Một số nước như Mexico, Argentina, Séc phải điều chỉnh tăng lãi suất để ngăn chặn nguy cơ đảo chiều dòng vốn do Mỹ tăng lãi suất. Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBOC) duy trì sự ổn định chính sách tiền tệ thông qua việc kiểm soát chặt chẽ các điều kiện thanh khoản nhằm cải thiện tình trạng nợ và ngăn chặn rủi ro “bong bóng” bất động sản. Tuy nhiên, sau khi Fed nâng lãi suất cơ bản, PBOC cũng đã tiến hành tăng lãi suất đối với các nghiệp vụ thị trường mở lần đầu tiên kể từ tháng 3/2017, nâng lãi suất hợp đồng Repo đảo ngược kỳ hạn 7 ngày từ 2,45% lên 2,5%; lãi suất kỳ hạn 28 ngày từ 2,75% lên 2,8%.

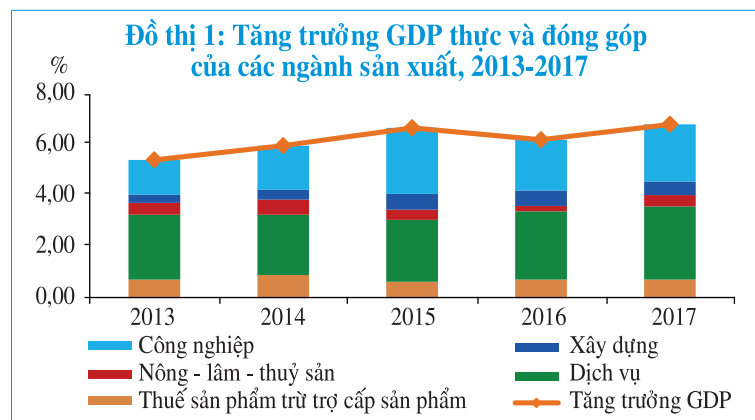
2. Kinh tế Việt Nam

Năm 2017, trước tình hình kinh tế quý I tăng thấp, Chính phủ kiên định mục tiêu tăng trưởng đề ra, chỉ đạo xây dựng kịch bản hàng quý cho từng ngành, lĩnh vực; thảo luận, thống nhất tại phiên họp Chính phủ hàng tháng và yêu cầu các cấp, các ngành điều hành quyết liệt, có biện pháp cụ thể, phát triển mạnh các ngành nông nghiệp, công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ, du lịch... Kết quả là, kinh tế Việt Nam đã bắt nhịp với xu hướng phục hồi của kinh tế, đầu tư và thương mại toàn cầu, tăng trưởng cao nhất trong 10 năm và vượt mục tiêu đề ra; lạm phát được kiểm soát dưới mục tiêu của Quốc hội; các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ, xuất, nhập khẩu... đều tăng cao. Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Thu hút khách quốc tế, đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp mới thành lập tăng mạnh, dự trữ ngoại hối nhà nước tăng cao kỷ lục. Kinh tế vĩ mô ổn định và triển vọng tăng trưởng khả quan khiến Moody's và Fitch Ratings điều chỉnh tăng triển vọng xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam từ mức “ổn định” lên “tích cực”. Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta vẫn còn những tồn tại, thách thức như quá trình cơ cấu lại nền kinh tế chậm, năng lực cạnh tranh còn hạn chế, giải ngân vốn đầu tư công chậm; tình hình thiên tai, bão lũ gây thiệt hại lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống của

người dân; ô nhiễm môi trường, an toàn, vệ sinh thực phẩm còn diễn biến phức tạp.

2.1. Tăng trưởng kinh tế

Theo ngành kinh tế, cả 3 ngành nông - lâm - thủy sản, công nghiệp và xây dựng và dịch vụ đều có mức cao hơn cùng kỳ



Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của Ngân hàng Nhà nước

Nông - lâm - thủy sản tăng 2,9%, là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 3 năm gần đây, chủ yếu là do thời tiết thuận lợi hơn, tình hình bệnh dịch, sâu bệnh được kiểm soát chặt chẽ, hoạt động khai thác thủy sản biển ở các tỉnh Bắc Trung bộ đã phục hồi trở lại sau sự cố môi trường biển trong năm 2016.

Công nghiệp tăng trưởng 7,85%, cao hơn mức tăng 7,06% của cùng kỳ năm 2016 chủ yếu là do đóng góp của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng mạnh ở mức 14,4% (2016: 11,9%) bắt nguồn từ sự tăng trưởng vượt bậc của Samsung, Formosa và FDI giải ngân tăng 10,8%, cao hơn mức 9% của cùng kỳ. Tuy nhiên, ngành công nghiệp khai khoáng giảm sâu nhất kể từ năm 2011 (-7,1%) chủ yếu do sản lượng dầu thô khai thác giảm hơn 1,6 triệu tấn so với năm 2016; sản lượng khai thác than đạt 38 triệu tấn, giảm hơn 180 nghìn tấn. Hai ngành còn lại là ngành Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí và ngành Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải có mức tăng thấp hơn cùng kỳ.

“

Tăng trưởng kinh tế năm 2017 đạt 6,81%, tăng trưởng cao nhất trong 10 năm và vượt mục tiêu (6,7%) do công nghiệp chế biến chế tạo tăng mạnh, sự tăng trưởng tích cực của dịch vụ và nông - lâm - thủy sản phục hồi sau đợt thiên tai khắc nghiệt năm 2016.

Xây dựng tăng trưởng chậm lại ở mức 8,7% so với mức tăng trưởng 10% năm 2016 trong bối cảnh giải ngân vốn đầu tư công chậm. Tổng vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thực hiện năm 2017 tăng 7,2%, thấp hơn mức tăng 15,1% của cùng kỳ năm 2016. Trong năm 2017, các Bộ, ngành, địa phương đã tích cực thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ giải ngân các công trình dự án theo tinh thần Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

Dịch vụ tăng trưởng 7,44%, là mức tăng cao nhất trong vòng 5 năm qua, hầu hết các ngành đều có mức tăng cao hơn cùng kỳ (ngoại trừ ngành Thông tin và Truyền thông). Tỷ trọng ngành dịch vụ so với GDP liên tục mở rộng từ mức 38,3% năm 2015 lên mức 39% năm 2017, số lượng khách khách quốc tế đến nước ta trong năm 2017 ước tính đạt 12,9 triệu lượt người, tăng 29,1% so với năm 2016.

Về tổng cấu, động lực tăng trưởng kinh tế chủ yếu do cầu trong nước, trong khi cầu nước ngoài rớt tiếp tục có mức đóng góp âm vào tốc độ tăng trưởng chung

Tiêu dùng cuối cùng tăng 7,35%, cao hơn chút ít mức tăng 7,32% của năm 2016. Mặc dù tiêu dùng của Chính phủ có mức tăng thấp hơn năm 2016 nhưng Tiêu dùng cuối cùng vẫn tăng cao hơn năm 2016 do tiêu dùng tư nhân tăng cao hơn.

Tổng tích lũy tài sản tăng 9,8%, là mức tăng cao nhất trong 7 năm gần đây và có mức đóng góp vào tăng trưởng kinh tế chung đạt mức cao nhất từ năm 2011 do đầu tư vốn của khu vực ngoài Nhà nước tăng 16,8%, cao hơn nhiều mức 9,7% của cùng kỳ 2016 và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 12,8%, cao hơn mức 9,4%.

Xuất khẩu ròng mặc dù vẫn đóng góp âm vào tăng trưởng kinh tế (đóng góp âm 1,97 điểm phần trăm) nhưng đã cải thiện so với mức đóng góp âm 5,3 điểm phần trăm của năm 2015 và âm 2,17 điểm phần trăm 2016. Trong đó, cả xuất khẩu và nhập khẩu đều có mức tăng cao hơn cùng kỳ (xuất khẩu tăng 16,74%, cao hơn mức 13,86%

của năm 2016; nhập khẩu tăng 17,5%, cao hơn mức tăng 15,29% của năm 2016).

2.2. Lao động, thu nhập

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước năm 2017 ước tính là 54,8 triệu người, tăng 394,9 nghìn người so với năm 2016, bao gồm: Lao động nam 28,4 triệu người, chiếm 51,9%; lao động nữ 26,4 triệu người, chiếm 48,1%. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi năm 2017 là 2,24% (năm 2016 là 2,30%; năm 2015 là 2,33%), trong đó khu vực thành thị là 3,18% (năm 2016 là 3,23%; năm 2015 là 3,37%); khu vực nông thôn là 1,78% (năm 2016 là 1,84%; năm 2015 là 1,82%). Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) năm 2017 là 7,51%, trong đó khu vực thành thị là 11,75%; khu vực nông thôn là 5,87%.

Năng suất lao động toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2017 ước tính đạt 93,2 triệu đồng/lao động (tương đương khoảng 4.159 USD/lao động). Tính theo giá so sánh năm 2010, năng suất lao động toàn nền kinh tế năm 2017 tăng 6% so với năm 2016, bình quân giai đoạn 2011-2017 tăng 4,7%/năm. Năng suất lao động của Việt Nam thời gian qua tuy có sự cải thiện đáng kể theo hướng tăng đều qua các năm³ và là quốc gia có tốc độ tăng NSLĐ cao trong khu vực ASEAN⁴ nhưng mức NSLĐ của Việt Nam hiện nay vẫn rất thấp so với nhiều nước trong khu vực.

Quy mô nền kinh tế năm 2017 theo giá hiện hành đạt 5.007,9 nghìn tỷ đồng; GDP bình quân đầu người ước tính đạt 53,5 triệu đồng, tương đương 2.385 USD, tăng 170 USD so với năm 2016. Đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, mức lương cơ sở được điều chỉnh theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ tăng từ mức 1,21 triệu đồng/tháng lên

“

Tỷ lệ thất nghiệp giảm ở cả khu vực thành thị và khu vực nông thôn, thu nhập bình quân đầu người năm 2017 ước tính đạt 53,5 triệu đồng, tương đương 2.385 USD, tăng 170 USD so với năm 2016.

³ Năng suất lao động xã hội của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2011-2017 lần lượt là: 55,2 triệu đồng/lao động; 63,1 triệu đồng/lao động; 68,7 triệu đồng/lao động; 74,7 triệu đồng/lao động; 79,4 triệu đồng/lao động; 84,5 triệu đồng/lao động; 93,2 triệu đồng/lao động.

⁴ Tính chung giai đoạn 10 năm 2007-2016, năng suất lao động theo PPP 2011 của Việt Nam tăng trung bình hàng năm 4,2%/năm, cao hơn so với mức tăng bình quân của Xin-ga-po (1,5%/năm); Ma-lai-xi-a (1,9%/năm); Thái Lan (2,5%/năm); In-đô-nê-xi-a (3,5%/năm); Phi-líp-pin tăng (2,8%/năm); Cam-pu-chia (4,1%/năm), nhưng thấp hơn Lào (5,3%/năm) và Mi-an-ma (14,6%/năm) (theo tính toán từ nguồn số liệu WB).

mức 1,3 triệu đồng/tháng từ ngày 01/7/2017; mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình... được tăng theo Nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày 14/11/2016 của Chính phủ và áp dụng từ ngày 01/01/2017. Theo đó, mức lương của người lao động được phân theo 04 vùng, cụ thể vùng I, II, III, IV tương ứng 3,75 triệu đồng/tháng; 3,32 triệu đồng/tháng; 2,9 triệu đồng/tháng và 2,58 triệu đồng/tháng.

2.3. Diễn biến lạm phát

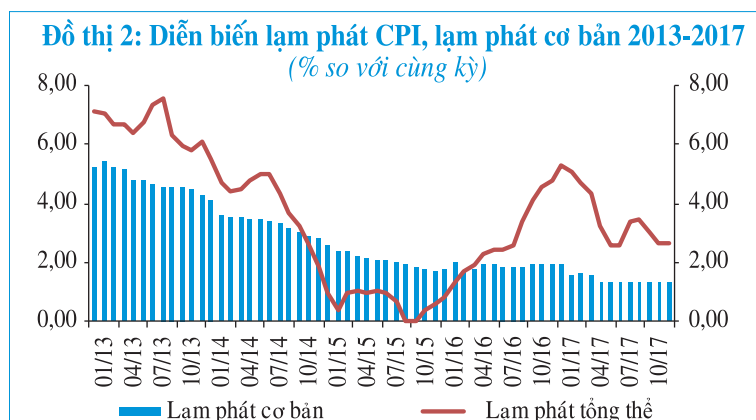


Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2017 tăng 3,5%, cao hơn mức tăng của năm trước nhưng vẫn thấp hơn mức mục tiêu 4% của Quốc hội đề ra, chủ yếu do giá nhiên liệu gia tăng và việc điều chỉnh giá Nhà nước quản lý. Lạm phát cơ bản tiếp tục ổn định, ở mức 1,4%.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2017 tăng 3,5% so với năm trước, cao hơn mức tăng 2,7% của năm 2016, nhưng vẫn thấp hơn mức mục tiêu 4% của Quốc hội đề ra và thấp hơn đáng kể so với mức tăng tương ứng của giai đoạn 2011-2014. Lạm phát năm 2017 tăng, tập trung ở một số nguyên nhân đặc thù. *Thứ nhất*, giá dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục năm 2017 tiếp tục được điều chỉnh tăng mạnh theo lộ trình, theo đó chỉ số giá nhóm dịch vụ y tế tăng 57,9%, chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục tăng 10,4%, góp phần đáng kể làm tăng lạm phát (năm 2016 tương ứng là 38,15% và 7,11%). *Thứ hai*, giá hàng hóa cơ bản thế giới tiếp tục xu hướng hồi phục, đặc biệt là giá nhiên liệu và chất đốt, làm tăng giá xăng dầu, giá gas trong nước, khiến tốc độ tăng chỉ số giá của nhóm Nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng (tăng 4,3%) và nhóm Giao thông (tăng 6,8%) cao hơn so với năm trước (năm 2016 lần lượt tăng 2,5% và giảm 7,3%). *Thứ ba*, tình hình thiên tai, thời tiết bất lợi (mưa bão, lũ lụt) ảnh hưởng đến nguồn cung và làm tăng giá hàng hóa ở các tỉnh miền Trung tại thời điểm cuối năm.

Mặc dù vậy, lạm phát bình quân so với cùng kỳ có chiều hướng chậm lại qua các tháng năm 2017 và bình quân cả năm thấp hơn so với mục tiêu 4% của Quốc hội, chủ yếu do chính sách tiền tệ đã được điều hành chủ động, linh hoạt, thận trọng để kiểm soát ổn định lạm phát cơ bản bình quân ở mức 1,4% (2016: 1,8%). Đồng thời, chính sách quản lý giá của Nhà nước cũng đã lựa chọn thời điểm, liều lượng điều chỉnh phù hợp giá các mặt hàng, dịch vụ Nhà nước quản lý, qua đó phối hợp

chặt chẽ với chính sách tiền tệ để kiểm soát lạm phát theo mục tiêu. Ngoài ra, lần đầu tiên trong vòng 16 năm gần đây, nhóm hàng Thực phẩm giảm giá trong bối cảnh giá thịt lợn giảm sâu bởi nguồn cung dồi dào trong khi nhu cầu trong nước không tăng và xuất khẩu sang một số thị trường gặp khó khăn. Điều này đã góp phần đáng kể giúp kiểm soát lạm phát năm 2017.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

2.4. Thu chi Ngân sách Nhà nước

Tổng thu cân đối Ngân sách Nhà nước theo dự toán của Quốc hội năm 2017 vượt 2,3% so với dự toán, đạt khoảng 24,75% GDP (năm 2016: vượt 8,5% dự toán và bằng 24,46% GDP). Thu vượt dự toán chủ yếu nhờ sự đóng góp của các khoản thu từ nhà, đất; hoạt động xổ số kiến thiết; thu cổ tức, lợi nhuận còn lại của doanh nghiệp nhà nước; tiền bán cổ phần sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp. Thu nội địa vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng thu ngân sách (81,6%) và vượt dự toán 2,1% (năm 2016: 12%). Thu dầu thô vượt dự toán do giá dầu thô phục hồi, đạt 113,6% (năm 2016: đạt 73,7%). Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 100% dự toán (năm 2016: vượt 0,8% dự toán).

Tổng chi cân đối Ngân sách Nhà nước vượt dự toán 1,7% (năm 2016: vượt 6,8% dự toán). Trong đó, chi đầu tư phát triển vượt 9,1% dự toán (năm 2016: vượt 5,2%); chi thường xuyên vượt 1,3% dự toán (năm 2016: vượt 1,5% dự toán).

“

Năm 2017, thu và chi Ngân sách Nhà nước tăng nhẹ so với dự toán, góp phần đáng kể vào việc hoàn thành các nhiệm vụ chi cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội. Tuy nhiên, tiến độ thu cao hơn tiến độ chi khiến bội chi Ngân sách Nhà nước đạt như dự toán.

Bội chi Ngân sách Nhà nước thấp hơn dự toán xét về giá trị tuyệt đối, đạt 174.300 tỷ đồng nhưng xét về tỷ lệ trên GDP thì tương đương dự toán, bằng 3,5% GDP (năm 2016: 5,6% GDP).

2.5. Cán cân thanh toán



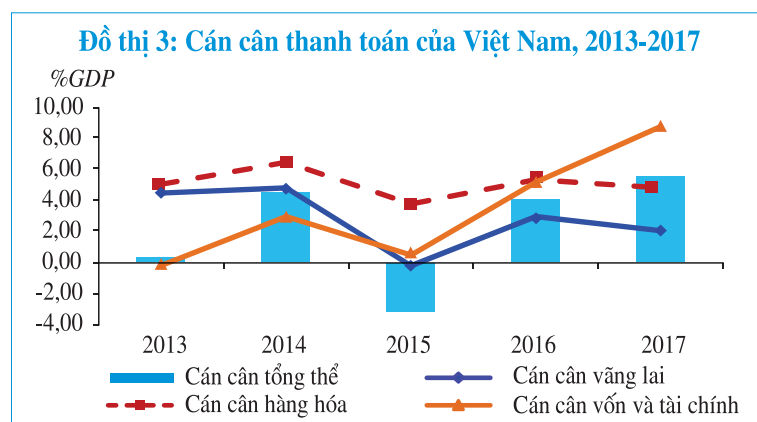
Cán cân thanh toán tổng thể thặng dư cao nhất trong 5 năm trở lại đây chủ yếu nhờ cán cân vốn và tài chính thặng dư cao, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định tạo thuận lợi cho việc tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước.

Cán cân thanh toán tổng thể năm 2017 thặng dư 12,54 tỷ USD, tăng mạnh so với mức thặng dư 8,39 tỷ USD của năm 2016 nhờ cán cân tài chính thặng dư cao. Đây cũng là mức thặng dư cán cân thanh toán tổng thể cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng kinh tế khả quan, quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước diễn biến tích cực, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa đạt những kết quả vượt bậc, dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng mạnh, Ngân hàng Nhà nước đã mua được lượng lớn ngoại tệ từ các tổ chức tín dụng để tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước.

Cán cân vãng lai thặng dư 4,67 tỷ USD (tương đương 2,1% GDP) do hầu hết các cán cân bộ phận đều diễn biến thuận lợi. Đặc biệt, cán cân hàng hóa thặng dư cao, nguồn thu từ chuyển tiền kiều hối và thu từ dịch vụ du lịch tăng khá là những yếu tố tích cực đóng góp vào mức thặng dư của cán cân vãng lai. Cán cân hàng hóa năm 2017 thặng dư 10,85 tỷ USD, giảm 1,8% so với năm 2016. Thâm hụt cán cân dịch vụ được thu hẹp từ mức 4,26 tỷ USD năm 2016 xuống mức 3,92 tỷ USD trong năm 2017 nhờ xuất khẩu dịch vụ tăng khá trong khi nhập khẩu dịch vụ chỉ tăng nhẹ. Chuyển giao vãng lai thặng dư 8,52 tỷ USD, tăng 6,7% so với mức thặng dư gần 8 tỷ USD của năm 2016. Riêng cán cân thu nhập thâm hụt 10,77 tỷ USD, tăng mạnh 25,3% so với mức thâm hụt năm 2016 do chi cho thu nhập đầu tư tăng nhanh trong bối cảnh đầu tư FDI tại Việt Nam liên tục tăng trưởng những năm vừa qua.

Cán cân vốn và tài chính thặng dư 19,73 tỷ USD, tăng 84% so với mức thặng dư 10,73 tỷ USD của năm 2016 chủ yếu do các luồng vốn nước ngoài gồm vốn đầu tư trực tiếp (FDI), vốn đầu tư gián tiếp (PI), vay nợ nước ngoài vào Việt Nam đều tăng mạnh. Đầu tư trực tiếp nước ngoài ròng thặng dư 13,62 tỷ USD, tăng mạnh 17,4% so với năm 2016. Vốn đầu tư gián tiếp ròng thặng dư 1,89

tỷ USD, gấp khoảng 8,3 lần mức thặng dư 228 triệu USD của năm 2016 nhờ thị trường chứng khoán tăng trưởng tốt và hoạt động cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước diễn ra sôi động. Vay nợ nước ngoài ròng đạt 10,75 tỷ USD, gấp khoảng 4,1 lần mức thặng dư 2,62 tỷ USD của năm 2016 do trả nợ gốc năm 2017 giảm hơn 6 tỷ USD so với năm 2016. Tiền và tiền gửi thâm hụt 6,47 tỷ USD, cao hơn so với mức thâm hụt 3,81 tỷ USD của năm 2016.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

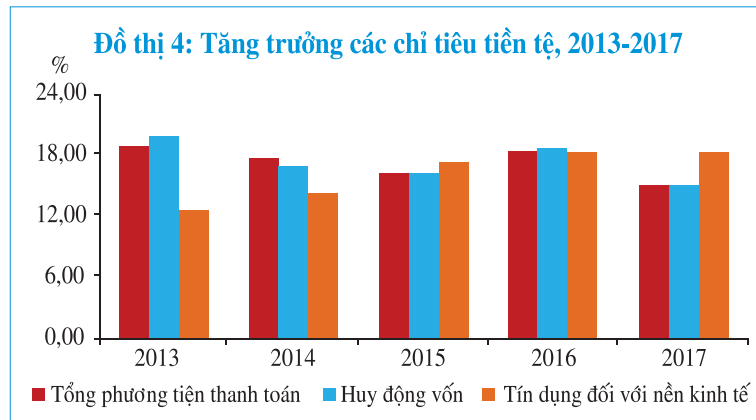
2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ

Diễn biến tiền tệ

Tính đến cuối năm 2017, tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng 14,97% so với cuối năm trước, thấp hơn mức tăng 18,38% của năm 2016, chủ yếu do Đầu tư đối với nền kinh tế tăng chậm và Cho vay Chính phủ ròng giảm mạnh khiến Tài sản có trong nước ròng (NDA) tăng 12,16% so với cuối năm trước, thấp hơn đáng kể so với mức tăng 19,17% của năm 2016. Trong đó, hạng mục Cho vay Chính phủ ròng giảm mạnh (-23,98%) khi hoạt động huy động vốn của Kho bạc Nhà nước diễn biến tích cực nhưng giải ngân vốn chậm khiến tiền gửi Kho bạc Nhà nước tăng cao tại hệ thống ngân hàng. Ở chiều ngược lại, Tài sản có nước ngoài (NFA) duy trì đà tăng trưởng tốt, tăng 33,29% so với năm trước (năm 2016: tăng 13,45%) nhờ dòng vốn nước ngoài đầu tư vào trong nước tăng mạnh, Ngân hàng Nhà nước đã một mặt chủ động mua ngoại tệ tăng dự trữ ngoại hối nhà nước, mặt khác kiểm soát và điều tiết tiền tệ hợp lý để không tạo áp lực lên lạm phát.

“

Tổng phương tiện thanh toán giữ tốc độ tăng trưởng hợp lý góp phần kiểm soát lạm phát. Huy động vốn tăng trưởng chậm lại; tín dụng đối với nền kinh tế tăng tương đương năm 2016, phù hợp với chủ trương, định hướng và góp phần tích cực hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.



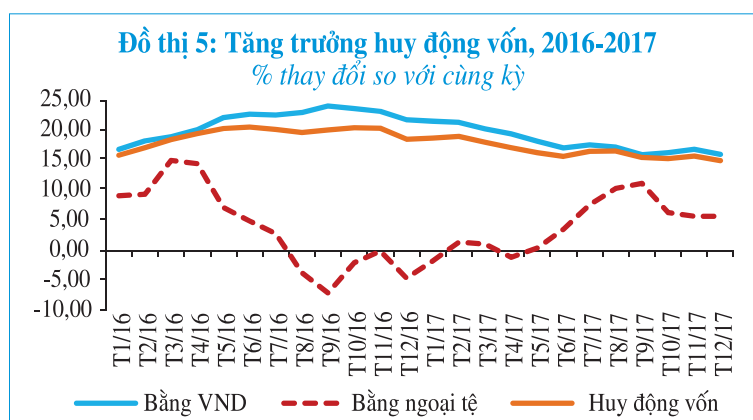
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Huy động vốn của hệ thống ngân hàng tăng chậm lại

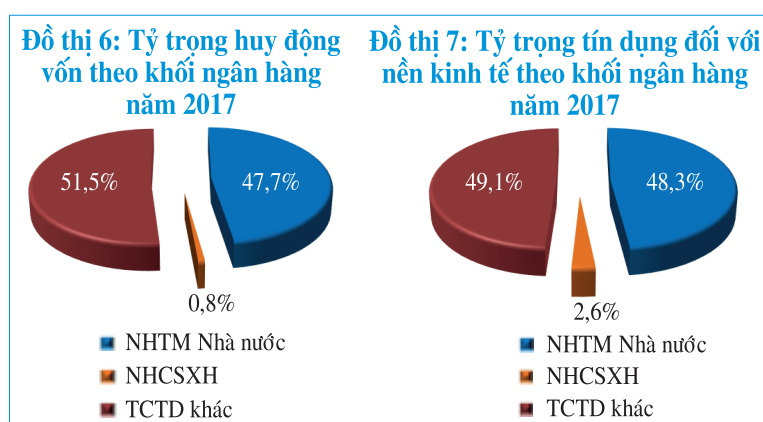
Tăng trưởng huy động vốn toàn hệ thống năm 2017 đạt 14,99%, thấp hơn so với mức tăng 18,54% của năm 2016; trong đó, huy động vốn VND tăng 16% (năm 2016: 21,77%), huy động vốn ngoại tệ tăng 5,74% (năm 2016: giảm 4,54%) và chủ yếu tăng tại các tổ chức kinh tế, huy động vốn ngoại tệ của dân cư giảm 5,57% phản ánh người dân vẫn tin tưởng nắm giữ VND. Mặc dù huy động vốn ngoại tệ tăng nhưng tốc độ tăng thấp hơn mức tăng của M2 giúp hạn chế tình trạng đô-la hóa nền kinh tế trên giác độ tiền gửi; tỷ lệ huy động vốn ngoại tệ trên tổng phương tiện thanh toán (FCD/M2) có xu hướng giảm liên tiếp từ năm 2009 và đến năm 2017 ở mức 8,01%, thấp hơn so với mức bình quân 11,15% giai đoạn 2012-2016 và mức bình quân 19,14% giai đoạn 2007-2011.

Tỷ trọng huy động vốn của nhóm ngân hàng thương mại Nhà nước tiếp tục tăng, nhóm tổ chức tín dụng khác⁵ giảm, cụ thể: Huy động vốn của nhóm ngân hàng thương mại Nhà nước (không bao gồm Ngân hàng Chính sách xã hội) chiếm 47,72% tổng mức huy động vốn toàn hệ thống (năm 2016: 46,78%); nhóm các tổ chức tín dụng khác chiếm 51,48% (năm 2016: 52,41%); Ngân hàng Chính sách xã hội chỉ chiếm 0,8% trong tổng huy động vốn của toàn ngành.

⁵ Gồm ngân hàng thương mại cổ phần, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, ngân hàng thương mại liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



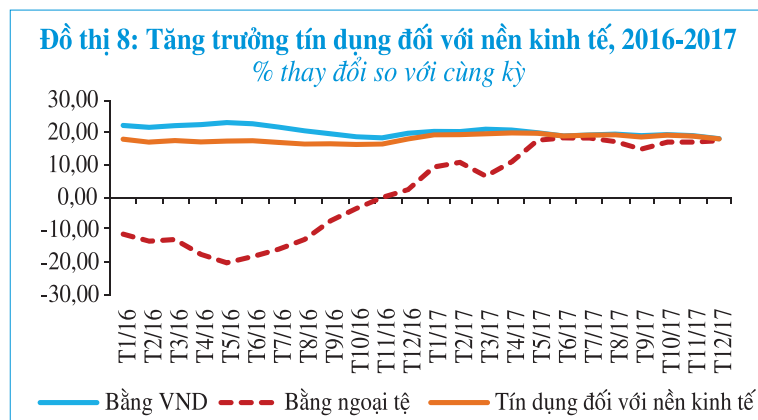
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tín dụng đối với nền kinh tế tăng tương đương năm 2016, phù hợp với chủ trương, định hướng và góp phần tích cực hỗ trợ tăng trưởng kinh tế

Năm 2017, tín dụng đối với nền kinh tế tăng 18,24% so với cuối năm trước, tương đương mức tăng của năm 2016; trong đó, tín dụng bằng VND tăng 18,3% và tín dụng bằng ngoại tệ tăng 17,66% nhưng phần lớn do khoản ủy thác của Tập đoàn Samsung. Tín dụng đối với nền kinh tế được định hướng chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt đối với các khu vực nông nghiệp - nông thôn, công nghiệp chế biến, chế tạo,... Bên cạnh đó, công tác chống đô-la hóa trên giác độ tiền vay cũng có bước thành công đáng kể; tỷ lệ tín dụng bằng ngoại tệ trên tổng phương tiện thanh toán giảm mạnh liên tiếp từ mức 18,09% (năm 2011) xuống mức 6,74% (năm 2016) và hiện ở mức 6,9% (năm 2017).

Về cơ cấu tín dụng đối với nền kinh tế theo khối ngân hàng, tỷ trọng dư nợ tín dụng có xu hướng giảm đối

với khối ngân hàng thương mại Nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội và tăng đối với khối tổ chức tín dụng khác: Dư nợ tín dụng của nhóm các ngân hàng thương mại Nhà nước (không bao gồm Ngân hàng Chính sách xã hội) chiếm 48,28% tổng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế (năm 2016: 48,73%); Ngân hàng Chính sách xã hội chiếm 2,64% (2016: 2,86%); nhóm các tổ chức tín dụng khác chiếm 49,08% (2016: 48,41%).



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Diễn biến lãi suất



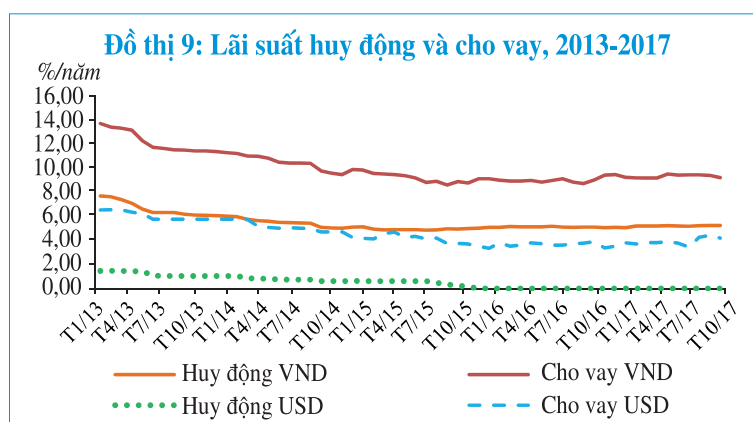
Mặt bằng lãi suất thị trường tiếp tục ổn định, chênh lệch lãi suất huy động giữa đồng Việt Nam với đô-la Mỹ giúp nâng cao vị thế Việt Nam đồng.

Lãi suất đồng Việt Nam

Năm 2017, mặt bằng lãi suất diễn biến tương đối ổn định, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ. Đến cuối năm 2017, mặt bằng lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 4,3-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng; 5,3-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng khoảng 6,5-7,3%/năm. Lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng phổ biến ở mức khoảng 6-9%/năm đối với ngắn hạn, trung, dài hạn khoảng 9-11%/năm.

Lãi suất đồng USD

Lãi suất USD diễn biến phù hợp với chủ trương của Chính phủ và định hướng điều hành của Ngân hàng Nhà nước về chống đô-la hóa trong nền kinh tế, hạn chế tình trạng găm giữ ngoại tệ, hỗ trợ ổn định tỷ giá. Đến cuối năm 2017, lãi suất huy động bằng USD của các tổ chức tín dụng ở mức 0%/năm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 2,8-6,0%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 2,8-4,7%/năm và lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 4,6-6,0%/năm.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ghi chú: Lãi suất tiền gửi và cho vay là lãi suất bình quân

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Thị trường liên ngân hàng bằng VND tăng mạnh về quy mô giao dịch

Tổng doanh số cho vay, gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng bằng VND đạt 7.863 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 1.644 nghìn tỷ đồng (tương đương tăng 26,4%) so với năm 2016. Trong khi đó, quy mô giao dịch liên ngân hàng bằng USD trong năm 2017 chỉ tăng nhẹ với tổng doanh số cho vay, gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng bằng USD quy đổi VND đạt 3.645 nghìn tỷ đồng, tăng 154 nghìn tỷ đồng (tương đương tăng 4,4%) so với năm 2016. So với hoạt động cho vay, gửi tiền, doanh số hoạt động mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ít hơn nhưng đã đạt được mức tăng trưởng cao trong năm 2017 khi doanh số giao dịch tăng từ mức 513 nghìn tỷ đồng năm 2016 lên 1.047 nghìn tỷ đồng vào năm 2017.

Xét theo kỳ hạn, các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng năm 2017 tiếp tục phát sinh chủ yếu ở các kỳ hạn dưới 1 tháng, tập trung nhiều vào kỳ hạn qua đêm, 1 tuần. Doanh số giao dịch qua đêm bằng VND cả năm đạt 3.249 nghìn tỷ đồng, bằng USD quy đổi VND đạt 2.154 nghìn tỷ đồng, lần lượt chiếm 41% và 59% so với tổng doanh số giao dịch cả năm.

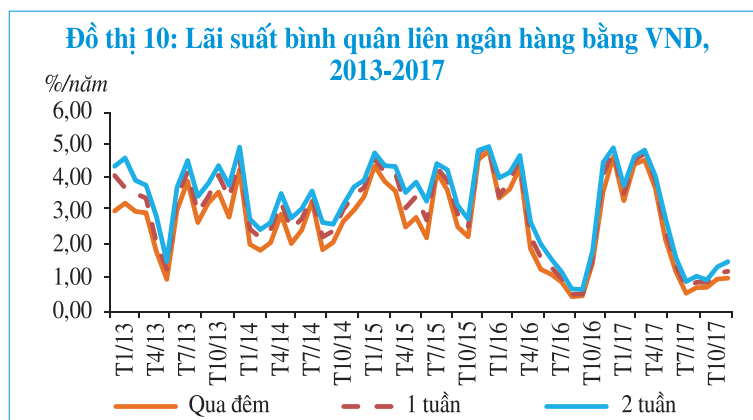
Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức thấp

Năm 2017, mặt bằng lãi suất giao dịch trên thị trường liên ngân hàng tiếp tục ổn định ở mức thấp, thanh khoản thị trường dồi dào trong bối cảnh huy động vốn của các

“

Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức thấp, quy mô giao dịch bằng VND tăng mạnh.

ngân hàng tăng trưởng khá và Ngân hàng Nhà nước mua ròng được lượng lớn ngoại tệ. Bình quân cả năm 2017, lãi suất kỳ hạn qua đêm, 1 tuần, 2 tuần giữ ở mức thấp, lần lượt là 2,27%/năm, 2,46%/năm và 2,64%/năm.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

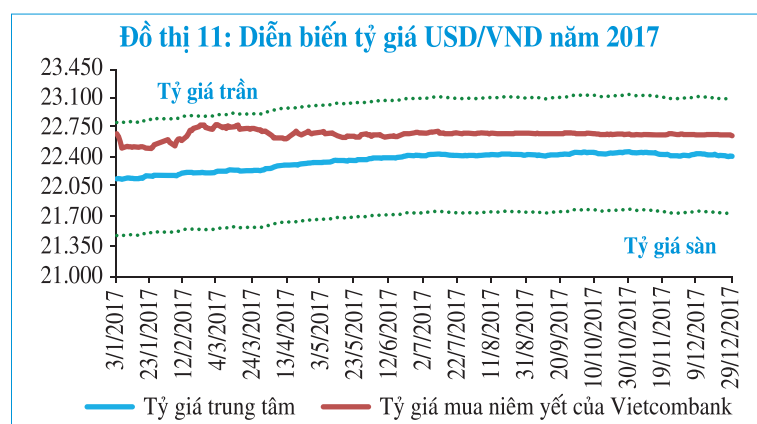


Thị trường ngoại tệ trong nước năm 2017 tương đối ổn định nhờ hoạt động kinh tế vĩ mô thuận lợi, cán cân thanh toán tổng thể thặng dư cao và Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ.

Diễn biến thị trường ngoại tệ

Mặc dù thị trường quốc tế có những thời điểm biến động theo chiều hướng bất lợi, nhưng nhìn chung tỷ giá đồng USD trên thị trường thế giới giảm đã tạo điều kiện thuận lợi để ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước năm 2017. Bên cạnh đó, sự ổn định của thị trường còn có sự đóng góp từ hoạt động kinh tế vĩ mô diễn biến thuận lợi, cán cân thanh toán tổng thể thặng dư cao, cùng với việc Ngân hàng Nhà nước điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ. Năm 2017, cán cân thanh toán tổng thể tiếp tục thặng dư cao, kinh tế vĩ mô tăng trưởng khả quan, lạm phát ổn định giúp thu hút dòng vốn đầu tư vào Việt Nam trong bối cảnh thị trường chứng khoán tăng mạnh, Chính phủ thực hiện thành công kế hoạch thoái vốn ở một số tập đoàn, tổng công ty nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho cân đối cung - cầu ngoại tệ trong nước và Ngân hàng Nhà nước chủ động thực hiện mua/bán ngoại tệ kịp thời đã giúp ổn định thị trường. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chủ động, đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ, kết hợp với cách thức điều hành tỷ giá trung tâm linh hoạt hàng ngày theo diễn biến thị trường trong và ngoài nước, phù hợp với các cân đối vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu chính sách tiền tệ, qua đó giúp giảm tâm lý găm giữ ngoại tệ và hạn chế các cú sốc bên ngoài tới thị trường trong nước. Nhờ đó,

trong năm 2017, tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước cơ bản ổn định (đến cuối năm 2017, tỷ giá trung tâm tăng khoảng 1,2% so với cuối năm 2016, tỷ giá giao dịch USD/VND trên thị trường giảm khoảng 0,2%). Thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, tình trạng găm giữ ngoại tệ giảm, hệ thống các tổ chức tín dụng mua ròng ngoại tệ từ khách hàng, Ngân hàng Nhà nước mua được lượng lớn ngoại tệ để tăng quy mô dự trữ ngoại hối Nhà nước.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Diễn biến giá vàng

Giá vàng trong nước diễn biến tương đối ổn định và biến động trong biên độ hẹp ngay cả khi giá vàng thế giới diễn biến phức tạp; chênh lệch giữa giá vàng trong nước và quốc tế duy trì ở mức thấp. Tại thời điểm cuối năm 2017, giá vàng trong nước ở mức 36,34/36,56 triệu đồng/lượng, tăng khoảng 0,3% so với cuối năm 2016.

Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2017 chứng kiến sự tăng trưởng vượt bậc đến từ nhiều nhân tố tích cực như sự phát triển kinh tế mạnh mẽ, dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài dồi dào và các thương vụ thoái vốn nhà nước tại các công ty lớn đã tạo động lực cho thị trường bứt phá. Đà tăng của thị trường được duy trì ổn định trong cả năm và thể hiện ở cả số lượng cổ phiếu niêm yết, giá trị vốn hóa cũng như giá cổ phiếu. So với cuối năm 2016, chỉ số VN-Index tăng 46,5% lên mức 984,2 điểm, chỉ số HNX-Index tăng 43,6% lên 116,9 điểm. Quy mô vốn hóa toàn thị trường đạt hơn 3,5 triệu tỷ đồng (tăng 80,5% so với năm 2016), tương đương 70,2% GDP

“

Giá vàng trong nước diễn biến tương đối ổn định và biến động trong biên độ hẹp; chênh lệch giá vàng trong nước và quốc tế duy trì ở mức thấp.

”

Thị trường chứng khoán tăng trưởng vượt bậc, song hành cùng với sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ.

(vượt kế hoạch Chính phủ đề ra đến năm 2020). Về quy mô giao dịch, thị trường năm 2017 có thanh khoản rất tốt, quy mô giao dịch mỗi phiên đạt gần 5.000 tỷ đồng, tăng 66% so với con số 3.000 tỷ đồng của năm 2016. Tính chung toàn thị trường có 737 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ, ETFs niêm yết và 690 cổ phiếu đăng ký giao dịch với tổng giá trị niêm yết, đăng ký giao dịch đạt gần 978 nghìn tỷ đồng, tăng 32% so với cuối năm 2016.

2.7. Hoạt động của các tổ chức tín dụng

Tính đến cuối năm 2017, hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam gồm 01 ngân hàng 100% vốn Nhà nước, 03 ngân hàng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; 03 ngân hàng thương mại cổ phần mua bắt buộc; 28 ngân hàng thương mại cổ phần; 02 ngân hàng thuộc khối ngân hàng chính sách; 01 Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam; 09 ngân hàng 100% vốn nước ngoài; 02 ngân hàng liên doanh; 49 chi nhánh Ngân hàng nước ngoài; 47 Văn phòng đại diện; 16 công ty tài chính; 11 công ty cho thuê tài chính; 04 tổ chức tài chính vi mô và 1.178 Quỹ tín dụng nhân dân.

Bảng 1: Hệ thống các tổ chức tín dụng của Việt Nam (đến 31/12/2017)

STT	Loại hình	2016	2017
1	Ngân hàng thương mại Nhà nước	7 ^(*)	7 ^(*)
2	Ngân hàng Chính sách xã hội	1	1
3	Ngân hàng Phát triển	1	1
4	Ngân hàng thương mại cổ phần	28	28
5	Ngân hàng liên doanh	2	2
6	Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	6	9
7	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	51	49
8	Tổ chức tín dụng phi ngân hàng	26	27
	Gồm: Công ty tài chính	15	16
	Công ty cho thuê tài chính	11	11
9	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	1	1
10	Quỹ tín dụng nhân dân	1.166	1.178
11	Tổ chức tài chính vi mô	3	4

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(*) - Bao gồm cả 03 NHTMCP được Ngân hàng Nhà nước mua lại 0 đồng (Xây dựng Việt Nam, Dầu khí toàn cầu, Đại Dương).



Các tổ chức tín dụng tiếp tục nỗ lực nâng cao năng lực tài chính, cải thiện các tỷ lệ đảm bảo an toàn, tăng cường quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Hệ số sinh lời tăng nhẹ so với năm 2016, thanh khoản tiếp tục ổn định, chất lượng tín dụng được nâng cao.

Các tổ chức tín dụng nỗ lực nâng cao năng lực tài chính, cải thiện các tỷ lệ đảm bảo an toàn, tăng cường quản trị rủi ro

Bảng 2: Tài sản và vốn của tổ chức tín dụng⁶

	Tổng tài sản có		Vốn tự có		Vốn điều lệ	
	Tỷ đồng	± %	Tỷ đồng	± %	Tỷ đồng	± %
NHTM Nhà nước	4.745.738	18,01	254.655	10,96	158.467	0,78
- NHTM Nhà nước	4.570.097	18,34	254.655	10,96	147.771	0,84
- NH Chính sách xã hội	175.641	10,04			10.696	0,00
NHTM cổ phần	4.028.497	17,69	290.626	14,35	214.791	6,94
NHTM liên doanh, nước ngoài	954.165	15,19	141.838	8,31	109.656	5,33
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	141.899	24,07	23.353	9,32	22.536	14,39
Ngân hàng Hợp tác xã	28.906	9,55	3.633	-1,65	3.026	0,04
Quỹ tín dụng nhân dân	102.584	13,84			3.953	12,86
Toàn hệ thống	10.001.790	17,62	714.106	11,64	512.429	4,91

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Năm 2017, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu; đẩy mạnh công tác thanh tra, giám sát và hoàn thành hành lang pháp lý về an toàn trong hoạt động ngân hàng, quản trị rủi ro. Theo đó, năng lực tài chính và quy mô hoạt động của các tổ chức tín dụng từng bước cải thiện, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Đến cuối tháng 12/2017, tổng tài sản của toàn hệ thống đạt 10.001,8 nghìn tỷ đồng, tăng 17,6% so với cuối năm 2016; tổng vốn điều lệ toàn hệ thống đạt 512,4 nghìn tỷ đồng, tăng 4,9% so với cuối năm 2016; vốn tự có toàn hệ thống đạt 714,1 nghìn tỷ đồng, tăng 11,6% so với cuối năm 2016. Bên cạnh đó, các tổ chức tín dụng từng bước nâng cao năng lực quản trị ngân hàng để dần tiệm cận với thông lệ quốc tế; tích cực thoái các khoản đầu tư kém hiệu quả, rủi ro cao và cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng hiệu quả, an toàn; đồng thời tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng. Trong báo cáo về triển vọng

⁶ Vốn tự có đã loại bỏ các tổ chức tín dụng có vốn tự có âm và không bao gồm ngân hàng Chính sách xã hội và Quỹ tín dụng nhân dân.

hệ thống ngân hàng Việt Nam tháng 10/2017, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's đã nâng mức đánh giá triển vọng của hệ thống ngân hàng Việt Nam từ “ổn định” lên “tích cực” và theo công bố của Tạp chí The Asian Banker, có 15 ngân hàng thương mại của Việt Nam nằm trong danh sách 500 ngân hàng mạnh nhất khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Đây chính là kết quả tích cực của việc Ngân hàng Nhà nước triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về thanh tra, giám sát ngân hàng, đặc biệt là các giải pháp triển khai Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020” và được các tổ chức quốc tế ghi nhận.

Việc triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về thanh tra, giám sát, tái cơ cấu gắn với xử lý nợ xấu giúp đảm bảo an toàn, hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng; kỷ cương và kỷ luật trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng được nâng cao, góp phần ổn định an toàn hệ thống ngân hàng. Tính đến cuối tháng 12/2017, ROA và ROE toàn hệ thống lần lượt là 0,7% và 10,1%, tăng so với năm 2016 (các tỷ lệ này năm 2016 lần lượt là 0,6% và 7,5%). Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của hệ thống (CAR) tính đến cuối tháng 12/2017 ở mức 12,2%, giảm nhẹ so với mức 12,8% cuối năm 2016.

Bảng 3: Một số chỉ tiêu hoạt động của tổ chức tín dụng⁷

Đơn vị: %

	ROA	ROE	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn
NHTM Nhà nước	0,56	10,59	9,52	33,44
- NHTM Nhà nước	0,58	12,03	9,52	33,44
- Ngân hàng Chính sách xã hội	0,16	0,86		
NHTM cổ phần	0,75	10,21	11,47	34,47
NHTM liên doanh, nước ngoài	1,01	6,52	29,11	-6,31
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	4,74	22,56	17,81	48,81
Ngân hàng Hợp tác xã	0,48	3,61	25,26	31,20
Quỹ tín dụng nhân dân	0,78	11,79		
Toàn hệ thống	0,74	10,07	12,23	30,65

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

⁷ ROA và ROE được ước tính dựa trên chênh lệch thu chi năm 2017 của các tổ chức tín dụng, không bao gồm các tổ chức tín dụng có vốn tự có âm.



Thanh khoản của hệ thống tiếp tục ổn định, chất lượng tín dụng được nâng cao

Rủi ro thanh khoản: Thanh khoản của toàn hệ thống duy trì ổn định; các tỷ lệ về khả năng chi trả được đảm bảo; tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trong, dài hạn mặc dù vẫn ở mức cao 30,7% nhưng đã có xu hướng giảm so với mức 34,7% của năm 2016; tín dụng trung, dài hạn tăng khá để đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế song vẫn trong tầm kiểm soát.

Rủi ro tín dụng: Năm 2017, với việc tích cực triển khai các giải pháp tại Đề án Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, chất lượng tín dụng cải thiện với tỷ lệ nợ xấu tiếp tục giảm và được kiểm soát ở mức an toàn theo mục tiêu đề ra; đáng chú ý các khoản nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu đã có xu hướng giảm xuống. Tính từ năm 2012 đến hết năm 2017, toàn hệ thống các tổ chức tín dụng đã xử lý được 727,1 nghìn tỷ đồng nợ xấu, trong đó nợ xấu do các tổ chức tín dụng tự xử lý chiếm 58,8%, còn lại là bán nợ cho VAMC và các tổ chức, cá nhân khác (chiếm 41,2%). Đến cuối tháng 12/2017, tỷ lệ nợ xấu nội bảng của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng chiếm 1,99% tổng dư nợ, giảm so với mức 2,46% vào cuối năm 2016.

Phần II – Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 10/01/2017, theo đó đặt mục tiêu, nhiệm vụ toàn ngành Ngân hàng năm 2017 là “*Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra (bình quân khoảng 4%), ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý (khoảng 6,7%); bảo đảm thanh khoản của các tổ chức tín dụng, ổn định thị trường tiền tệ. Năm 2017, định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 16-18%, tín dụng tăng khoảng 18%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Tổ chức thực hiện các giải pháp về tiền tệ, hoạt động ngân hàng để tiếp tục tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn, chất lượng tín dụng, đảm bảo cung ứng vốn cho nền kinh tế, tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của doanh nghiệp và người dân*”.

1. Điều hành chính sách tiền tệ

Điều hành chủ động, linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở nhằm điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo thanh khoản hệ thống và ổn định thị trường tiền tệ, hỗ trợ ổn định tỷ giá và góp phần kiểm soát tiền tệ

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chủ động, linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở nhằm điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo thanh khoản hệ thống, ổn định thị trường tiền tệ, hỗ trợ ổn định tỷ giá, từ đó góp phần ổn định và giảm mặt bằng lãi suất thị trường.

Hàng ngày, Ngân hàng Nhà nước hỗ trợ thanh khoản cho các tổ chức tín dụng thiếu hụt tạm thời vốn khả dụng thông qua kênh chào mua giấy tờ có giá, với kỳ hạn chủ yếu là 7 ngày, lãi suất được giữ ổn định ở mức 5,0%/năm, khối lượng chào mua giấy tờ có giá điều chỉnh phù hợp với diễn biến thị trường và tình hình vốn khả dụng của các tổ chức tín dụng. Tại một số thời điểm nhu



Chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý; đồng thời bảo đảm thanh khoản hệ thống, duy trì ổn định thị trường tiền tệ.

cầu thanh khoản tăng cao do yếu tố mùa vụ (các dịp lễ, Tết), khối lượng chào mua giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng, kỳ hạn chào mua được kéo dài từ 7 ngày lên 14-28 ngày nhằm giảm áp lực thanh khoản cho các tổ chức tín dụng, góp phần ổn định thị trường tiền tệ.

Từ tháng 7/2017, trong bối cảnh thanh khoản hệ thống dư thừa và Ngân hàng Nhà nước mua được ngoại tệ từ các tổ chức tín dụng bổ sung dự trữ Ngoại hối Nhà nước, để hỗ trợ ổn định tỷ giá và góp phần kiểm soát tiền tệ, đảm bảo kiểm soát lạm phát, Ngân hàng Nhà nước đã điều tiết thanh khoản thông qua chào bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước với khối lượng chào bán hợp lý, kỳ hạn phát hành tín phiếu ngắn từ 7-14 ngày. Việc điều hành đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ, nhất là thông qua nghiệp vụ thị trường mở đã điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo thanh khoản hệ thống và ổn định thị trường tiền tệ; lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức thấp, giảm áp lực lên lãi suất huy động, giúp các tổ chức tín dụng chủ động cân đối nguồn vốn trong hoạt động; đồng thời hỗ trợ Bộ Tài chính phát hành thành công trái phiếu Chính phủ với khối lượng lớn, kỳ hạn dài, chi phí thấp.

Điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành và lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành, lĩnh vực

Năm 2017, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách lãi suất chủ động, linh hoạt, phù hợp với mục tiêu chính sách tiền tệ, góp phần hỗ trợ giảm chi phí vốn vay cho doanh nghiệp. Trong bối cảnh lạm phát tăng cao hơn mục tiêu những tháng đầu năm và áp lực tăng tỷ giá trên thị trường ngoại tệ, Ngân hàng Nhà nước đã nỗ lực điều hành chính sách tiền tệ đảm bảo thanh khoản cho tổ chức tín dụng, duy trì lãi suất liên ngân hàng ở mức hợp lý, góp phần ổn định và giảm mặt bằng lãi suất thị trường. Từ ngày 10/7/2017, để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ, trên cơ sở diễn biến lạm phát có chiều hướng tăng chậm và có khả năng kiểm soát theo mục tiêu 4% Quốc hội đề ra, hoạt động các tổ chức tín dụng diễn biến tích cực, Ngân hàng Nhà nước đã

giảm 0,25%/năm các mức lãi suất điều hành⁸; giảm 0,5%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND cho các khách hàng thuộc một số ngành, lĩnh vực; chỉ đạo các tổ chức tín dụng nỗ lực tiết giảm chi phí để có cơ sở giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp.

Giữ ổn định tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng VND và ngoại tệ

Nhằm chủ động kiểm soát tiền tệ, ổn định thanh khoản của các tổ chức tín dụng và thị trường tiền tệ, hỗ trợ ổn định và giảm mặt bằng lãi suất, tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng VND được duy trì ở mức 3% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 1% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Đối với tiền gửi bằng ngoại tệ, tỷ lệ dự trữ bắt buộc được duy trì ở mức 8% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 6% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên và 1% đối với tiền gửi của các tổ chức tín dụng ở nước ngoài.

Tiếp tục thực hiện tái cấp vốn để hỗ trợ nguồn vốn trong quá trình xử lý nợ xấu và các mục tiêu khác theo chủ trương của Chính phủ

Công cụ tái cấp vốn tiếp tục được điều hành chủ động, phù hợp với diễn biến thị trường và tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng, phối hợp cùng các công cụ chính sách tiền tệ khác góp phần đạt được mục tiêu kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai tái cấp vốn cho các mục tiêu theo chủ trương của Chính phủ như: Tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của VAMC nhằm hỗ trợ nguồn vốn hoạt động của TCTD trong quá trình xử lý nợ xấu theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 và Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31/3/2015 của Chính phủ; Tái cấp vốn với các ngân hàng để cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 và Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 21/8/2014 của Chính phủ; Tái cấp vốn đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam để cho vay các dự án thuộc

⁸ Lãi suất tái cấp vốn ở mức 6,25%/năm, lãi suất tái chiết khấu ở mức 4,25%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng ở mức 7,25%/năm.

Quy hoạch chống ngập úng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1.

Thực hiện cách thức điều hành tỷ giá trung tâm linh hoạt hàng ngày, kết hợp với điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ

Năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện đồng bộ, linh hoạt các giải pháp nhằm ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ. *Thứ nhất*, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện công bố tỷ giá trung tâm hàng ngày trên cơ sở tham chiếu diễn biến thị trường trong nước và quốc tế, các cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu chính sách tiền tệ. Tỷ giá trung tâm thay đổi linh hoạt theo cả hai chiều tăng/giảm giúp hạn chế tình trạng đầu cơ, găm giữ ngoại tệ, giảm tình trạng đô-la hóa; đồng thời, giúp giảm thiểu tác động bất lợi từ các biến động bên ngoài tới thị trường trong nước, hạn chế áp lực lên tỷ giá. *Thứ hai*, trong bối cảnh nguồn cung ngoại tệ dồi dào, Ngân hàng Nhà nước một mặt chủ động điều chỉnh linh hoạt tỷ giá mua ngoại tệ từ các tổ chức tín dụng, thực hiện hình thức mua ngoại tệ kỳ hạn để mua ngoại tệ bổ sung dự trữ ngoại hối Nhà nước, mặt khác điều tiết tiền tệ hợp lý, hút tiền về thông qua phát hành tín phiếu Ngân hàng Nhà nước để đảm bảo kiểm soát lạm phát. *Thứ ba*, Ngân hàng Nhà nước điều hành tỷ giá kết hợp với việc điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, duy trì chênh lệch lãi suất VND và USD theo hướng khuyến khích nắm giữ VND, điều hành thanh khoản hợp lý để vừa hỗ trợ ổn định tỷ giá khi cần thiết, vừa hỗ trợ thực hiện mục tiêu ổn định lãi suất, nâng cao giá trị và vị thế của VND. Công tác điều hành tỷ giá và thị trường ngoại tệ của Việt Nam năm 2017 được nhiều tổ chức quốc tế, doanh nghiệp và người dân đánh giá cao.

Điều hành các giải pháp tín dụng nhằm kiểm soát quy mô tín dụng phù hợp với chỉ tiêu định hướng, đồng thời nâng cao chất lượng tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng

Trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2017 khoảng 6,7% và lạm phát bình quân khoảng 4% được

Quốc hội và Chính phủ đặt ra từ đầu năm, Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng năm 2017 khoảng 18%, có điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước thông báo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với tổ chức tín dụng và trong quá trình thực hiện, Ngân hàng Nhà nước xem xét điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên cơ sở tình hình tài chính và khả năng mở rộng tín dụng lành mạnh theo đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện các giải pháp hỗ trợ tổ chức tín dụng mở rộng tín dụng có hiệu quả, tập trung vốn vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên; theo dõi sát tình hình cấp tín dụng đối với một số ngành, lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro để kịp thời đề xuất những giải pháp tăng cường kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng; tiếp tục triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi đối với một số ngành, lĩnh vực đặc thù, đặc biệt là đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật; ban hành các văn bản chỉ đạo tổ chức tín dụng thực hiện có hiệu quả Chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp và nhiều chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nhằm khắc phục khó khăn do thiên tai, sự cố môi trường, giá cả nông sản sụt giảm đột biến,...

Đối với tín dụng ngoại tệ, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục kiểm soát chặt chẽ nhu cầu vay vốn bằng ngoại tệ đảm bảo phù hợp với chủ trương của Chính phủ về hạn chế đô-la hóa trong nền kinh tế, góp phần ổn định thị trường tiền tệ. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước quy định tổ chức tín dụng được xem xét, quyết định cho khách hàng vay vốn bằng ngoại tệ để đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn ở trong nước nhằm thực hiện phương án sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu đến hết ngày 31/12/2017, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp theo chủ trương của Chính phủ tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016.

2. Quản lý ngoại hối

Quản lý các giao dịch vãng lai

Công tác quản lý các giao dịch vãng lai tiếp tục được thực hiện theo hướng tự do hóa phù hợp với các cam kết quốc tế. Chính sách thu hút kiều hối tiếp tục thực hiện theo hướng thông thoáng, phù hợp với xu thế hội nhập, nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi cho dòng kiều hối chuyển về nước, góp phần cải thiện cán cân thanh toán của Việt Nam, tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước. Song song với đó, Ngân hàng Nhà nước tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp, chính sách nhằm hạn chế sử dụng ngoại tệ trong nước, tiến tới xóa bỏ tình trạng đô-la hóa trên lãnh thổ Việt Nam. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách về quản lý thu đổi ngoại tệ, mua, bán ngoại tệ tiền mặt của tổ chức tín dụng được phép với cá nhân... để thu hút các nguồn ngoại tệ vào hệ thống ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước cũng đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan trong công tác quản lý ngoại hối nhằm giúp cho các tổ chức, cá nhân nắm bắt và thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành.

Quản lý các giao dịch vốn

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tăng cường công tác quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư nước ngoài nhằm: **(i)** tạo thuận lợi thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải thiện cán cân thanh toán quốc tế; **(ii)** đảm bảo an toàn, hiệu quả dòng vốn đầu tư gián tiếp vào Việt Nam góp phần hỗ trợ phát triển thị trường chứng khoán, huy động vốn cho đầu tư và phát triển kinh tế trong nước; **(iii)** quản lý dòng vốn đầu tư trực tiếp/gián tiếp ra nước ngoài ở mức thận trọng nhằm vừa hỗ trợ các nhà đầu tư trong nước tranh thủ cơ hội song vẫn đảm bảo giám sát chặt chẽ dòng vốn ra, ưu tiên tập trung nguồn lực phát triển kinh tế trong nước; **(iv)** quản lý chặt chẽ công tác giám sát hạn mức vay trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, đảm bảo mức vay trả nợ nước ngoài ròng của doanh nghiệp tự vay tự trả năm 2017 nằm trong hạn

“

Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối và thị trường vàng; các công tác quản lý giao dịch vãng lai, giao dịch vốn, quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước tiếp tục được tăng cường, đảm bảo nguyên tắc an toàn, thanh khoản; đồng thời củng cố công tác quản lý đối với thị trường vàng.

mức vay nước ngoài được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (5,5 tỷ USD).

Quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước

Năm 2017, thị trường ngoại hối khá ổn định, tình trạng găm giữ ngoại tệ tiếp tục giảm, nguồn lực ngoại tệ đã được chuyển hóa để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Trong điều kiện đó, Ngân hàng Nhà nước đã mua được lượng lớn ngoại tệ bổ sung dự trữ ngoại hối Nhà nước, đưa quy mô dự trữ ngoại hối Nhà nước lên mức 51,5 tỷ USD vào cuối năm 2017. Dự trữ ngoại hối Nhà nước đã được Ngân hàng Nhà nước quản lý theo hướng đảm bảo an toàn, thanh khoản, sinh lời.

Quản lý thị trường vàng

Năm 2017, thị trường vàng trong nước tiếp tục ổn định và tự điều tiết tốt, không xuất hiện các cơn “sốt vàng” trên thị trường; doanh số mua, bán vàng miếng giảm nhiều so với những năm trước, nhiều thời điểm giảm đến 70% so với năm 2013. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục không phải sử dụng ngoại tệ để nhập khẩu vàng can thiệp thị trường, không cấp phép cho doanh nghiệp nhập khẩu vàng, thị trường đã tự cân đối. Nhờ vậy, một phần nguồn vốn bằng vàng trong nền kinh tế tiếp tục được chuyển hóa thành tiền phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần ổn định tỷ giá và ổn định kinh tế vĩ mô.

Tăng cường công tác xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối và thị trường vàng

Năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành 05 thông tư liên quan đến quản lý các hoạt động ngoại hối, kết hợp đổi mới hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với điều kiện thực tế. Qua đó, góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động ngoại hối trong và ngoài nước theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn đảm bảo quyền tiếp cận các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước đã hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ “Đề án giải pháp hạn chế tình trạng vàng hóa nhằm chuyển hóa nguồn lực vàng thành tiền phục vụ phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2017-2020”

và “Đề án hạn chế tình trạng đô-la hóa trong nền kinh tế đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”.

3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng

Năm 2017, với việc Quốc hội ban hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng và thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng; Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020” tại Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017, ngành Ngân hàng đã có cơ sở pháp lý quan trọng, thuận lợi để triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về công tác thanh tra, giám sát, cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu. Qua đó, góp phần bảo đảm an ninh, an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng, nâng cao trật tự, kỷ cương và hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ, quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

Công tác thanh tra, giám sát

Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Kế hoạch thanh tra năm 2017 kèm theo Quyết định số 2336a/QĐ-NHNN ngày 25/11/2016 để thống nhất thực hiện trong toàn ngành đối với công tác thanh tra chuyên ngành và thanh tra hành chính. Trong đó, công tác thanh tra chuyên ngành tập trung vào thanh tra pháp nhân nhằm đánh giá chính xác hơn về thực trạng pháp nhân tổ chức tín dụng và thanh tra chuyên đề một số nội dung trọng yếu trong hoạt động của tổ chức tín dụng (cơ cấu lại, xử lý nợ xấu và chất lượng tín dụng,...). Kế hoạch thanh tra đã thực hiện lồng ghép thanh tra chuyên ngành và thanh tra thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng; phòng, chống rửa tiền đối với một số đối tượng thanh tra để vừa đảm bảo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong xây dựng, thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra. Đặc biệt, năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã đẩy mạnh thanh tra quỹ tín dụng nhân dân, nhất là các quỹ tín dụng nhân dân yếu kém. Qua thanh tra, kiểm tra, nhiều hạn chế, sai phạm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được phát hiện như vi phạm trong hoạt động

“

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về công tác thanh tra, giám sát ngân hàng; các giải pháp về cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu; hoàn thiện hành lang pháp lý về an toàn trong hoạt động ngân hàng, quản trị rủi ro, hỗ trợ xử lý nợ xấu và cơ cấu lại; đẩy mạnh triển khai áp dụng các quy định về an toàn theo chuẩn mực quốc tế Basel II.

cấp tín dụng, phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, quy định về tỷ lệ giới hạn an toàn,... Bên cạnh đó, để nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và xử lý sau thanh tra tiếp tục được quan tâm thực hiện chặt chẽ, sát sao nhằm bảo đảm tổ chức tín dụng thực hiện nghiêm túc các kiến nghị, kết luận về thanh tra, kiểm tra. Ngoài ra, trong quá trình thanh tra, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tăng cường phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thông qua cung cấp thông tin, hồ sơ tài liệu, tiến hành giám định tư pháp,...

Công tác giám sát ngân hàng tiếp tục được đổi mới và tăng cường trên cơ sở hoàn thiện, triển khai các công cụ, phương pháp giám sát mới gắn liền với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển cơ sở dữ liệu và hệ thống tiêu chí giám sát, từng bước chuyển dần từ giám sát tuân thủ sang kết hợp giữa giám sát tuân thủ và giám sát trên cơ sở rủi ro. Trong đó: **(i)** hình thức giám sát kết hợp thực hiện giữa hoạt động giám sát an toàn vi mô truyền thống với hoạt động giám sát an toàn vĩ mô về chất lượng tín dụng, tình hình cho vay đầu tư, kinh doanh bất động sản, tình hình cổ đông, cổ phần, sở hữu chéo,...; **(ii)** nội dung giám sát không chỉ tập trung vào việc tuân thủ pháp luật, chấp hành các tỷ lệ, giới hạn an toàn hoạt động, mà còn đánh giá và cảnh báo rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng; **(iii)** phạm vi giám sát được mở rộng, bao gồm cả các công ty con, chi nhánh của tổ chức tín dụng ở nước ngoài, sở hữu vốn, đầu tư tài chính của tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, trong năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 08/2017/TT-NHNN ngày 01/8/2017 quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng và Sổ tay giám sát ngân hàng, giúp chuẩn hóa và thống nhất nội dung, trình tự, thủ tục giám sát tổ chức tín dụng trong toàn hệ thống.

Công tác quản lý cấp phép

Công tác quản lý, cấp phép trong năm 2017 tiếp tục được thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện thận trọng gắn với tiến độ, kết quả thực hiện tái cơ cấu và xử lý nợ xấu của toàn hệ thống và của từng tổ chức tín dụng, nhằm bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh

của hệ thống các tổ chức tín dụng. Trong năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã cấp giấy phép thành lập và hoạt động mới đối với 01 ngân hàng 100% vốn nước ngoài và 01 chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Ngoài ra, về việc cấp phép mở rộng mạng lưới hệ thống tổ chức tín dụng trong quá trình hoạt động, Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận thành lập 01 ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 01 văn phòng đại diện tại nước ngoài; thành lập mới đối với 112 phòng giao dịch, 05 văn phòng đại diện, 01 đơn vị sự nghiệp, 01 trung tâm xử lý tiền mặt trong nước; chấp thuận cho 139 phòng giao dịch được chuyển đổi từ phòng giao dịch bưu điện và 11 phòng giao dịch được chuyển đổi từ quỹ tiết kiệm; chấm dứt hoạt động của 13 chi nhánh và 01 văn phòng đại diện trong nước.

Tình hình triển khai thực hiện Đề án “Cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020” và triển khai áp dụng quy định về an toàn theo chuẩn mực quốc tế Basel II

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu

Nhận thức quá trình cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng là một quá trình thường xuyên, liên tục, lấy ổn định kinh tế vĩ mô làm nền tảng, kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2011-2015, trong năm 2017, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu. Ngày 10/01/2017, Ngân hàng Nhà nước ban hành Chỉ thị số 02/CT-NHNN chỉ đạo toàn ngành Ngân hàng tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp về cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, nâng cao chất lượng tín dụng gắn với tăng cường xử lý nợ xấu theo nguyên tắc thị trường, hoàn thiện hành lang pháp lý hỗ trợ xử lý nợ xấu và cơ cấu lại các tổ chức tín dụng,... để đảm bảo duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức an toàn, bền vững (dưới 3% tổng dư nợ). Đồng thời, thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị và Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng và hoàn thiện Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020” trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 (Đề án 1058). Đề án 1058

bao gồm các nhóm giải pháp về hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách về tiền tệ và hoạt động ngân hàng, trong đó quan trọng nhất là hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém và xử lý nợ xấu; nâng cao năng lực tài chính, quản trị điều hành của tổ chức tín dụng; nâng cao năng lực công tác thanh tra, giám sát ngân hàng; các nhóm giải pháp cơ cấu lại theo từng nhóm tổ chức tín dụng; các giải pháp về xử lý nợ xấu.

Cùng với việc xây dựng, trình ban hành Đề án 1058, để xử lý các khó khăn, vướng mắc, bất cập về pháp lý đã nảy sinh trong quá trình xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổng kết thực tiễn thi hành pháp luật, soạn thảo trình Chính phủ, Quốc hội thông qua nghị quyết về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng (Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017). Nghị quyết này đã cho phép áp dụng nhiều chính sách mới (so với pháp luật hiện hành) về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, tạo lập cơ sở pháp lý thuận lợi hơn cho việc xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán nợ xấu, góp phần xử lý nhanh và thực chất nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng.

Hoàn thiện khung pháp lý về an toàn trong hoạt động ngân hàng, quản trị rủi ro, hỗ trợ xử lý nợ xấu và cơ cấu lại các tổ chức tín dụng

Trong năm 2017, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực hoạt động ngân hàng, bảo đảm an toàn, hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó tập trung hoàn thiện các văn bản pháp lý hỗ trợ cơ cấu lại và xử lý nợ xấu. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng và đã được thông qua tại kỳ họp lần thứ 4, Quốc hội khóa XIV (Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2018). Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc thực hiện các giải pháp cơ cấu lại hệ thống các tổ

chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020. Các nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật chủ yếu tập trung vào các nội dung như nâng cao năng lực quản trị, điều hành của các tổ chức tín dụng, hạn chế tình trạng cổ đông lớn thao túng, chi phối hoạt động của tổ chức tín dụng, biện pháp can thiệp sớm các tổ chức tín dụng có dấu hiệu yếu kém và cơ chế xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt... Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành 02 quyết định và ban hành 02 chỉ thị, 05 thông tư⁹ liên quan đến các hoạt động thanh tra, giám sát, tái cơ cấu, xử lý nợ xấu, đảm bảo an ninh, an toàn ngành Ngân hàng; xây dựng và phổ biến Sổ tay Giám sát ngân hàng tới các đơn vị trên toàn hệ thống; trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Đề án phát triển Quỹ tín dụng nhân dân đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Đồng thời, căn cứ ý kiến chỉ đạo của Chính phủ và các bộ, ngành, đơn vị liên quan, Ngân hàng Nhà nước đã hoàn thiện và phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại và nâng cao năng lực của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam giai đoạn 2017-2020 và hướng tới 2022”.

Triển khai thực hiện quy định về an toàn theo chuẩn mực quốc tế và yêu cầu của Basel II

Năm 2017, Ngân hàng tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện Basel II, góp phần xây dựng hệ thống pháp lý đồng bộ, thống nhất, tăng cường minh bạch hóa hoạt động ngân hàng, nâng cao năng lực quản trị điều hành phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn hoạt động của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam; bảo đảm sự an toàn, lành mạnh và phát triển bền vững các tổ chức tín dụng. Để thực hiện Basel II, Ngân hàng Nhà nước đã lựa chọn 10 ngân hàng thương mại thí điểm triển khai Basel II và chỉ đạo các ngân hàng thương mại này phải có kế hoạch phần

⁹ Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12/6/2017, Quyết định số 21/2017/QĐ-TTg ngày 15/6/2017 và các chỉ thị, thông tư: Chỉ thị số 06/CT-NHNN ngày 20/07/2017; Chỉ thị số 07/CT-NHNN ngày 11/10/2017; Thông tư số 02/2017/TT-NHNN ngày 17/5/2017; Thông tư số 06/2017/TT-NHNN ngày 05/7/2017; Thông tư số 08/2017/TT-NHNN ngày 01/8/2017; Thông tư số 09/2017/TT-NHNN ngày 14/8/2017; Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20/11/2017.

đầu thực hiện Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo phương pháp tiêu chuẩn Basel II kể từ ngày 01/01/2019. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đang hoàn thiện thông tư thay thế Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, trong đó có quy định đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP) và quản lý rủi ro nhằm thực hiện trụ cột 2 Basel II; xây dựng công cụ thanh tra, giám sát các tổ chức tín dụng thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; phối hợp với Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam nghiên cứu giải pháp tập hợp dữ liệu triển khai Basel II,...

Công tác phòng, chống rửa tiền

Công tác phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố năm 2017 đạt được nhiều kết quả quan trọng góp phần phòng, chống tội phạm trong nước và quốc tế, bảo vệ an ninh tài chính – tiền tệ quốc gia và sự an toàn của hệ thống ngân hàng. Năm 2017, Ngân hàng Nhà nước nhận được 1.474 báo cáo giao dịch đáng ngờ từ các đối tượng báo cáo, trong đó đã chuyển giao thông tin cho cơ quan chức năng có thẩm quyền khác xử lý 120 vụ việc. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước còn hỗ trợ cung cấp nhiều thông tin liên quan tới bị can, bị cáo hoặc đối tượng trong các vụ án điều tra cho các cơ quan có thẩm quyền (đã cung cấp thông tin liên quan đến 141/152 văn bản được yêu cầu).

Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp với các bộ, ngành có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố giai đoạn 2015-2020 với nhiều hoạt động nổi bật như: **(i)** đầu mối tiến hành đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, tài trợ khủng bố; **(ii)** tham mưu, trình các cấp quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân đối với tội rửa tiền và tài trợ khủng bố tại Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13; **(iii)** tham mưu chuẩn bị cho Đánh giá đa phương và thực hiện kiến nghị của các tổ chức quốc tế về công tác phòng, chống rửa tiền của

Việt Nam; (iv) ký Bản ghi nhớ trao đổi thông tin (MOU) về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố với Liên bang Nga (tháng 6/2017). Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước tích cực phối hợp với các bộ, ngành liên quan để triển khai Đạo luật tuân thủ thuế đối với tài khoản ở nước ngoài của công dân Mỹ (FATCA) giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ Mỹ, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tiếp nhận báo cáo điện tử theo yêu cầu của FATCA,...

4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về điều hành và thực thi các công cụ chính sách an toàn vĩ mô nhằm ngăn ngừa rủi ro mang tính hệ thống, giảm thiểu tác động tiêu cực đến nền kinh tế nói chung và khu vực doanh nghiệp nói riêng; đồng thời xác định phương pháp, lộ trình cho công tác chuẩn bị vận hành khung chính sách an toàn vĩ mô. Bên cạnh đó, trong năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã đẩy mạnh công tác truyền thông về ổn định tài chính, chính sách an toàn vĩ mô nhằm tăng cường nhận thức của công chúng về khái niệm, vai trò của chính sách an toàn vĩ mô.

Năm 2017, Ngân hàng Nhà nước bắt đầu triển khai thực hiện Quy chế giám sát rủi ro hệ thống (ban hành theo Quyết định số 2563/QĐ-NHNN ngày 31/12/2016). Hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin phục vụ giám sát rủi ro hệ thống, ổn định tài chính được tăng cường, củng cố và dần hoàn thiện. Công tác theo dõi, giám sát rủi ro hệ thống tài chính được Ngân hàng Nhà nước thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua việc phân tích các chỉ số an toàn vĩ mô (MPIs), các mô hình phân tích định lượng (kiểm định Stress Test), phân tích tính dễ bị tổn thương (VEE), cơ chế cảnh báo rủi ro hệ thống hệ thống (SRAM); cải thiện hệ thống báo cáo chuyên đề giám sát rủi ro hệ thống định kỳ hàng quý và báo cáo ổn định tài chính hàng năm theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế,... Qua đó giúp Ngân hàng Nhà nước nhận diện sớm những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro hệ thống và đưa ra các giải pháp chính sách ứng phó kịp thời, phù hợp.

“

Ngân hàng Nhà nước tích cực triển khai thực hiện Quy chế giám sát rủi ro hệ thống và tăng cường công tác giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính; đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu, xây dựng các công cụ chính sách an toàn vĩ mô.

5. Công tác pháp chế

Công tác xây dựng pháp luật



Công tác xây dựng và thực thi pháp luật tiếp tục được đẩy mạnh nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tiền tệ - ngân hàng, góp phần minh bạch hóa hệ thống pháp luật về ngân hàng.

Nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế cho hoạt động ngân hàng, trong năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng, ban hành theo thẩm quyền, phối hợp ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành 34 văn bản quy phạm pháp luật bao gồm Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, 02 nghị định của Chính phủ, 02 quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 28 thông tư. Các văn bản được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý cho Ngân hàng Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như: **(i)** Tái cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng; **(ii)** Mua bán, xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, VAMC; **(iii)** Ban hành các quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng; **(iv)** Điều chỉnh hoạt động ngoại hối vàng; **(v)** Triển khai các chính sách hỗ trợ tín dụng. Việc xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong năm 2017 đã góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật ngành ngân hàng, tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tạo lập khuôn khổ pháp lý quan trọng cho Ngân hàng Nhà nước điều hành chính sách tiền tệ, bảo đảm an toàn hoạt động, thúc đẩy quá trình cơ cấu lại và lành mạnh hóa hệ thống tổ chức tín dụng.

Tăng cường thực thi pháp luật ngân hàng

Để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước đã tập trung triển khai các nhiệm vụ sau: **(i)** Tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật mới được ban hành trong toàn hệ thống ngân hàng; **(ii)** Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, bãi bỏ 20 thông tư của Ngân hàng Nhà nước, dự kiến trình Chính phủ thông qua Nghị định bãi bỏ 06 nghị định trong lĩnh vực ngân hàng; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; rà soát pháp luật ngân hàng của Việt Nam so với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, các chính sách thương mại trong WTO, Hiệp định trong khuôn khổ ASEAN, Hiệp định

Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)...; **(iii)** Triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu và Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung Luật các tổ chức tín dụng; **(iv)** Cập nhật, theo dõi thi hành các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, ban hành văn bản hướng dẫn thi hành, hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để đáp ứng yêu cầu quản lý, nâng cao tính thống nhất, minh bạch của hệ thống pháp luật ngân hàng.

6. Công tác phát hành kho quỹ

Về hoạt động phát hành và điều hòa tiền mặt

Ngân hàng Nhà nước theo dõi sát diễn biến tình hình tiền mặt; chủ động, linh hoạt trong công tác điều hòa tiền mặt đối với từng địa phương, trong từng thời kỳ nhằm đáp ứng đủ nhu cầu tiền mặt của nền kinh tế, duy trì mức dự trữ toàn hệ thống an toàn, phù hợp với năng lực sản xuất của cơ sở in tiền. Đặc biệt vào các dịp lễ, Tết khi áp lực thu, chi tiền mặt tăng cao, Ngân hàng Nhà nước lên phương án chuẩn bị, tập trung nguồn lực, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao dự trữ tiền mặt tại các đơn vị, đảm bảo giao dịch tiền mặt thông suốt, không để xảy ra tình trạng thiếu tiền trên toàn quốc và tại cục bộ địa phương. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước cũng phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng thực hiện tuyên truyền sử dụng đúng mục đích tiền mệnh giá nhỏ, nghiêm cấm các hoạt động đổi tiền không đúng quy định của pháp luật; chỉ đạo các đơn vị có liên quan tăng cường thực hiện thu, đổi, tuyển chọn, phân loại tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông nhằm nâng cao chất lượng đồng tiền.

Công tác an toàn kho quỹ

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý an toàn kho quỹ trong toàn ngành, năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã tăng cường kiểm tra công tác an toàn kho quỹ tại các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và các tổ chức tín dụng để chấn chỉnh, hướng dẫn, yêu cầu các đơn vị thực hiện đúng quy định về chế độ quản lý kho quỹ, khắc phục những tồn tại nhằm đảm bảo tuyệt đối an toàn tài sản.

“

Triển khai quyết liệt công tác phát hành và kho quỹ, đảm bảo an ninh tiền tệ, an toàn hệ thống.

Công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả

Ngân hàng Nhà nước chú trọng cập nhật các ứng dụng công nghệ trong phân tích, giám định tiền giả, tiền nghi giả làm cơ sở thông tin để có cảnh báo kịp thời cho toàn ngành Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước và đơn vị liên quan; tổ chức các hội nghị trong nước và quốc tế về tăng cường hợp tác giữa ngân hàng trung ương 03 nước Cam-pu-chia - Lào - Việt Nam; triển khai ký kết Quy chế phối hợp giữa các đơn vị chức năng của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong phòng, chống tiền giả nhằm tăng cường hiệu quả công tác phối hợp, góp phần đảm bảo an ninh tiền tệ quốc gia.

7. Hoạt động thanh toán

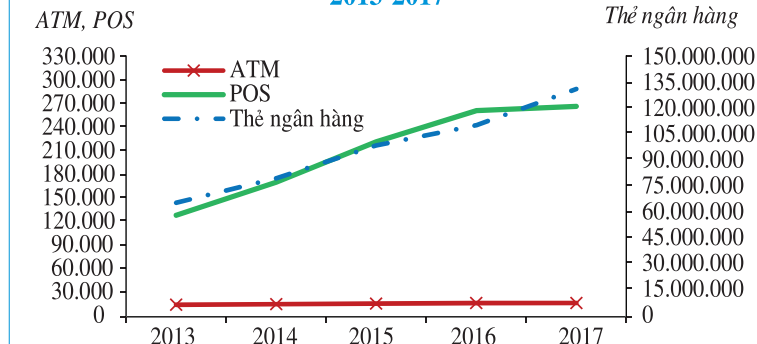
Hiện đại hóa hệ thống thanh toán

“

Hệ thống thanh toán tiếp tục được hiện đại hóa, hoạt động ổn định, an toàn, tiện lợi, phục vụ tốt nhu cầu thanh toán trong nền kinh tế, góp phần đẩy nhanh tốc độ thanh toán.

Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước đến cuối năm 2017 đã kết nối được với 375 đơn vị thành viên, trong đó có 64 đơn vị thành viên thuộc Ngân hàng Nhà nước, 247 đơn vị thành viên thuộc ngân hàng thành viên và 64 đơn vị thành viên thuộc Kho bạc Nhà nước. Tổng số giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng trong năm 2017 đạt 109.316 nghìn giao dịch với tổng giá trị giao dịch đạt 58.639 nghìn tỷ đồng, lần lượt tăng 34,3% và 31,5% so với năm 2016.

Đồ thị 12: Số lượng ATM, POS và thẻ ngân hàng qua các năm, 2013-2017



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động thanh toán thẻ tiếp tục được đầu tư để nâng cao chất lượng và hiệu quả; công tác đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống thẻ, thanh toán điện tử ngày càng được chú trọng. Đến cuối năm

2017, cả nước đã có 17.558 ATM và 268.813 thiết bị chấp nhận thẻ (POS) được lắp đặt, một số lượng lớn các trang web thương mại điện tử chấp nhận thanh toán bằng thẻ (giao dịch thẻ trực tuyến). Số lượng giao dịch qua ATM đạt trên 780 triệu giao dịch với giá trị giao dịch đạt 2.133 nghìn tỷ đồng (tương ứng tăng 8,9% và 17,9% so với năm 2016). Số lượng giao dịch qua POS/EFTPOS/EDC đạt trên 151 triệu giao dịch với giá trị giao dịch đạt 352 nghìn tỷ đồng (tương ứng tăng 55% và 40,9% so với năm 2016), trong đó giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn (82,4%). Đồng thời, hoạt động thẻ ngân hàng tiếp tục phát triển cả về số lượng phát hành và số lượng giá trị thẻ giao dịch. Đến cuối năm 2017, số lượng thẻ phát hành lũy kế đạt 132,3 triệu thẻ, tăng 18,9% so với cuối năm 2016. Các ngân hàng cũng đã tích hợp thêm nhiều tính năng ứng dụng thanh toán trên thẻ để thanh toán tiền điện, nước, cước viễn thông, bảo hiểm, phí giao thông, thanh toán trực tuyến. Công tác đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật thẻ ngân hàng được tăng cường bằng việc áp dụng tiêu chuẩn thẻ chip nội địa, chuẩn an toàn bảo mật dữ liệu thẻ (PCI/DSS), công nghệ bảo mật thanh toán số - 3D Secure 2.0.

Ngoài ra, trong năm 2017, các dịch vụ, phương tiện thanh toán mới, hiện đại dựa trên ứng dụng khoa học công nghệ - viễn thông phát triển mạnh, tạo thêm kênh thanh toán mới, thuận tiện và đem lại nhiều lợi ích cho người tiêu dùng. Đến cuối năm 2017, có khoảng 78 ngân hàng triển khai dịch vụ thanh toán qua Internet và trên 41 ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua điện thoại di động. Năm 2017, giá trị giao dịch tài chính qua điện thoại di động và Internet tăng lần lượt 127% và 88% so với cuối năm 2016. Đồng thời, nắm bắt xu thế phát triển công nghệ thanh toán trên thế giới, một số ngân hàng và công ty công nghệ thông tin, viễn thông đã và đang nghiên cứu, hợp tác, ứng dụng công nghệ mới, hiện đại vào hoạt động thanh toán trên thiết bị di động thông qua công nghệ xác thực vân tay, nhận diện khuôn mặt, sinh trắc học, mã phản hồi nhanh (QR Code), công nghệ mã hóa số thẻ (tokenization), thanh toán phi tiếp xúc, công nghệ mPOS,... Bên cạnh đó, để hỗ trợ cho việc phát triển hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, tính đến cuối

năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã cấp phép cho 25 tổ chức không phải là ngân hàng thực hiện cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nhằm phục vụ các giao dịch thanh toán bán lẻ, giá trị thấp.

Công tác quản lý hoạt động thanh toán và giám sát các hệ thống thanh toán

Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động thanh toán tiếp tục được hoàn thiện nhằm tạo sự đồng bộ và điều kiện thuận lợi để khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt, tăng cường quản lý thanh toán bằng tiền mặt. Năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 26/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; xây dựng, ban hành và đơn đốc triển khai Kế hoạch số 10/KH-NHNN ngày 25/9/2017 về phát triển thanh toán thẻ ngân hàng qua thiết bị chấp nhận thẻ giai đoạn 2017-2020; hoàn thiện Đề án về đẩy mạnh thanh toán qua tài khoản ngân hàng đối với việc thu phí các dịch vụ công như thuế, điện, nước, sinh hoạt, viện phí, học phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội trình Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã thành lập Tiểu ban để thiết lập chuẩn chung cho thanh toán qua ứng dụng QR Code tại Việt Nam; thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc về lĩnh vực Công nghệ tài chính (Fintech) với mục tiêu hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và hệ sinh thái trong lĩnh vực Fintech theo chủ trương, định hướng của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

Triển khai Chiến lược giám sát các hệ thống thanh toán tại Việt Nam giai đoạn 2014-2020, năm 2017, bên cạnh việc giám sát trực tuyến hàng ngày đối với Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước cũng thực hiện công tác giám sát định kỳ đối với các hệ thống thanh toán ngoại tệ, thanh toán chứng khoán; tăng cường theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động thanh toán đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán điện tử, thanh toán thẻ; giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đối với tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

8. Hoạt động thông tin tín dụng

Với vai trò là một trụ cột quan trọng trong cơ sở hạ tầng tài chính Việt Nam, hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước năm 2017 tiếp tục có nhiều đổi mới và phát triển mạnh mẽ. Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC) đã chính thức đưa vào vận hành hệ thống quản lý dữ liệu mới hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Hệ thống này cho phép CIC quản lý, tích hợp không chỉ các nguồn thông tin truyền thống mà còn mở rộng tới các nguồn thông tin phi truyền thống; phát triển sản phẩm dịch vụ chất lượng cao; đổi mới quy trình, nâng cao chất lượng kho dữ liệu cả về chiều rộng và chiều sâu.

Xây dựng cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin tín dụng quốc gia

Đến cuối năm 2017, 100% các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và gần 1.200 quỹ tín dụng nhân dân gửi báo cáo thông tin cho CIC. Trên 34,3 triệu khách hàng vay được CIC cập nhật vào kho dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia, trong đó có trên 700.000 khách hàng doanh nghiệp và trên 33,6 triệu khách hàng vay cá nhân. Các thông tin về hồ sơ pháp lý, hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng, tài chính doanh nghiệp, tài sản bảo đảm... đã từng bước được rà soát và nâng cao chất lượng theo các chỉ tiêu thông tin, đặc biệt những chỉ tiêu phụ chưa được quan tâm thu thập trong những năm trước đây. Việc thu thập, xử lý, cập nhật chỉnh sửa thông tin được thực hiện đúng quy trình, giám sát chặt chẽ, bảo mật, đảm bảo chất lượng thông tin chính xác và kịp thời. Trên cơ sở đó, CIC đã cung cấp thông tin kịp thời phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý nợ xấu của Ngân hàng Nhà nước; các báo cáo phục vụ hoạt động đánh giá, phân tích tình hình tín dụng, thanh tra, giám sát trên địa bàn cho chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các tỉnh, thành phố,... Trong năm 2017, CIC đã cung cấp trên 18,5 triệu báo cáo tín dụng cho các tổ chức tín dụng, tổ chức khác và khách hàng vay.

“

Hoạt động của Trung tâm thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam ngày càng hiệu quả, góp phần minh bạch hóa thông tin và ngăn ngừa rủi ro cho hoạt động ngân hàng.

Nằm trong chương trình APEC 2017, Ngân hàng Nhà nước đã tổ chức một hội nghị về trao đổi thông tin tín dụng xuyên biên giới. Đây là sáng kiến bên lề Hội nghị quan chức tài chính cấp cao APEC năm 2017 (SFOM) được đưa ra trong tuyên bố chung Hội nghị Bộ trưởng Tài chính APEC nhằm hỗ trợ thúc đẩy thương mại xuyên biên giới, tiếp cận tín dụng trong bối cảnh tự do hóa thương mại và dịch chuyển lao động giữa các nước trong APEC và giữa Việt Nam với các nước trong khu vực ASEAN, châu Á... Sự kiện này đã đặt nền móng cho hoạt động trao đổi thông tin xuyên biên giới giữa các trung tâm thông tin tín dụng công lập và tư nhân của các quốc gia trong khối APEC trong các năm tiếp theo.

Xếp hạng tín dụng

Tháng 6/2017, CIC đã hoàn thành xây dựng mô hình xếp hạng tín dụng doanh nghiệp mới theo tiêu chuẩn quốc tế và chính thức cung cấp các sản phẩm xếp hạng tín dụng mới tới các tổ chức tín dụng từ tháng 7/2017. Mô hình xếp hạng tín dụng mới góp phần tích cực vào việc cải thiện, minh bạch hóa thông tin tín dụng, tạo điều kiện cho khách hàng vay doanh nghiệp được tiếp cận tín dụng bình đẳng trên thị trường theo mức độ tín nhiệm của doanh nghiệp.

Bảng 4: Chỉ tiêu chiều sâu thông tin tín dụng năm 2017

Chỉ tiêu	Việt Nam	Đông Á và Thái Bình Dương	OECD
Độ sâu thông tin tín dụng (thang điểm 0-8) – Depth of credit information index	7,0	4,2	6,6
Độ phủ thông tin của Trung tâm Thông tin tín dụng công lập (Tỷ lệ % hồ sơ/người trưởng thành) – Credit registry coverage (% of adults)	51,0	16,0	18,3
Độ phủ thông tin của Trung tâm Thông tin tín dụng tư nhân (Tỷ lệ % hồ sơ/người trưởng thành) – Credit bureau coverage (% of adults)	19,7	22,3	63,7

Nguồn: World Bank – Doing Business 2018

Đồng thời, trong năm 2017, CIC đã chính thức vận hành Cổng thông tin điện tử kết nối với khách hàng vay thể nhân tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai tại một số tỉnh, thành phố lớn từ tháng 11/2017. Theo đó, khách hàng vay có thể đăng ký trực tuyến tài khoản, khai thác và kiểm tra thông tin, điểm tín dụng bản thân, góp phần minh bạch hóa hoạt động thông tin tín dụng. Với các kết quả tích cực đạt được, Ngân hàng Thế giới đã đánh giá chỉ số Tiếp cận Tín dụng của Việt Nam tăng 5 điểm và cải thiện 3 bậc so với năm 2016. Đặc biệt, tiêu chí Mức bao phủ của thông tin tín dụng công đạt 51%, cao hơn mức trung bình của khu vực Đông Á - Thái Bình Dương (16%) và nhóm các nước thu nhập cao OECD (18,3%).

9. Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin

Năm 2017, Vụ Truyền thông của Ngân hàng Nhà nước chính thức được thành lập, đáp ứng yêu cầu khách quan của Ngân hàng Nhà nước trong việc đổi mới, nâng cao chất lượng và chuyên nghiệp hóa hoạt động truyền thông. Với việc kiện toàn bộ máy tổ chức và cơ cấu nhân sự, trong năm 2017, công tác truyền thông của Ngân hàng Nhà nước tiếp tục có bước chuyển biến mạnh mẽ, ngày càng hiệu quả và chuyên nghiệp hơn, tập trung vào các nhiệm vụ như: quản lý Nhà nước về truyền thông trong hệ thống ngân hàng; tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Chính phủ, công tác điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện các chương trình truyền thông về giáo dục tài chính cộng đồng; tăng cường quản trị, nâng cấp giao diện và nội dung Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước; thực hiện công tác bảo tàng, thư viện;... Qua đó, đã tạo sự nhận thức đầy đủ, kịp thời và góp phần nâng cao niềm tin của công chúng, xã hội đối với các chủ trương, giải pháp của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Ngoài ra, uy tín và hình ảnh ngành Ngân hàng cũng không ngừng được nâng cao với các hoạt động góp phần vào công tác đảm bảo an sinh xã hội như xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, các chương trình tương thân tương ái,...



Công tác truyền thông tiếp tục có bước chuyển biến mạnh mẽ, ngày càng hiệu quả và chuyên nghiệp hơn, góp phần nâng cao niềm tin của công chúng, xã hội đối với các chủ trương, giải pháp của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

Phần III – Quản trị nội bộ

1. Hoạt động kiểm toán nội bộ



Hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ tiếp tục tập trung vào những nội dung tiềm ẩn rủi ro, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động, an toàn của Ngân hàng Nhà nước.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ theo Thông tư số 16/2011/TT-NHNN ngày 17/8/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, chú trọng vào những nội dung tiềm ẩn nhiều rủi ro trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động tại các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước. Theo đó, năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện kiểm toán nội bộ tại 33 đơn vị, theo các chuyên đề: kiểm toán báo cáo tài chính; kiểm toán tuân thủ hoạt động; kiểm toán Dự án đầu tư xây dựng; dự án công nghệ thông tin; kiểm toán hoạt động kho quỹ; kiểm toán quản lý và sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và kiểm toán định kỳ đối với dự án FSMIMS. Hoạt động kiểm toán nội bộ đã giúp các đơn vị phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các tồn tại, hạn chế nhằm góp phần nâng cao năng lực quản lý, điều hành, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng

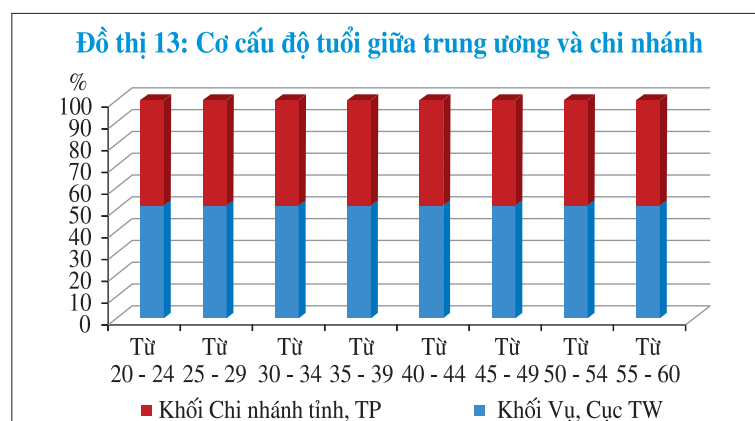
Biên chế, cơ cấu nhân sự và công tác cán bộ



Ngân hàng Nhà nước tiếp tục xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả hơn theo chủ trương của Đảng và Chính phủ; tăng cường chất lượng nhân sự cho các đơn vị của Ngân hàng Nhà nước; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và mục tiêu sử dụng, hướng tới các chuẩn mực quốc tế.

Thực hiện theo chủ trương của Đảng, Chính phủ về tinh giản bộ máy, năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Quyết định số 1235/QĐ-TTg ngày 18/8/2017 về việc Ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Theo đó, giữ nguyên số lượng đầu mối cấp vụ và giảm 15% số lượng đầu mối cấp phòng: giảm 01 đơn vị đầu mối, thực hiện 02 đơn vị không tổ chức cấp phòng, giảm 74 phòng trong hệ thống (63 phòng thuộc Chi nhánh, 11 phòng tại ngân hàng trung ương). Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước từng bước rà soát, chỉnh sửa Đề án vị trí việc làm theo mô hình tổ chức mới gửi Bộ Nội vụ thẩm định, phê duyệt; xem xét mô hình tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng để xây dựng dự thảo trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định thay thế Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg ngày 12/6/2014.

Về công tác biên chế, trong năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã: **(i)** cắt giảm 134 chỉ tiêu so với năm 2016, phù hợp với biên chế Bộ Nội vụ giao, đảm bảo lộ trình đến năm 2021 sẽ giảm được tối thiểu 10% biên chế so với năm 2015; **(ii)** giữ ổn định biên chế giao cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc; đến tháng 6/2017, Ngân hàng Nhà nước đã giao các đơn vị sự nghiệp trực thuộc giảm 3,28% biên chế (cao hơn mức yêu cầu tối thiểu 3% của Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017). Cơ cấu số lượng và độ tuổi của công chức giữa khối Vụ, Cục Ngân hàng Trung ương và khối Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố như sau:



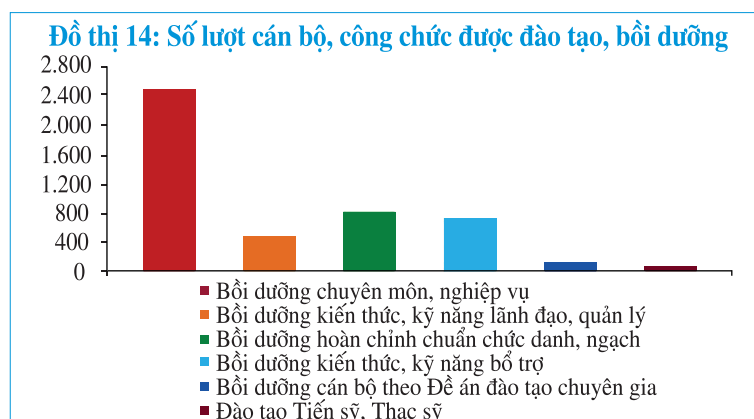
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Về công tác cán bộ, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện bổ nhiệm cán bộ đối với vị trí lãnh đạo còn thiếu, trong đó, một số cán bộ được bổ nhiệm tại chỗ, một số cán bộ chủ chốt từ ngân hàng thương mại có trình độ chuyên môn, năng lực quản lý và kinh nghiệm thực tiễn được điều động, bổ nhiệm lãnh đạo cấp Vụ, Cục nhằm góp phần tích cực vào công tác tham mưu, ban hành chính sách, thực hiện tốt và hiệu quả nhiệm vụ của ngành. Việc bố trí, sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng như cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ đã bám sát chức năng, nhiệm vụ được giao và sơ đồ vị trí việc làm của từng đơn vị nhằm hướng tới sự chuyên nghiệp của từng vị trí, từng đơn vị.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

Thực hiện phương châm đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức, chức vụ lãnh đạo, quản lý và nhu cầu xây dựng, phát

triển nguồn nhân lực, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong năm 2017 thu được nhiều kết quả tích cực. Năm 2017, có 4.590 lượt cán bộ, công chức, viên chức của Ngân hàng Nhà nước tham gia các khóa đào tạo chuyên gia, đào tạo dài hạn sau đại học trong nước và nước ngoài, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục phối hợp với các dự án/chương trình như: IMF, SEACEN, ADB, WB, JICA (Nhật Bản), GIZ (Đức), SECO (Thụy Sĩ), CIDA (Canada), ATTF (Luxembourg), Học bổng Chính phủ Úc và ngân hàng trung ương các nước Singapore, Thụy Điển, Thái Lan, Malaysia,... với nhiều nội dung nghiệp vụ mới, có tính thực tiễn, chuyên sâu để đáp ứng yêu cầu cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn của các đơn vị.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

“

Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng luôn bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra cho ngành và có những bước đổi mới tích cực đóng góp đáng kể vào nghiên cứu lý luận, điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động quản lý vĩ mô của Ngân hàng Nhà nước.

3. Công tác nghiên cứu khoa học

Năm 2017, ngành Ngân hàng đã triển khai 28 nhiệm vụ cấp bộ; 11 đề tài cấp cơ sở, tập trung 06 vấn đề trọng tâm của ngành Ngân hàng: **(i)** Hoàn thiện mô hình và cơ chế hoạt động của Ngân hàng Nhà nước theo hướng trở thành ngân hàng trung ương hiện đại phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam; **(ii)** Hoàn thiện khuôn khổ chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá, quản lý ngoại hối và thị trường vàng, thị trường tiền tệ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Ngân hàng Nhà nước giai đoạn 2016-2020; **(iii)** Tiếp tục cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu; củng cố và đổi mới hệ thống quản trị ngân hàng phù hợp hơn với các thông lệ quốc tế; thực hiện công khai, minh bạch hoạt động ngân hàng; **(iv)** Đổi mới cơ

chế và nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng, giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính; (v) Hoàn thiện hệ thống hạ tầng tài chính, công nghệ thông tin và phát triển dịch vụ ngân hàng; (vi) Các nghiên cứu liên ngành và nghiên cứu cơ bản hỗ trợ cho hoạt động của khu vực ngân hàng. Các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được lựa chọn bám sát vào các vấn đề trọng tâm của ngành Ngân hàng, cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn, hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành chính sách của Ngân hàng Nhà nước và nâng cao năng lực quản trị đối với hệ thống các tổ chức tín dụng, hướng đến sự phát triển an toàn, lành mạnh và bền vững hệ thống ngân hàng. Ngoài ra, trong năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã phê duyệt 05 nội dung nghiên cứu liên quan đến vấn đề Fintech (công nghệ trong tài chính) để tham mưu, đề xuất các giải pháp hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, tạo thuận lợi khuyến khích các doanh nghiệp Fintech ở Việt Nam phát triển, phù hợp với chủ trương, định hướng của Chính phủ.

Ngân hàng Nhà nước tích cực chủ trì, phối hợp với nhiều đơn vị trong và ngoài ngành Ngân hàng tổ chức thành công nhiều sự kiện lớn liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ như sự kiện Banking Vietnam 2017 tại thành phố Hồ Chí Minh với chủ đề: “*Công nghệ số thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam*”; hội thảo cấp ngành “*Hành lang pháp lý cho ngân hàng số tại Việt Nam*” (Digital Banking – A deeper look into Vietnam). Các sự kiện này đã đem lại nhiều kết quả ấn tượng: nhận diện cơ hội, thách thức về phát triển ngân hàng số tại Việt Nam; cung cấp những kiến thức khoa học về xu hướng, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin; phân tích thực tiễn hoạt động của ngành để đưa ra giải pháp, kiến nghị, định hướng chiến lược góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành Ngân hàng trong những năm tiếp theo.

4. Công tác thống kê

Năm 2017, công tác đôn đốc, kiểm tra, tra soát báo cáo định kỳ và đột xuất theo Chế độ báo cáo thống kê mới theo Thông tư số 35/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 tiếp tục Ngân hàng Nhà nước thực hiện chủ động, tích cực, kịp thời, đảm bảo thông tin số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành chính sách tiền tệ và giám sát an toàn hoạt động toàn hệ thống các tổ chức tín dụng. Đồng thời,

“

Công tác thống kê của Ngân hàng Nhà nước tiếp tục được hoàn thiện và phát triển, phục vụ tốt hơn cho công tác chỉ đạo, điều hành.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục rà soát các quy định về báo cáo thống kê, đề xuất các nội dung yêu cầu báo cáo cần sửa đổi cho phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, đáp ứng yêu cầu thông tin giám sát, điều hành phù hợp với thực tiễn thị trường và đảm bảo tính thông suốt, liền mạch của số liệu thống kê.

Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục ban hành Chương trình điều tra thống kê trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, thực hiện cuộc Điều tra kỳ vọng lạm phát theo định kỳ tháng và Điều tra xu hướng kinh doanh theo định kỳ quý, triển khai chính thức các cuộc điều tra thống kê theo hình thức trực tuyến, thí điểm triển khai cuộc điều tra xu hướng tín dụng,... Kết quả điều tra thu được đã giúp các nhà hoạch định chính sách nắm bắt xu hướng diễn biến và kỳ vọng trên thị trường tiền tệ, hoạt động ngân hàng một cách xuyên suốt và kịp thời. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục cập nhật, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính trong nước và quốc tế; ứng dụng công nghệ tin học tiên tiến, hiện đại trong khai thác và tổng hợp kết quả báo cáo. Các kết quả trên đã góp phần phục vụ cho công tác phân tích, dự báo, hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước.

5. Công nghệ thông tin

Hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin



Hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin; tăng cường năng lực tiếp cận và bảo đảm an ninh bảo mật ngân hàng trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0.

Năm 2017, Dự án Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng (Dự án FSMIMS) sau 9 năm triển khai đã hoàn thành và vận hành chính thức. Dự án FSMIMS được nhà tài trợ, các tổ chức tư vấn độc lập và các bên liên quan đánh giá cao về kết quả và được xem là một trong số các dự án ICT thành công nhất của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam. Dự án đã làm thay đổi căn bản hệ thống công nghệ thông tin của Ngân hàng Nhà nước từ mô hình phân tán sang mô hình tập trung. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng Trung tâm dữ liệu theo Tiêu chuẩn TIA92 Mức 3; trang bị hạ tầng kỹ thuật phân cứng; hệ thống ngân hàng lõi, kế toán và lập ngân sách; hệ thống kho dữ liệu tập trung; hệ thống quản trị nguồn nhân lực; hệ thống quản lý văn bản. Các sản phẩm thuộc dự án FSMIMS là nền tảng quan trọng trong

chiến lược hiện đại hóa, đơn giản hóa các hoạt động hành chính ngân hàng và đã được ứng dụng vào hầu hết các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước. Các giải pháp kỹ thuật được trang bị trong dự án là các giải pháp công nghệ tiên tiến hàng đầu trên thế giới, áp dụng các tiêu chuẩn theo thông lệ quốc tế, qua đó góp phần nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Ngân hàng Nhà nước, từng bước xây dựng ngân hàng trung ương hiện đại và phát triển Chính phủ điện tử.

Tăng cường năng lực tiếp cận và bảo đảm an ninh bảo mật ngân hàng trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0

Nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động ngân hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ theo hướng đổi mới, sáng tạo phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng trong kỷ nguyên số và xây dựng các ngân hàng kỹ thuật số thông minh trong tương lai, năm 2017, Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng đã triển khai nhiều giải pháp công nghệ đặc trưng gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào hoạt động tiền tệ, ngân hàng. Bên cạnh đó, để bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ngân hàng nhằm ứng phó với những thách thức mà cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 đặt ra, Ngân hàng Nhà nước đã rà soát và tiếp tục hoàn thiện các văn bản hướng dẫn cũng như ban hành các kế hoạch cụ thể nhằm tăng cường và phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, an toàn bảo mật cho ngành Ngân hàng như: kế hoạch áp dụng các giải pháp về an toàn bảo mật trong thanh toán trực tuyến thẻ ngân hàng; kế hoạch an toàn, an ninh thông tin của Ngân hàng Nhà nước giai đoạn 2017-2022; kiến trúc hạ tầng an ninh bảo mật hệ thống công nghệ thông tin của Ngân hàng Nhà nước;... Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện giám sát hoạt động công nghệ thông tin của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng thông qua yêu cầu gửi báo cáo hoạt động công nghệ thông tin hàng năm và tiến hành kiểm tra tại chỗ các ngân hàng, tổ chức hậu kiểm các ngân hàng nhằm nâng cao nhận thức, khắc phục kịp thời các các tồn tại, hạn chế và triển khai các giải pháp giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn tài sản cho khách hàng và ngân hàng.

Phần IV – Hợp tác quốc tế

Năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã tiếp tục mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế, tăng cường và đẩy mạnh huy động nguồn lực tài chính và hỗ trợ kỹ thuật từ bên ngoài cho Việt Nam, góp phần tích cực ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy quá trình hội nhập và nâng cao vị thế của Ngân hàng Nhà nước và Việt Nam trên trường quốc tế.

1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế



Hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới và khu vực.

Năm 2017 tiếp tục ghi dấu ấn về sự tham gia tích cực và chủ động của Ngân hàng Nhà nước vào các hoạt động hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế. Ngân hàng Nhà nước đã củng cố, tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và các nước ASEAN, ASEAN+3, APEC thông qua các hoạt động và sáng kiến hợp tác tài chính, ngân hàng. Đặc biệt, trong năm 2017, Việt Nam đã tham gia đóng vai bên đi vay cho đợt vận hành thử nghiệm CMIM 8 trong khuôn khổ Thỏa thuận Đa phương hóa Sáng kiến Chiềng Mai để đánh giá tính hiệu quả cũng như các khiếm khuyết của CMIM, nâng cao hiểu biết về quy trình vận hành CMIM khi gặp khủng hoảng tài chính.

Với tư cách là trưởng nhóm dịch vụ tài chính, Ngân hàng Nhà nước đã tham gia chủ động, tích cực vào quá trình đàm phán FTA với nhiều đối tác chiến lược trên thế giới như EU, Úc, Nhật Bản...; phối hợp với các thành viên ASEAN đàm phán mở cửa lĩnh vực dịch vụ tài chính trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) và FTA ASEAN - Hồng Kông (AHKFTA) để thu hút đầu tư và thương mại từ bên ngoài đến với khu vực ASEAN; phối hợp với các Bộ ngành và đơn vị liên quan rà soát các Hiệp định FTA ASEAN - Trung Quốc (ACFTA); FTA ASEAN - Úc - Niu Di-lân (AANZFTA); và Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP)...

Trong tiến trình hợp tác Bộ trưởng tài chính các nền kinh tế APEC, Ngân hàng Nhà nước đã đóng góp quan

trọng tạo nên thành công chung của *Năm APEC 2017* thông qua việc tham gia và chủ trì thành công nhiều hoạt động hợp tác APEC trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, từ đó mở ra phương hướng hợp tác cụ thể trong thời gian tới giữa các nền kinh tế thành viên. Chủ đề “Tài chính toàn diện” do Ngân hàng Nhà nước đề xuất đã được công nhận là một trong 3 trụ cột chính trong hợp tác APEC trong nhiều năm tới, bên cạnh trụ cột về kinh tế và xã hội để hướng tới tầm nhìn Phát triển Bền vững Khu vực APEC đến năm 2030.

2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện tốt vai trò đại diện của Chính phủ Việt Nam tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, ngân hàng quốc tế như: Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB), Ngân hàng Hợp tác Kinh tế Quốc tế (IBEC), Ngân hàng Đầu tư Quốc tế (IIB), qua đó củng cố ngày một vững chắc quan hệ với các tổ chức này và khai thác hiệu quả hỗ trợ cho Việt Nam nói chung và Ngân hàng Nhà nước nói riêng.

Đối với WB và ADB, Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp chặt chẽ trong việc nghiên cứu, điều chỉnh linh hoạt các quy trình, cơ chế, chính sách nhằm hài hòa hóa thủ tục, đáp ứng yêu cầu, hoàn cảnh và điều kiện cụ thể để đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả tài trợ; xây dựng các chương trình hỗ trợ kỹ thuật (phát triển tài chính vi mô, tài chính toàn diện, thị trường tiền tệ...). Trong năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã tham mưu cho Chính phủ đàm phán tiếp nhận được toàn bộ số vốn ưu đãi IDA mà WB dành cho Việt Nam trước khi tốt nghiệp IDA (từ ngày 01/7/2017) cho 10 chương trình, dự án trị giá khoảng 1.435 triệu USD, trong đó số vốn IDA ưu đãi là 1.149 triệu USD; đàm phán thành công 3 dự án vay vốn giá rẻ ADF của ADB trị giá 356 triệu USD nhằm giúp Việt Nam đủ điều kiện thu hút được 950 triệu vốn ADF trong 2 năm 2017-2018 trước khi tốt nghiệp vốn ADF vào ngày 01/01/2019.

“

Phát huy hiệu quả tài trợ và nâng tầm quan hệ tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế.

Ngân hàng Nhà nước đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác Việt Nam - AIIB trên nhiều phương diện như trao đổi đoàn cấp cao và kỹ thuật, tổ chức tọa đàm, các hoạt động xúc tiến... nhằm tạo điều kiện cho Việt Nam tiếp cận kênh đầu tư AIIB. Việc lãnh đạo Vụ Hợp tác Quốc tế được cử làm Giám đốc phụ khuyết tại Ban Giám đốc điều hành AIIB theo kế hoạch luân phiên của Nhóm nước thể hiện vai trò, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, bảo vệ tốt hơn lợi ích của đất nước thông qua quyền phát biểu và quyền bỏ phiếu phê duyệt các chủ trương, chính sách, hoạt động tài trợ dự án... của AIIB.

Trong bối cảnh nguồn vốn ODA thay đổi theo hướng giảm dần vốn vay ưu đãi, vay thương mại tăng lên với yêu cầu ngày càng khắt khe, Ngân hàng Nhà nước đã và đang tích cực nghiên cứu để triển khai huy động nguồn vốn cho khu vực tư nhân không cần bảo lãnh Chính phủ từ các định chế tài chính quốc tế như hình thức cho vay khu vực tư nhân không cần bảo lãnh Chính phủ của AIIB, IFC, ADB.

Đối với IMF, Ngân hàng Nhà nước tích cực tăng cường hợp tác trên tất cả các mặt. Các chương trình hợp tác đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật tiếp tục hướng vào chiều sâu, tập trung vào các lĩnh vực chuyên môn nhằm áp dụng các tiêu chuẩn và thông lệ tốt nhất của quốc tế, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động nghiệp vụ, đặc biệt là công tác thống kê, dự báo, tiền tệ.

Trong quan hệ với IIB/IBEC, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện tốt vai trò đại diện của Chính phủ tại các tổ chức này, đặc biệt trong bối cảnh 02 ngân hàng đang thực hiện những bước cải cách mạnh mẽ cơ cấu tổ chức và hoạt động của mình.

Trong năm 2017, công tác đối thoại chính sách với các tổ chức tài chính, ngân hàng quốc tế tiếp tục được xúc tiến mạnh mẽ thông qua các diễn đàn đối thoại, cơ chế điều phối giữa Chính phủ. Kết quả đối thoại chính sách đã giúp phát huy vai trò làm chủ và tinh thần trách nhiệm của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế, góp phần nâng cao năng lực xây dựng và hoạch định chính sách của Việt Nam.

3. Quan hệ hợp tác song phương

Ngân hàng Nhà nước đã tích cực huy động và triển khai các dự án và hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Bộ các Vấn đề Toàn cầu Canada (GAC), Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO)... Số lượng các dự án song phương đang triển khai và huy động trong năm 2017 là 07 dự án, bao gồm: 02 dự án lĩnh vực thanh tra giám sát ngân hàng, cải cách ngân hàng và xử lý nợ xấu, 02 dự án lĩnh vực in và phát hành tiền, 01 dự án trong lĩnh vực chính sách tiền tệ, 01 dự án nâng cao năng lực cho các ngân hàng thương mại và 01 dự án hỗ trợ ngân hàng hợp tác xã và hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

Năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã ký các Bản Ghi nhớ/Thỏa thuận hợp tác mới và sửa đổi với cơ quan quản lý tiền tệ và ngân hàng trung ương các nước Nga, Cam-pu-chia, Lào, Trung Quốc trong lĩnh vực thanh tra giám sát ngân hàng, phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, công tác kho quỹ và phòng chống tiền giả, nâng tổng số Bản Ghi nhớ/Thỏa thuận hợp tác đã ký với các đối tác song phương lên 67 Bản ghi nhớ/Thỏa thuận, tạo khuôn khổ hợp tác nhiều mặt, toàn diện với các đối tác này.

Đặc biệt, trong năm 2017, thông qua các diễn đàn, ủy ban hợp tác song phương của Chính phủ với các quốc gia trên thế giới, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động đề xuất các nội dung hợp tác để thiết lập cơ chế trao đổi thông tin nhằm hỗ trợ, khuyến khích các ngân hàng kết nối, tạo lập quan hệ đại lý tại thị trường các nước. Để thực hiện điều này, Ngân hàng Nhà nước đã tiến hành khảo sát thực trạng hoạt động, nhu cầu của các ngân hàng, khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu để đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thanh toán với Trung Quốc, Lào, Nga, Iran, châu Phi... Hoạt động khảo sát này là tiền đề để Ngân hàng Nhà nước thành lập nhóm công tác liên ngành kiến nghị giải pháp tạo thuận lợi cho hoạt động thanh toán của doanh nghiệp trong nước với các nước châu Phi trong năm 2018, đồng thời tạo điều kiện để thông qua Kế hoạch hành động ngành ngân hàng, góp phần giải quyết khó khăn về thanh toán với một số thị trường xuất khẩu gạo trọng điểm của Việt Nam.

“

Quan hệ hợp tác song phương được thúc đẩy và phát triển theo chiều sâu.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC MỨC LÃI SUẤT DO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ

Đơn vị: %/năm

Thời gian	Lãi suất tái cấp vốn	Lãi suất tái chiết khấu	Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng
Tháng 12/2016	6,5	4,5	7,5
Tháng 1/2017	6,5	4,5	7,5
Tháng 2/2017	6,5	4,5	7,5
Tháng 3/2017	6,5	4,5	7,5
Tháng 4/2017	6,5	4,5	7,5
Tháng 5/2017	6,5	4,5	7,5
Tháng 6/2017	6,5	4,5	7,5
Tháng 7/2017	6,25	4,25	7,25
Tháng 8/2017	6,25	4,25	7,25
Tháng 9/2017	6,25	4,25	7,25
Tháng 10/2017	6,25	4,25	7,25
Tháng 11/2017	6,25	4,25	7,25
Tháng 12/2017	6,25	4,25	7,25

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 2: HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ

Chào mua	Năm 2017
Số phiên	252
Kỳ hạn (ngày)	7; 14; 28
Số lượt thành viên	742
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	2.679
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	2.296
Lãi suất (%/năm)	5,0
Phương thức đấu thầu	Khối lượng
Chào bán	Năm 2017
Số phiên	131
Kỳ hạn (ngày)	7; 14
Số lượt thành viên	309
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	6.943
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	4.906
Lãi suất (%/năm)	0,28-2,5
Phương thức đấu thầu	Lãi suất

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 3: TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC

Đơn vị: %

TIỀN GỬI BẰNG VND (*)		TIỀN GỬI BẰNG NGOẠI TỆ					Tiền gửi của các tổ chức tín dụng ở nước ngoài
Thời điểm bắt đầu hiệu lực	Tiền gửi của khách hàng, Kho bạc Nhà nước, tiền thu được từ phát hành giấy tờ có giá	Tiền gửi của khách hàng, Kho bạc Nhà nước, tiền thu được từ phát hành giấy tờ có giá		Tiền gửi của khách hàng, Kho bạc Nhà nước, tiền thu được từ phát hành giấy tờ có giá			
		Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên				
		NHTM nhà nước (trừ NHNO), NHTM cổ phần, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính	NHTM nhà nước (trừ NHNO), NHTM cổ phần, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính	NHTM nhà nước (trừ NHNO), NHTM cổ phần, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính	NHTM nhà nước (trừ NHNO), NHTM cổ phần, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính	NHTM nhà nước (trừ NHNO), NHTM cổ phần, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính	
05/2011	3	1	5	4	3		
06/2011	3	1	6	5	4		
09/2011 (**)	3	1	7	6	5	1	

(*) Các tổ chức tín dụng có tỷ trọng dự nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn bình quân từ 40% trở lên được áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nêu trên theo quy định tại Thông tư số 20/2010/TT-NHNN ngày 29/9/2010 của Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn.

(**) Các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam tính dự trữ bắt buộc đối với phần tiền gửi của các tổ chức tín dụng ở nước ngoài theo Thông tư số 27/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 581/2003/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 6 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 4: CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

Đơn vị: Triệu USD

	2016	2017
A. CÁN CÂN VĂNG LAI	6.174	4.676
Hàng hóa: Xuất khẩu F.O.B	176.581	215.119
Hàng hóa: Nhập khẩu F.O.B	165.539	204.274
<i>Hàng hóa (ròng)</i>	<i>11.042</i>	<i>10.845</i>
Dịch vụ: Xuất khẩu	12.500	13.110
Dịch vụ: Nhập khẩu	16.758	17.030
<i>Dịch vụ (ròng)</i>	<i>-4.258</i>	<i>-3.920</i>
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Thu	650	745
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Chi	9.245	11.517
<i>Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp) (ròng)</i>	<i>-8.595</i>	<i>-10.772</i>
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Thu	9.125	10.031
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Chi	1.140	1.508
<i>Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp) (ròng)</i>	<i>7.985</i>	<i>8.523</i>
B. CÁN CÂN VỐN	0	0
Cán cân vốn: Thu	0	0
Cán cân vốn: Chi	0	0
C. CÁN CÂN TÀI CHÍNH	10.726	19.733
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	-1.000	-480
Đầu tư trực tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	12.600	14.100
<i>Đầu tư trực tiếp (ròng)</i>	<i>11.600</i>	<i>13.620</i>
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	180	0
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	48	1.887
<i>Đầu tư gián tiếp (ròng)</i>	<i>228</i>	<i>1.887</i>
Đầu tư khác: Tài sản có	-5.149	-9.602
Tiền và tiền gửi	-5.230	-9.555
Tổ chức tín dụng	2.056	-4.067
Khu vực khác	-7.286	-5.488
Cho vay, thu hồi nợ nước ngoài	0	0
Tín dụng thương mại và ứng trước	0	0
Các khoản phải thu/phải trả khác	81	-47
Đầu tư khác: Tài sản nợ	4.048	13.828
Tiền và tiền gửi	1.424	3.083
Tổ chức tín dụng	1.461	3.084
Khu vực khác	-37	-1
Vay, trả nợ nước ngoài	2.624	10.745
Ngắn hạn	-566	6.436
Rút vốn	24.759	21.806
Trả nợ gốc	-25.325	-15.370
Dài hạn	3.190	4.309
Rút vốn	8.711	13.732
Chính phủ	3.825	3.225
Tư nhân	4.886	10.507
Trả nợ gốc	-5.521	-9.423
Chính phủ	-1.162	-1.249
Tư nhân	-4.359	-8.174
Tín dụng thương mại và ứng trước	0	0
Các khoản phải thu/phải trả khác	0	0
<i>Đầu tư khác (ròng)</i>	<i>-1.102</i>	<i>4.226</i>
D. LỖI VÀ SAI SÓT	-8.510	-11.865
E. CÁN CÂN TỔNG THỂ	8.390	12.544
F. DỰ TRỮ VÀ CÁC HẠNG MỤC LIÊN QUAN	-8.390	-12.544
Tài sản dự trữ	-8.390	-12.544
Tín dụng và vay nợ từ IMF	0	0
Tài trợ đặc biệt	0	0

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 5: TỶ GIÁ GIỮA USD VÀ ĐỒNG VIỆT NAM

Đơn vị: VND/USD

2017	Tỷ giá ngày cuối tháng			Tỷ giá bình quân trong tháng		
	Tỷ giá trung tâm	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank		Tỷ giá trung tâm	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank	
		Mua	Bán		Mua	Bán
Tháng 1	22.202	22.560	22.630	22.171	22.552	22.624
Tháng 2	22.232	22.740	22.810	22.222	22.693	22.763
Tháng 3	22.276	22.720	22.790	22.254	22.756	22.826
Tháng 4	22.350	22.695	22.765	22.323	22.674	22.744
Tháng 5	22.396	22.680	22.750	22.373	22.673	22.743
Tháng 6	22.431	22.700	22.770	22.416	22.678	22.748
Tháng 7	22.432	22.690	22.760	22.438	22.698	22.768
Tháng 8	22.443	22.695	22.765	22.442	22.693	22.763
Tháng 9	22.470	22.690	22.760	22.445	22.693	22.763
Tháng 10	22.471	22.675	22.745	22.465	22.685	22.755
Tháng 11	22.433	22.685	22.755	22.451	22.680	22.750
Tháng 12	22.425	22.665	22.735	22.438	22.677	22.747

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Ghi chú: Tỷ giá niêm yết như trên được hiểu là số lượng Đồng Việt Nam để đổi 1 đô-la Mỹ

PHỤ LỤC 6: GIÁ VÀNG THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng/lượng

Năm 2017	Giá vàng ngày cuối tháng	Giá vàng bình quân trong tháng
Tháng 1	36,93	36,64
Tháng 2	36,89	36,89
Tháng 3	36,52	36,67
Tháng 4	36,80	36,72
Tháng 5	36,38	36,55
Tháng 6	36,34	36,39
Tháng 7	36,30	36,30
Tháng 8	36,53	36,40
Tháng 9	36,60	36,75
Tháng 10	36,54	36,52
Tháng 11	36,48	36,56
Tháng 12	36,46	36,45

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 7: CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Đơn vị: %

Năm	Thời gian	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 01	Tháng 11	Tháng 12
2013	So với tháng 12 năm trước	1,25	2,59	2,39	2,41	2,35	2,40	2,68	3,53	4,63	5,14	5,50	6,04
	So với tháng trước	1,25	1,32	-0,19	0,02	-0,06	0,05	0,27	0,83	1,06	0,49	0,34	0,51
	So với cùng kỳ	7,07	7,02	6,64	6,61	6,36	6,69	7,29	7,50	6,30	5,92	5,78	6,04
	Bình quân so với cùng kỳ	7,07	7,04	6,55	6,83	6,74	6,73	6,81	6,90	6,83	6,74	6,65	6,60
2014	So với tháng 12 năm trước	0,69	1,24	0,80	0,88	1,08	1,38	1,62	1,84	2,25	2,36	2,08	1,84
	So với tháng trước	0,69	0,55	-0,44	0,08	0,20	0,30	0,23	0,22	0,40	0,11	-0,27	-0,24
	So với cùng kỳ	5,45	4,65	4,39	4,45	4,72	4,98	4,94	4,31	3,62	3,23	2,60	1,84
	Bình quân so với cùng kỳ	5,45	5,05	4,83	4,73	4,73	4,77	4,80	4,73	4,61	4,47	4,30	4,09
2015	So với tháng 12 năm trước	-0,20	-0,25	-0,10	0,04	0,20	0,55	0,68	0,61	0,40	0,51	0,58	0,60
	So với tháng trước	-0,20	-0,05	0,15	0,14	0,16	0,35	0,13	-0,07	-0,21	0,11	0,07	0,02
	So với cùng kỳ	0,94	0,34	0,93	0,99	0,95	1,00	0,90	0,61	0,00	0,00	0,34	0,60
	Bình quân so với cùng kỳ	0,94	0,64	0,74	0,80	0,83	0,86	0,86	0,83	0,74	0,67	0,64	0,63
2016	So với tháng 12 năm trước	0,00	0,42	0,99	1,33	1,88	2,35	2,48	2,58	3,14	4,00	4,50	4,74
	So với tháng trước	0,00	0,42	0,57	0,33	0,54	0,46	0,13	0,10	0,54	0,83	0,48	0,23
	So với cùng kỳ	0,80	1,27	1,69	1,89	2,28	2,40	2,39	2,57	3,34	4,09	4,52	4,74
	Bình quân so với cùng kỳ	0,80	1,03	1,25	1,41	1,59	1,72	1,82	1,91	2,07	2,27	2,47	2,66
2017	So với tháng 12 năm trước	0,46	0,69	0,90	0,90	0,37	0,20	0,31	1,23	1,83	2,25	2,38	2,60
	So với tháng trước	0,46	0,23	0,21	0,00	-0,53	-0,17	0,11	0,92	0,59	0,41	0,13	0,21
	So với cùng kỳ	5,22	5,02	4,65	4,30	3,19	2,54	2,52	3,35	3,40	2,98	2,62	2,60
	Bình quân so với cùng kỳ	5,22	5,12	4,96	4,80	4,47	4,15	3,91	3,84	3,79	3,71	3,61	3,53

Nguồn: Tổng cục Thống kê

PHỤ LỤC 8: MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN TỆ, TÍN DỤNG

Chỉ tiêu	2016	QI/2017	QII/2017	QIII/2017	2017
Số dư cuối kỳ (tỷ đồng)					
1. Tổng phương tiện thanh toán	7.125.801	7.374.307	7.616.856	7.877.753	8.192.548
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	6.274.360	6.482.597	6.741.844	6.974.012	7.214.642
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	5.505.406	5.746.188	6.001.384	6.177.691	6.509.858
% Tăng trưởng so với năm trước					
1. Tổng phương tiện thanh toán	18,38	3,49	6,89	10,55	14,97
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	18,54	3,32	7,45	11,15	14,99
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	18,25	4,37	9,01	12,21	18,24

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 9: TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Năm	GDP theo giá hiện hành (tỷ đồng)	Mức tăng trưởng* GDP (%)	GDP bình quân đầu người (nghìn đồng)
2009	1.809.149	5,40	21.031
2010	2.157.828	6,42	24.818
2011	2.779.880	6,24	31.647
2012	3.245.419	5,25	36.544
2013	3.584.262	5,42	39.932
2014	3.937.856	5,98	43.402
2015	4.192.862	6,68	45.717
2016	4.502.733	6,21	48.576
2017	5.007.857	6,81	53.500

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Ghi chú: * Tính theo giá so sánh năm 2010

TABLE OF CONTENTS

Status and Functions of the State Bank of Viet Nam	iii
Management Board of the State Bank of Viet Nam	v
Foreword by the Governor	vii
Departments and Administration Units of the State Bank of Viet Nam	ix
■ Part I – World and Viet Nam’s economy	1
1. World economy overview	1
1.1. World economic growth	1
1.2. Monetary policy management in some countries	3
2. Viet Nam’s economy	4
2.1. Economic growth	5
2.2. Employment and income	7
2.3. Inflation	8
2.4. State budget revenues and expenditures	9
2.5. Balance of payments	10
2.6. Monetary and financial developments	11
2.7. Credit institutions’ activities	18
■ Part II - State Bank of Viet Nam’s policy management	23
1. Monetary policy management	23
2. Foreign exchange management	28
3. Banking inspection and supervision	30
4. Macroprudential supervision over the financial system	36
5. Legislation and law enforcement	37
6. Issuance and vault operation	38
7. Payment operation	40
8. Credit information	42
9. Communication and information transparency	44
■ Part III - Internal governance	46
1. Internal Audit	46
2. Human resources and training	46
3. Research Activities	48
4. Statistics	50
5. Information technology	50
■ Part IV – International cooperation	52
1. International economic integration	52
2. Cooperation with international financial and monetary institutions	53
3. Bilateral cooperation	54
■ Appendix	56

STATUS AND FUNCTIONS OF THE STATE BANK OF VIET NAM



Headquarters, 49 Ly Thai To Str., Ha Noi, Viet Nam

□ The State Bank of Viet Nam is a ministerial-level agency of the Government, Central Bank of the Socialist Republic of Viet Nam which performs state management over monetary, banking activities and foreign exchange; plays the role of a central bank issuing banknotes, acts as the bank of the credit institutions and the monetary service provider for the Government.

Summary of Article 2, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

□ The national monetary policies include national decisions of state authorities on the currency value stabilizing objectives represented by inflation target, use of proper instruments and measures to fulfill the set objectives.

Clause 1, Article 3, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

□ The National Assembly determines annual inflation targets reflected by consumer price index and supervises the implementation of the national monetary policies.

Clause 2, Article 3, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

□ The Government submits to the National Assembly for decision on annual inflation targets. The Prime Minister, the Governor of the State Bank decides to use proper instruments and measures to realize monetary objectives in accordance with the regulation of the Government.

Clause 4, Article 3, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

MANAGEMENT BOARD OF THE STATE BANK OF VIET NAM



Mr. Le Minh Hung
Governor



Mr. Nguyen Dong Tien
Deputy Governor



Mr. Dao Minh Tu
Deputy Governor



Mr. Nguyen Phuoc Thanh
Deputy Governor
(retired from October 01, 2017)



Ms. Nguyen Thi Hong
Deputy Governor



Mr. Nguyen Kim Anh
Deputy Governor

Foreword by the Governor



Governor
Mr. Le Minh Hung

As early as 2017 came, the State Bank's management of monetary policy and banking operations faced various challenges to accommodate requirement of controlling inflation at 4% and supporting economic growth at a reasonable level as set by the National Assembly. In the first two quarters, unfavorable developments occurred: inflation rose sharply right in the first months of the year and remained continuously over 4% in the first two quarters, challenging inflation control target; foreign currency market was under pressure as US dollar appreciated constantly, in the first 2 months, Federal Reserves' upward adjustment of interest rate resulted in lower-than-expected economic growth in the first half of the year, raising concerns that 2017 targets might not be achieved. In addition, in the world market, commodity prices and inflation in other countries were on the rise, central banks in developed economies pursued prudent monetary policies, international financial markets witnessed higher fluctuation; geopolitical tensions and protectionism negatively affected global trade recovery.

Recognizing such difficulties and challenges, to achieve the National Assembly and Government's objectives and on the basis of macro-economic and monetary market development, the State Bank consistently conducted monetary and banks regulation and measures in an uniformed, flexible manner in close coordination with fiscal and other economic policies in order to control inflation, maintain macro-economic stability to help economic growth at reasonable level while maintaining sound credit institution system. Overall, the State Bank's monetary and banking management policy and measures have contributed to achieving the targeted objectives and orientations, specifically:

First, monetary policies contributed to effective monetary management, containing inflation, created room for the Government to adjust prices of administered goods and services. Monetary policies were managed closely and harmoniously in alignment with other macro-economic policies, especially the Government's fiscal and price management policy, which helped contain average inflation at 3.53% y.o.y, lower than the target of 4% set by the National Assembly.

Second, monetary policy management contributed to economic growth of 6.81%, the highest level in the past 10 years, higher than the National Assembly's target of 6.7%. Credit policy and management measures were introduced in uniformed to minimize difficulties on production and businesses and to ensure safe and effective credit extension in line with de-dollarization policies.

Third, the concerted use of monetary policy tools, especially via open market operations, resulted in appropriate money supply management, maintained sufficient liquidities and stabilized the money market. Interbank interest rate remained low, help to reduce pressure on deposit interest rate and credit institutions actively managed their funding resources at stable costs.

Fourth, monetary policy management contributed to stabilizing deposit rates level, thus enabled credit institutions to reduce interest rates, continued to lower lending interest rates to prioritized sectors, positively supported production and business activities of enterprises and the economy.

Fifth, stability was maintained on exchange rate and the foreign currency market thanks to a central exchange rate mechanism which followed closely developments of domestic and foreign markets, helped to reduce speculation and holding of foreign currencies. Combining exchange rate management and concerted management of monetary policy tools, including maintaining the interest rate gap between VND and USD to encourage VND holding and regulate market liquidity, appropriate intervention to stabilize exchange rate when necessary to obtain interest rate stabilization, helped to preserve value and position of VND and built up State's foreign reserves to a record high level.

Sixth, sound performance of credit institutions was maintained thanks to determined and consistent implementation of credit institution restructuring and NPL resolution, improved inspection and supervision and well-established legal framework on prudential requirements and risk management in banking operations, all paved solid foundation for the successful implementation of master plan namely "Restructuring credit institutions associated with resolution of bad debts in the period of 2016-2020".

In the mean time, the SBV consistently continued measures to achieve monetary policy objectives and state management over the banking sector, including enhanced management of gold market, modernized banking technology and payment operations, improved banking statistics and forecasting, consolidated banknote issuance and vault safety and information confidentiality by introducing advanced information technology infrastructure in line with 4.0 context, and promoted efficient and effective communication. In addition, the SBV continued to strengthen bilateral and multilateral cooperation as a part of the overall integration of the economy and promote Viet Nam voice and position in the international arena.

By implementing pro-active and concerted monetary and banking management policies in 2017, the SBV successfully achieved its objectives and targets given various difficulties and challenges. Such monetary policy management contributed significantly to maintain macro-economic stability, lower than 4% average inflation, and a favorable environment that supported economic growth of 6.81%, a higher-than-expected level, highlighted 2017 accomplishment. Such results were recognized by various rating international institutions, among which Moody's raised the credit rating over prospect of Viet Nam banking system from "stable" to "positive".

In 2018, positive developments were expected on domestic and international socio-economic environment meanwhile difficulties remain, challenging the SBV management of monetary policy and banking operations. Given its accomplishment in 2017 with supports and guidance by the Party and the State, with the close coordination of ministries, municipalities and localities, the SBV will strive all its effort to fulfill the tasks assigned by the Party and the State in 2018 and to create necessary changes for the successful realization of 5 years 2016-2020 Socio-economic Development Plan.

Governor of the State Bank of Viet Nam



LE MINH HUNG

DEPARTMENTS AND ADMINISTRATION UNITS OF THE STATE BANK OF VIET NAM

Advises and assists the Governor of the SBV in determining instruments in carrying out national monetary policy such as refinancing window, interest rate, exchange rate, reserve requirements, open market operations, and others for the conduction of national monetary policies.

*Monetary Policy
Department*

Advises and assists the Governor in carrying out state management function over foreign exchange, foreign exchange activities and gold trading in accordance with applicable laws and regulations.

*Foreign Exchange
Management Department*

Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over payment and settlement of the economy in accordance with applicable laws and regulations.

Payment Department

Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over bank credit to economic sectors in accordance with applicable laws and regulations.

*Economic Sectoral
Credit Department*

Advises and assists the Governor in carrying out forecasting and statistics in accordance with applicable laws and regulations.

*Forecasting and
Statistics Department*

Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over international cooperation and integration within the State Bank's scope of management in accordance with applicable laws and regulations.

*International
Cooperation Department*

Advises and assists the Governor in stabilizing the monetary and financial systems within the State Bank's scope of state management.

*Monetary and Financial
Stability Department*

Advises and assists the Governor in carrying out internal audits and control over the SBV Units' operations.

*Internal Audit
Management*

Advises and assists the Governor in conducting state management via laws in the fields of monetary, banking operations and foreign exchange.

Legal Affairs Department

Advises and assists the Governor in the SBV financial, accounting operations, capital investments, conducting the state management function over accounting, finance, and capital investments in the banking sector.

*Finance and
Accounting Department*

Advises and assists the Governor and the SBV's Party Committee on human resources management, staffing, management and use of civil servants, officials, remunerations and others within the SBV's scope of management as stipulated in applicable laws and regulations.

*Personnel and
Organization Department*

<i>Emulation and Rewarding Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out the state management function on emulation and rewarding in the banking sector in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Communication Department</i>	Advises and assists the Governor in managing and organizing communication activities in the banking sector that relate to the SBV's state management function.
<i>SBV Office</i>	Advises and assists the Governor in his leadership over banking activities, implements the SBV's administrative reform, manage archive and administrative works of the banking system in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Banking Information Technology Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over information technology in the banking sector and development and application of information technology in the SBV.
<i>Issue and Vault Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out the state management and central bank functions over currency issuance and vault operations in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Administration Department</i>	Assists the Governor in managing public assets (excluding those transferred to income-generating administrations) assigned by the Governor and administrative and logistic activities in Ha Noi city and Ho Chi Minh city including: managing assets, finance, technical infrastructure, security, and taking care of living conditions and healthcare of the SBV staff.
<i>Central Banking Department</i>	Advises and assists the Governor in conducting central banking operations.
<i>Banking Supervision Agency</i>	A General Department level agency of the SBV. It advises and assists the Governor in implementing state management function over credit institutions, foreign bank branches, as well as inspection, complaint and denunciation resolutions, anti-corruption and anti-money laundering, deposit insurance. It conducts administrative and professional inspections and banking supervision in the areas under the SBV's state management. It conducts anti-money laundering and counter-terrorism financing in accordance with applicable laws and regulations and as assigned by the Governor.
<i>Municipal and provincial branches</i>	Advises and assists the Governor in implementing the state management function over monetary, banking and foreign exchange operations in their local areas. They conduct several central banking operations as delegated by the Governor.

**ADMINISTRATIVE UNITS AND UNITS ESTABLISHED
BY THE GOVERNOR**

Undertakes researches and builds banking development strategies, projects and plans; organizes researches, development and control of the implementation of banking science and technology missions in meeting the SBV’s requirements in accordance with applicable laws and regulations.

Banking Strategy Institute

A public administrative agency. It undertakes the function of national credit registration. It collects, processes, stores and analyzes of credit information; prevents and minimizes of credit risk; conducts credit marking and rating of legal entities and individuals within Viet Nam’s territory in serving the SBV’s state management in accordance with the SBV’s rules and applicable laws and regulations.

*Viet Nam’s National
Credit Information
Center*

A speaker and social forum of the banking sector. It disseminates the Party’s orientation and guidelines, the State’s legislation and policies, and banking operations in accordance with the SBV’s rules and applicable laws and regulations.

Banking Times

A speaker and professional forum on banking theories, operations, science and technology. It disseminates the Party’s orientation and guidelines, the State’s legislation and policies, banking operations and achievements in banking science and technology and other relevant areas in accordance with the SBV’s rules and applicable laws and regulations.

Banking Review

Trains and strengthens human resource capacity; provides with staff of the SBV and the banking sector with up-to-date professional knowledge and skills.

Banking Training School

Trains and strengthens human resource capacity in the fields of economic and banking-finance at intermediate, college, undergraduate and graduate levels and in other areas as authorized.

Banking Academy

Part I – World and Viet Nam's economy

1. World economy overview

Positive economic development was seen in most regions throughout 2017 after years of easing fiscal and monetary policies. Global trade and capital flows came back to growth. Commodities price and inflation turned to upward trend urging central banks in advanced economies to consider tightened monetary policies. US dollar depreciated unexpectedly compared to other major currencies given upward trend of global inflation as a result of higher commodities price. In the mean time, core inflation generally remained stable.

1.1. World economic growth

According to International Monetary Fund (IMF)¹, the world economy grew at 3.8% in 2017 compared to 3.2% in 2016; global inflation rate rose from 2.8% in 2016 to 3.0% in 2017.

The U.S.'s economy grew by 2.3% compared to 1.5% in 2016, labor market strongly restored with the lowest unemployment during the past seventeen years (2017: 4.1%) which facilitated the Fed to raise interest rate three times during 2017. There was an optimistic sentiment among investors thanks to the positive effect from President Trump's policies of cutting down corporate income tax², trade reform, raising investment bar into infrastructure, etc. Budget deficit and public debt, however, jumped up. In fiscal year 2017, budget deficit stood at 3.5 percent of GDP, an increase of more than 13% compared to fiscal year 2016, thus public debt exceeded the cap and reached USD 20.590 trillion (in 2016, public debt was USD 19.976 trillion), equivalent to 106 percent of GDP. This forced the U.S. government to raise the cap, which had negatively impacts on its borrowings and

“

2017 economic growth recovered in most regions. Given upward trend of global inflation as a result of higher commodities price, core inflation remained stable.

¹ World Economy Outlook Report, April 2018, International Monetary Fund.

² President Trump on December 22, 2017, signed the Act on Tax Reforms, accordingly, corporate income tax rate was cut from 35 percent down to 21 percent, personal income tax rate declined by 2-4 percent.

created risk to the economy. Inflation rate went up to 2.1% in 2017 from 1.3% in 2016.

The Eurozone's economy experienced the fastest growth pace in the past ten years of 2.3% (2016: 1.8%) thanks to the effects from easing monetary and economic stabilization policies. Major economies that led the region's economic growth included Germany (2.5%), France (1.8%) and Spain (3.1%). A good growth in the real sector pulled unemployment rate down to the lowest level in the past nine years; as of end-2017, unemployment rate was 8.6% compared to 9.6% in 2016. Public debt was cut down, too, from 88.9 percent of GDP in 2016 to 86.6 percent of GDP in 2017. Public debt level in several countries, notwithstanding, remained high, like Greece (181.9 percent of GDP), Italy (131.5 percent of GDP), Portugal (125.6 percent of GDP), Belgium (103.2 percent of GDP). Meanwhile, the Euro appreciated, stock market significantly increased, regionwide inflation rate rose from 0.2% in 2016 to 1.5% in 2017.

Japan's economy experienced a positive development with the expansion of either export or domestic consumption; economic growth achieved the rate of 1.7% (2016: 0.9%). As of end-2017, Japan had gone through eight consecutive quarters of positive economic growth, the longest time horizon of growth in the past ten years. Thanks to growing economy, unemployment rate dropped to 2.8%, the lowest during the past twenty three years. Current account surplus reached the highest level since 2008 mostly because of the contribution by foreign investment and tourism. Budget deficit stood at 4.5 percent of GDP, equivalent to 2015 level. Meanwhile, there was a slight increase in public debt from 235.6 percent of GDP in 2016 to 236.4 percent of GDP in 2017. Inflation rate went up to 0.5% in 2017 from -0.1% in 2016.

Emerging and developing economies witnessed a recovery in economic growth. In 2017, economic growth rate in emerging and developing economies was 4.9% compared to 4.8% in 2016. Among the BRICS, China's economic growth in 2017 stepped up to the rate of 6.8% compared to 6.7% in 2016 thanks to the improvement

in export, infrastructure investment, financial stability and moderating property market resulted from the government's solutions to reduce the risk of real-estate bubble; at the same time, foreign exchange reserves were accumulated to a record level, inflation was stabilized and controlled under the rate of 2% since February 2017. Russia and Brazil, after years of stagnation, gathered growth momentum and reached the rates of 1.5% and 1.0%, respectively; although economic growth in India was slowed down, it still reached the rate of 6.7%. Economic growth rate in ASEAN countries was 5.3% on average. Mean inflation rate among emerging and developing economies was 4.0%, down from 4.3% in 2016.

Global trade improved and grew at the rate of 4.9%, the highest since 2012 mostly thanks to the recovery in fundamental commodities price, strong increase in trade of electronic goods, especially in Asia, and the increase in advanced countries' import (the U.S., the EU) stemming from the improvement in either investment or consumption. Several countries pushed the negotiation and signing of bilateral trade agreements such as EU-Japan, China-Canada in the context rising protectionism that challenged the negotiation and signing of multilateral trade agreements.

1.2. Monetary policy management in some countries

Monetary policy divergence continued to take place in 2017 but not as strong as 2016, the time that many key economies announced their intention to scale down monetary easing. While such big central banks as the Fed, Bank of England, Bank of Canada... raised interest rate, central banks in other 26 countries cut interest rate to stimulus economic growth.

In advanced economies, the trend of monetary policy "normalization" after a period of strong monetary easing became increasingly clear. The Fed raised interest rate three times in 2017 thanks to good economic and labor market growth. The BOE increased interest rate for the first time after more than ten years, from 0.25% to 0.5%. The ECB, inspite of its maintenance of negative

“

Amidst positive world economic growth, higher commodities price and upward inflation resulted in more prudential monetary policies by advanced economies.

interest rate and asset purchase program, announced to scale down the asset purchase program to EUR 30 billion per month, starting from the beginning of 2018. Bank of Canada raised interest rate twice (0.25% hike each) to 1.0% after seven year maintenance of almost 0% interest rate since 2010. The BOJ, nevertheless, was not able to exit from monetary easing and extended the deadline to reach the targeted inflation rate of 2.0% until the end of FY 2019.

In emerging and developing economies, most central banks chose to cut interest rate like in Russia, Indonesia,... or keep interest rate unchanged like those of Thailand, Philippines to support economic growth. Central banks in such countries as Mexico, Argentina, Czech Republic had to raise interest rate to prevent capital reversals following the Fed's interest rate hike. People's Bank of China (POBC) preserved policy stability via close liquidity control for improving debt situation and preventing risk of real-estate bubble. However, after the Fed's interest rate hike, the POBC raised interest rate on open market operations for the first time since March, 2017, interest rate on reserve repo contracts of 7-day maturity from 2.45% to 2.5%, interest rate on reverse repo contracts of 28-day maturity from 2.75% to 2.8%.

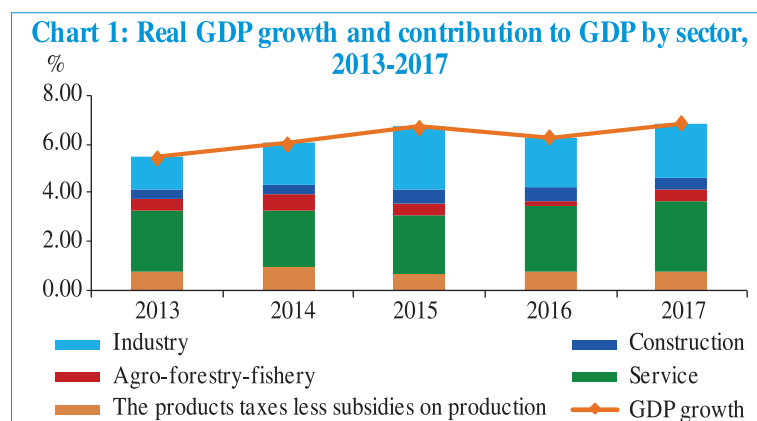
2. Viet Nam's economy

In 2017, amidst low economic growth rate during first quarter, the Government, sticking to the set economic growth target, instructed to make quarterly growth scenarios for each industry for discussion and approval at monthly Cabinet meetings and required ministries, agencies and local authorities to apply drastic solutions to developing such industries as agriculture, processing and manufacturing, service, tourism, etc. As a result, Viet Nam's economic activities matched with the trend of economic recovery, investment and global trade. Economic growth in 2017 achieved the highest level during the past ten years and exceeded target; inflation was controlled below the target set by the National Assembly; and strong growth took place in agriculture, processing and manufacturing, services, export, import,

etc. Investment and business environment continued to be improved. Number of foreign tourists, foreign investment as well as newly established enterprises all strongly increased, and foreign exchange reserves were accumulated to a record level. Thanks to stable macroeconomy and positive growth outlook, Moody's and Fitch Ratings raised Viet Nam's outlook from "stable" to "positive". However, there remained difficulties and challenges to the economy such as slow pace of economic restructuring, low competitiveness, deterred public investment disbursement, damages to people's living and domestic production caused by natural disasters like flood, environmental pollution and food safety issues.

2.1. Economic growth

In terms of economic sectors, agro-forestry-fishery, Industry production and service all reached higher growth rate compared to the previous year



Source: General Statistical Office, the SBV's estimation

Agro-forestry-fishery production increased by 2.9%, the highest during the past three years, mostly thanks to more favorable weather conditions, stricter control over epidemics and pest, and the recovery in marine products catching in the North Central Region since the maritime pollution calamity in 2016.

Industry production grew at 7.85%, higher than that of 7.06% in 2016 thanks to the contribution from the jump in processing and manufacturing from 11.9% in 2016 to 14.4% in 2017 as the result of progressed

“

Economic growth reached 6.81% in 2017, the highest for the past ten years, exceeded 6.7% target, contributed by strong processing and manufacturing, service and recovered agro-forestry-fishery sector.

Samsung and Formosa, and FDI disbursement grew by 10.8% compared to 9.0% last year. However, there was a fastest downturn in mineral since 2011 (-7.1%) mostly due to the decline of 1.6 million tons crude oil production compared to 2016, and coal output was 38 million tons, a decline of over 180.000 tons. Two industries namely production and allocation of electricity, gas, hot water, steam, air conditioner, and water supply, management and processing of garbage, effluent had lower growth rates compared to the previous year.

Construction growth rate was lowered to 8.7% compared to 10.0% in 2016 amidst low pace of public investment disbursement. In 2017, total disbursed investment from State Budget increased by 7.2% compared to 15.1% in 2016. Ministries, agencies as well as local authorities actively dealt with bottlenecks and pushed up fund disbursement to projects and buildings in compliance to Resolution No. 70/NQ-CP dated August 03, 2017 of the Government on key jobs and solutions to speeding progress and public investment disbursement.

Services increased by 7.44 percent, the highest during the past five years, most sub-sectors under which, except for Information and Communication experienced higher growth rate. Services had been making up increasingly bigger proportion in GDP, from 38.3% in 2015 to 39.0% in 2017. The number of foreign tourists to Viet Nam reached 12.9 million in 2017, an increase of 29.1% compared to 2016.

Aggregate demand mainly relied on domestic demand while external demand contributed negatively to economic growth

Final consumption increased by 7.35%, slightly higher than 7.32% in 2016. In spite of lower Government consumption growth compared to 2016, final consumption still grew at higher rate than the previous year thanks to higher growth rate in private consumption.

Gross asset accumulation grew at 9.8%, the highest during the past seven years and made the biggest contribution to GDP growth since 2011 as private

investment increased by 16.8%, significantly higher than 9.7% in 2016, and investment by FDI sector rose by 12.8% compared to 9.4% in the previous year.

Net export improved in spite of its negative contribution to economic growth of -1.97 percentage point compared to -5.3 percentage point in 2015 and -2.17 percentage point in 2016. Either export or import had higher growth rates compared to the previous year (export rose by 16.74% compared to 13.86% in 2016, and import increased by 17.5%, higher than 15.29% in 2016).

2.2. Employment and income

In 2017, labor force segment of over 15 years old was estimated to be 54.8 million people, up by 394.900 labors compared to 2016, in which, male labor force was 28.4 million, accounted for 51.9% in total labor force, female labor force was 26.4 million, made up 48.1%. Unemployment rate in 2017 was 2.24% (2016: 2.30%, 2015: 2.33 %), in which, urban unemployment rate was 3.18% (2016: 3.23%, 2015: 3.37%); and rural unemployment rate was 1.78% (2016: 1.84%, 2015: 1.82%). Youth unemployment rate (ages from 15 - 24) was 7.51%, in which, that in urban area and rural area was 11.75% and 5.87%, respectively.

Labor productivity in 2017 at current price was estimated to reach VND 93.2 million/labor (equivalent to USD 4,159/person). In constant price, labor productivity increased by 6.0% compared to 2016, and reached the average growth rate of 4.7 percent between 2011 and 2017. Despite positive growth on annual basis³ and high growth rate in the ASEAN⁴ region, Viet Nam's labor productivity remained low compared to other countries in the region.



Urban and rural unemployment declined, 2017 per-capita income estimated to reach VND 53.5 million, equivalent to USD 2,385, an increase of USD 170 to that in 2016.

³ Labor productivity at current price from 2011 to 2017 was VND 55.2 million/labor, VND 63.1 million/labor, VND 68.7 million/labor, VND 74.7 million/labor, VND 79.4 million/labor, VND 84.5 million/labor, and VND 93.2 million/labor, respectively.

⁴ Between 2007 and 2016, Viet Nam's labor productivity in 2011 PPP increased by 4.2% on average, higher than that of Singapore (1.5%), Malaysia (1.9%), Thailand (2.5%), Indonesia (3.5%), the Philippines (2.8%), Cambodia (4.1%), but lower than that of Laos PDR (5.3%) and Myanmar (14.6%) (calculated using the WB's data).

In 2017, GDP at current price was approximately VND 5,007.9 quadrillion, per capital income was estimated to be VND 53.5 million or USD 2,385, an increase of USD 170 compared to 2016. For civil servants, officials and armed forces, the basic wage was raised from VND 1.21 million/month to VND 1.3 million/month since July 01, 2017 according to Decree No. 47/2017/ND-CP dated April 24, 2017 of the Government. Minimum wages for employee working for enterprises, cooperatives, farms, households, etc. was raised according to Decree No. 153/2016/ND-CP dated November 14, 2016 and taking effect from January 01, 2017. Accordingly, minimum wages are divided into four regions namely region I, II, III, IV and minimum wages applied for each region are VND 3.75 million/month, VND 3.32 million/month, VND 2.9 million/month and VND 2.58 million/month, respectively.

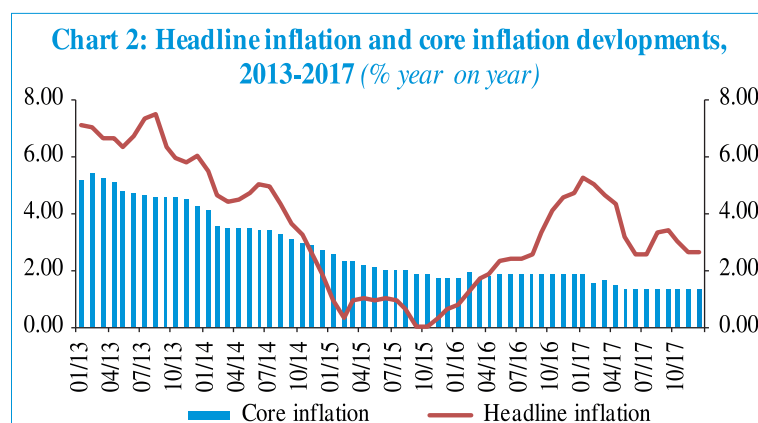
2.3. Inflation



Inflation rose in 2017 with annual average CPI of 3.5%, higher than previous year, but remained below 4% target set by the National Assembly, mainly due to rise in fuel and administrative prices. Core inflation continued to be kept stable at 1.4%.

Average CPI in 2017 increased by 3.5% year-over-year, higher than that of 2.7% in 2016 but remained below the target of 4% set by the National Assembly and well below the average inflation rate between 2011 and 2014. Inflation in 2017 was caused by the following specific reasons. First, healthcare and education service prices continued to be strongly raised following the set roadmap; accordingly, price indices for healthcare and education services increased by 57.9% and 10.4%, respectively (2016: 38.15% and 7.11%), making a considerable contribution to inflation hike. Second, world fundamental commodities price continued to recover, particularly fuel, pushing domestic oil, petro and gas prices, resulting in higher growth rates in price indices of housing, water and electricity, fuel and construction materials group (grew by 4.3%) and transportation group (6.8%) compared to 2016 (rose by 2.5% and declined by 7.3%, respectively). Third, natural calamities and unfavorable weather conditions like typhoons, floods made adverse impact on supply, hence making commodities price increase in Central provinces at year-end.

Regardless the said facts, there was a downward trend in average CPI year-over-year after months of 2017 and annual average CPI below the target of 4% set by the National Assembly. This was mostly explained by monetary policy management in proactive, flexible and cautious manner for controlling core inflation at the average rate of 1.4% (2016: 1.8%). At the same time, the Government was careful in choosing the right time and right level of administrative prices hike, thus closely coordinating with monetary policy in controlling inflation within the set target. Moreover, food price went down for the first time in 16 years in the context of pork price drop for profuse supply while domestic demand remained unchanged and export faced difficulties. This made a significant contribution to controlling inflation in 2017.



Source: General Statistical Office

2.4. State budget revenues and expenditures

Total budget revenues in 2017, according to the National Assembly's estimation, exceeded earlier estimates by 2.3% and reached approximately 24.75 percentage of GDP (2016: exceeded by 8.5% and were equal to 24.46 percentage of GDP). Higher-than-estimated revenues were essentially attributed to the property market, lottery, dividends and retained earnings from SOEs, sale of state shareholders at enterprises. Domestic revenues continued to take the biggest account in total revenues (81.6%) and were 2.1% higher than earlier estimates (2016: 12%). Revenues generated from crude oil were equivalent to 113.6% of earlier estimates

“

State budget revenues and expenditures in 2017 slightly exceeded estimates, covered significant expenses for socio-economic development, public security, national defense and social protection. State budget deficit, however, remained as estimated.

(2016: 73.7%) because of recovery in crude oil price. Export-import revenue reached 100% as expected (2016: exceeded earlier estimates by 0.8%).

Total budget expenditures exceeded earlier estimates by 1.7% (2016: exceeded by 6.8%), in which, investment expenditures were 9.1% higher than estimates (2016: exceeded 5.2%); current expenditures excelled earlier estimates by 1.3% (2016: exceeded by 1.5%).

State budget deficit stood at VND 174.3 trillion or 3.5 percent of GDP (2016: 5.6 percent of GDP).

2.5. Balance of payments

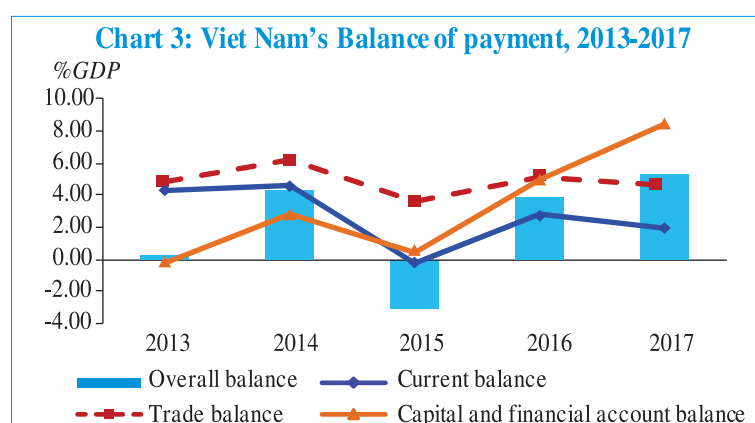
Overall balance of payments in 2017 reached a surplus of USD 12.54 billion, a considerable improvement compared to the last year's surplus of USD 8.39 billion, the highest surplus level in the past five years thanks to high surplus in finance accounts. Given the stabilized macroeconomy, positive economic growth, ongoing and active SOEs' equitization, improvement in trade all helped attract investment inflows in Viet Nam. A great deal of foreign currency was purchased by the SBV from the credit institutions for accumulation of the State foreign exchange reserves, accordingly.

Current accounts gained a surplus of USD 4.67 billion (or 2.1 percent of GDP) thanks to the positive involvement in most of the components. Particularly, the big surplus amount in commodities balance, remittances and increase in tourism revenues made a positive contribution to the high surplus of current accounts. In 2017, commodities balance reached a surplus of USD 10.85 billion, a decline of 1.8 percent compared to 2016. Service account deficit was narrowed from USD 4.26 billion in 2016 to USD 3.92 billion in 2017. Current transfers achieved a surplus of USD 8.52 billion, rose by 6.7% from the surplus of almost USD 8 billion in 2016. Income balance deficit, however, was expanded by 25.3% to USD 10.77 billion, compared to 2016, mostly because of the growing expenditure of investment income in the context of ongoing surge in FDI in recent years.



Biggest overall balance of payment surplus in the past five years was essentially attributed to substantial surplus in capital and finance accounts and macro-economic stability, facilitating the State foreign exchange reserves to be accumulated.

Capital and financial accounts gained a surplus of USD 19.73 billion, an increase of 84% compared to the number of USD 10.73 billion in 2016 largely thanks to the continuing increase in FDI, FI and foreign borrowing into the country. More specifically, net FDI in 2017 reached a surplus of USD 13.62 billion, an increase of 17.4% compared to 2016. Similarly, net FI gained a surplus of USD 1.89 billion or 8.3 times higher than the number of USD 228 million in 2016 as a result of positive developments in the stock market and active equitization at SOEs. Net external borrowing stood at USD 10.75 billion, about fourfold of USD 2.62 billion in 2016 as a result of the decrease of over USD 6 billion in principal payment. Money and deposit experienced a deficit of USD 6.47 billion, which was beyond the deficit of USD 3.81 billion in 2016.



Nguồn: The State Bank of Viet Nam

2.6. Monetary and financial developments

Monetary developments

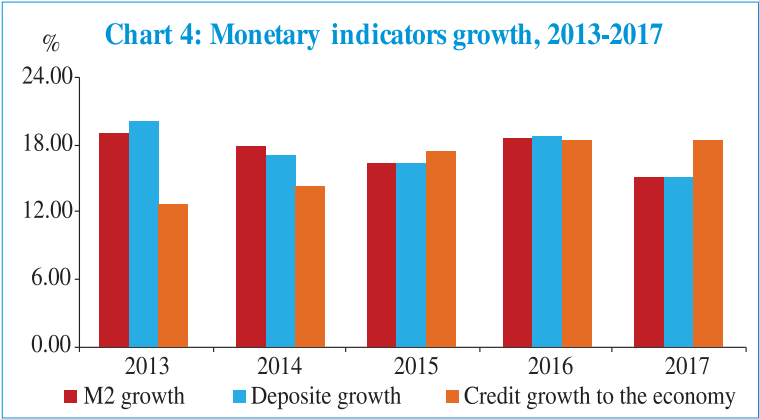
As of end-2017, total liquidity (M2) increased by 14.97 percent year-over-year and lower than the growth rate of 18.38% in 2016, which was mostly attributed to slower growth pace in credit to the economy and sharp decline in net Government borrowing, resulting in an increase of 12.16% year-over-year in Net Domestic Assets (NDA), considerably lower than 19.17% in 2016. Strong decrease in net Government borrowing -23.98% amidst good State Treasury capital mobilization performance

“

Total liquidity growth was maintained at a reasonable level, contributing to inflation control. Capital mobilization slowed

down; credit to the economy rose as high as that in 2016, in line with the Government's guidelines and policies and actively supported economic growth.

accompanied by delayed disbursement led to the surge of State Treasury's deposit in the banking system. In contrast, thanks to strong capital inflows, Net Foreign Assets (NFA) maintained good growth momentum and increased by 33.29% year-over-year (2016: 13.45%). Accordingly, the SBV, on one hand, purchased foreign currency in proactive manner to accumulate foreign exchange reserves, on the other hand, carefully controlled and regulated money supply so as to avoid any inflation pressure.



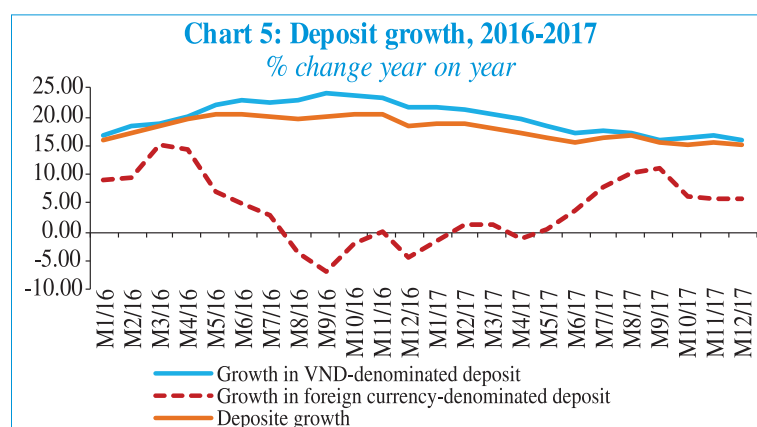
Source: The State Bank of Viet Nam

Slow down in capital mobilization in the banking system

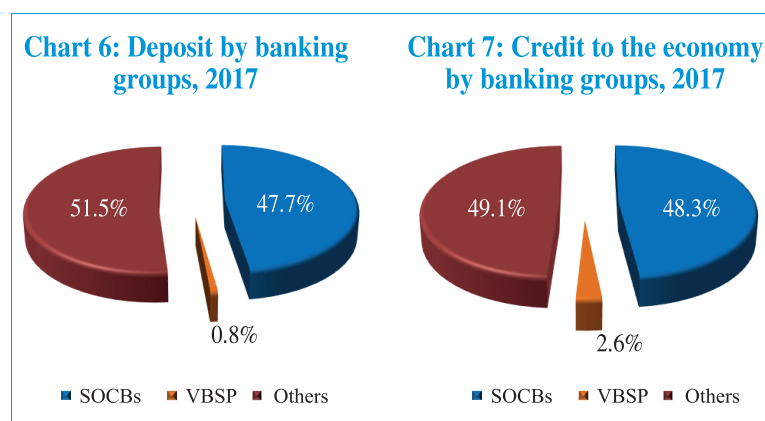
In 2017, capital mobilization growth in the whole system reached 14.99% compared to 18.54% in 2016, in which, VND deposit increased by 16% (2016: 21.77%) and foreign currency deposit rose by 5.74% (2016: decreased by 4.54%). Foreign currency deposit growth mostly because economic institutions raised their deposit in foreign currency, while that by individuals reduced by 5.57%, reflecting their confidence to the domestic currency. Lower foreign currency deposit growth compared to M2's contributed to de-dollarization; foreign currency deposit to total liquidity (FCD/M2) ratio continuously fell between 2009 and 2017 and touched the level of 8.01%, below the mean ratios of 11.15% between 2012 and 2016 and 19.14% between 2007 and 2011.

By groups of banks, the proportion of deposit at state-owned commercial banks continued to go up, while

*that at other credit institutions went down*⁵: Deposit at state-owned commercial banks (excluding Social Policy Bank) accounted for 47.72% of total deposit outstanding (2016: 46.78%); that at other credit institutions made up 51.48% (2016: 52.41%); and deposit at Social Policy Bank made up 0.8% of total deposit outstanding only.



Source: The State Bank of Viet Nam



Source: The State Bank of Viet Nam

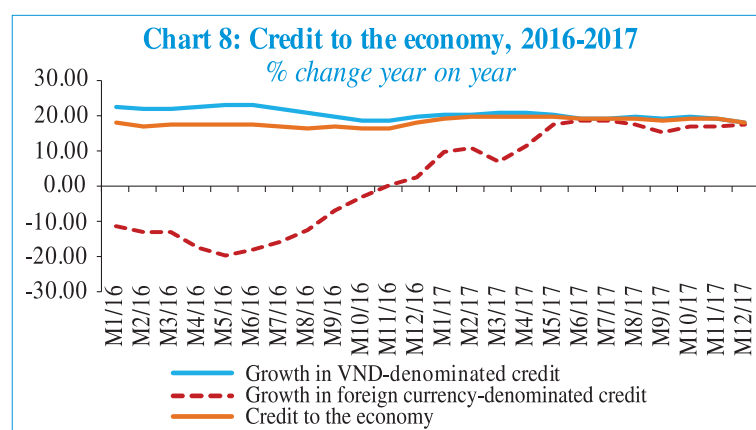
Credit to the economy grew at almost the same pace as that of 2016, which was in line with the orientation and direction of the Government and significantly contributed to economic growth.

In 2017, credit to the economy increased by 18.24%, equivalent to that in 2016. In particular, domestic and foreign currency credit increased by 18.3% and 17.66%, respectively, mainly attributed to the trust portion from

⁵ Including joint-stock commercial banks, non-bank credit institutions, people's credit funds, 100% foreign owned banks, joint-ventured banks, and foreign bank branches.

the Samsung Group. Credit was essentially channeled to the real economy, particularly agriculture and rural areas, processing and manufacturing. At the same time, considerable progress had been made in de-dollarization on not only deposit side but lending side as well. More specifically, there was a strong and continuous decline in the proportion of foreign currency credit to total liquidity, from 18.09% in 2011 down to 6.74% in 2016 and stood at 6.9% in 2017.

According to bank groups, there was a downward trend in credit outstandings by state-owned commercial banks and Social Policy Bank, while that by other credit institutions went up: Credit outstandings by state-owned commercial banks (excluding Social Policy Bank) accounted for 48.28% of total outstanding (2016: 48.73%); that by Social Policy Bank made up 2.64 percent (2016: 2.86%) and by other credit institutions accounted for 49.08% (2016: 48.41%).



Source: The State Bank of Viet Nam

Interest rate

VND interest rate

Interest rate in 2017 continued to be stabilized and was in line with macroeconomic and monetary developments. As of end-2017, VND deposit rate ranged between 4.3% and 5.5% p.a for under six-month deposits; 5.3% to 6.5% p.a for six-month to under twelve-month deposits, and 6.5% and 7.3% for twelve-month and above deposits. Lending interest rate was 6.0% to 9.0%

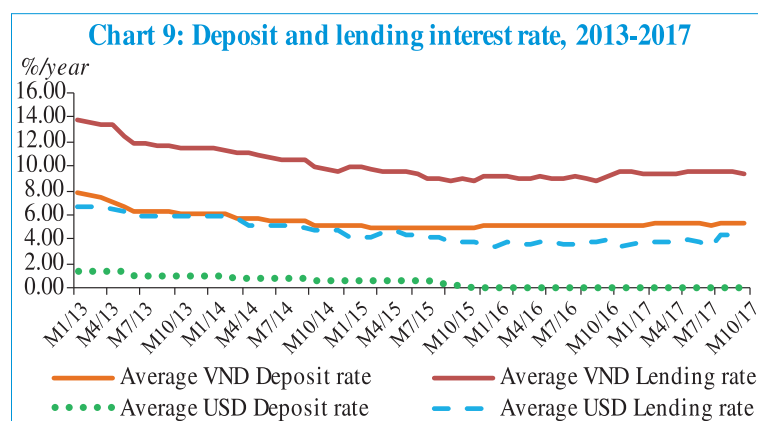


Market interest rate continued to be stabilized to narrow VND-foreign currency deposit rate gap, helping to consolidate VND position.

for short-term and 9.0% to 11.0 % for medium-and long-term loans.

USD interest rate

USD interest rate evolved in line with the Government's and the SBV's policy on anti-dollarization, reduction of foreign currency holding, thus helping stabilize exchange rate. As of end-2017, USD deposit rate at credit institutions was at 0 percent according to the SBV's rule, and USD lending rate ranged from 2.8% to 4.7% p.a, in which, short-term lending rate was 2.8% to 4.7% p.a and medium-and long-term lending rate was 4.6% to 6.0% p.a.



Source: The State Bank of Viet Nam

Note: Deposit and lending interest rates are at average values

Interbank money market

Strong increase in VND transaction volumes in interbank market

Total turnover of VND deposit and lending in interbank market was VND 7.863 quadrillion, a strong increase of VND 1.644 quadrillion compared to 2016 or 26.4% year-over-year. Meanwhile, interbank transaction volume in USD increased slightly; total turnover of USD deposit and lending in interbank market in 2017, converted to VND, reached VND 3.645 quadrillion, an increase of VND 154 trillion compared to 2016 or 4.4% year-over-year. Turnover of term securities trading transaction between credit institutions and foreign bank branches, in correlation to deposit and lending, was

“

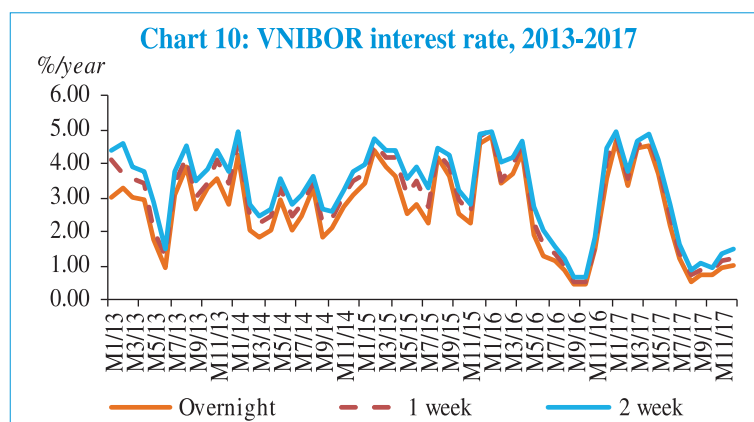
Interbank rate maintained at low levels and higher VND transaction volumes.

smaller in terms of value but high in terms of growth rate, increased from VND 513 trillion in 2016 to VND 1.047 quadrillion in 2017.

According to maturities, most realized transactions in interbank market in 2017 were at under one-month maturities with the focus on overnight and one-week. Turnover of VND overnight transactions in 2017 reached VND 3.249 quadrillion and of USD overnight transactions, converted to VND, was VND 2.154 quadrillion, accounted for 41.0% and 59.0%, respectively in total yearly turnover.

Interbank interest rate was kept at low level

In 2017, the interbank interest rate remained stable at low level and there was an ample liquidity in the context of the banking system's good deposit growth and the SBV's net purchase of foreign currency. During 2017, overnight, one-week and two-week interest rates were kept at low levels, at 2.27% p.a, 2.46% p.a and 2.64% p.a on average, respectively.



Source: The State Bank of Viet Nam



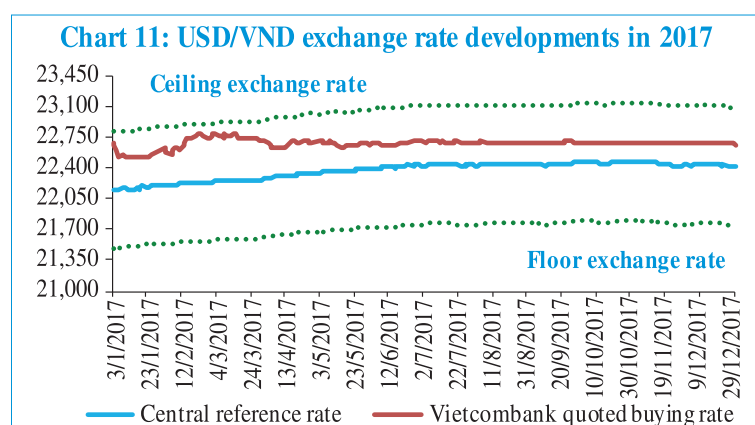
In 2017, domestic foreign exchange market stabilized thanks to favorable

Foreign exchange market development

In spite of adverse impact from changes in international market at some points of time, the depreciation of the USD exchange rate in global market facilitated the stabilization of domestic foreign exchange market and the exchange rate during the year 2017. Stabilized market resulted from favorable macroeconomic developments, too, ranging from high

surplus of overall balance of payment to the SBV's management of monetary policy tools in synchronized and flexible manner. In 2017, high overall balance of payments surplus; good economic growth; stable inflation helped attract investment flows into Viet Nam in the context of the stock market surge and successful divestment plan implementation by the Government at some groups and state-owned corporations, hence facilitating to balancing domestic foreign currency demand and supply; and the SBV's purchase and selling of foreign currency in timely manner helped stabilize market. At the same time, the SBV continued to manage monetary policy tools in proactive and synchronized manner, in combination to the flexible management of the central exchange rate on daily basis following domestic and international markets developments and in accordance with macro and monetary balances as well as monetary policy targets, thus easing the appetite for foreign currency holding and protecting domestic market from external shocks. Thereby, during 2017, domestic exchange rate and foreign exchange market was basically well stabilized (as of end-2017, the central exchange rate increased by approximately 1.2% year-over-year, the market USD/VND exchange rate declined by about 0.2%). Thanks to ample liquidity, full meeting of legal foreign currency needs, reduction in foreign currency holding, credit institutions purchased foreign currency from clients on net basis, and the SBV purchased a huge amount of foreign currency to accumulate the State foreign exchange reserves.

macroeconomic activities, high overall balance of payment surplus and the SBV's flexible and uniformed management of monetary policy instruments.



Source: The State Bank of Viet Nam

Gold price development



Domestic gold price stabilized with narrowing domestic and international gold price gap.

Domestic gold price was relatively stable and fluctuated within a narrow band despite complicated changes in the international gold price. Domestic and international gold price spread was maintained at low level. As of end-2017, domestic gold price stood at VND 36.34 - 36.56 million/ounce, an increase of about 0.3% year-over-year.

Securities market



Securities market grew dramatically in tandem with strong economic growth.

The surge in Viet Nam's securities market in 2017 was attributed to many positive factors like strong economic growth, strong FII inflows and market breakthrough thanks to state divestment affairs. Growth momentum of the market was sustained throughout the year and expressed in all number of shares listed, market capitalization as well as in shares price. Compared to end-2016, the VN-Index increased by 46.5% to 984.2 points, the HNX-Index rose by 43.6% to 116.9 points. Market capitalization reached over VND 3.500 quadrillion (an increase of 80.5% compared to 2016), equivalent to 70.2 percent of GDP (exceeded the Government plan set to 2020). In terms of transaction scale, market liquidity was good, transaction value per session reached almost VND 5 trillion, an increase of 66.0% compared to VND 3 trillion of 2016. The whole market recorded 737 listed shares, fund certificates and ETFs as well as 690 registered shares with total listing and transaction registration values of almost VND 978 trillion, up by 32% compared to end-2016.

2.7. Credit institutions' activities



Credit institutions' financial strength, prudential ratios, and risk management

As of end-2017, the credit institution system included 01 totally state-owned bank, 03 banks with state holdings of above 50%, 03 compulsorily acquired commercial banks, 28 joint-stock commercial banks, 02 policy banks, 01 Cooperative Bank, 09 100% foreign-owned banks, 02 joint-ventured banks, 49 foreign bank branches, 47 representative offices, 16 finance companies;

11 leasing companies, 04 microfinance institutions and 1,178 people's credit funds.

**Table 1: Credit institution system in Viet Nam
as of December 31, 2017**

No	Types	2016	2017
1	State-owned Commercial Banks (SOCBs)	7 ^(*)	7 ^(*)
2	Social Policy Bank (VBSP)	1	1
3	Development Bank	1	1
4	Joint-stock Commercial banks (JCBs)	28	28
5	Joint-ventured banks (JVBs)	2	2
6	100% foreign-owned bank	6	9
7	Foreign Bank Branches	51	49
8	Non-bank Credit Institutions	26	27
	<i>Include: Finance companies</i>	<i>15</i>	<i>16</i>
	<i>Financial Leasing companies</i>	<i>11</i>	<i>11</i>
9	Cooperative Bank of Viet Nam	1	1
10	People's Credit Funds	1,166	1,178
11	Micro-finance Institutions	3	4

Source: The State Bank of Viet Nam

(*) - Including 03 joint-stock commercial banks acquired by the SBV at 0 VND (CBBank, GPBank, Ocean Bank).

Credit institutions endeavored to improve financial capacity as well as prudential ratios, and strengthen risk management

In 2017, the State Bank of Viet Nam continued to implement restructuring measures in tandem with NPL resolutions in drastic and uniformed manner, and to strengthen inspection and supervision as well as to improve legal framework for bank safety and risk management. Thereafter, credit institutions' financial capacity and scale of operation were gradually improved, making contribution to supporting economic growth. As of end-December, 2017, total assets reached VND 10.0018 quadrillion, an increase of 17.6% compared to end-2016; total chartered capital was VND 512.4 trillion, up by 4.9% compared to end-2016, and total equity rose by 11.6% compared to end-2016 to VND 714.1 trillion. In addition, governance was gradually improved in approaching

were enhanced. Profitability ratio was slightly improved compared to 2016, and there were continuous liquidity stability and credit quality improvement.

international practices; credit institutions proactively divested from ineffective and high-risk areas, implemented portfolio restructuring in the direction of effectiveness and safety, and enhanced IT application as well as banking technology modernization. According to the report on Viet Nam's banking system outlook of October, 2017, Moody's raised outlook of Viet Nam's banking sector from "stable" to "positive", and as announced by The Asian Banker, among 500 strongest banks in Asia-Pacific regions, 15 were from Viet Nam. This was the outcome of the SBV's drastic and uniformed implementation of solutions to banking inspection and supervision, particularly 2016-2020 Masterplan on Restructuring of Credit Institution System accompanied by NPL Resolutions which was recognized by international organizations.

Table 2: Credit institutions' assets and capital⁶

	Total assets		Total equity		Chartered capital	
	VND billion	± %	VND billion	± %	VND billion	± %
State-owned Commercial Banks	4,745,738	18.01	254,655	10.96	158,467	0.78
- <i>State-owned Commercial Banks</i>	4,570,097	18.34	254,655	10.96	147,771	0.84
- <i>Social Policy Bank</i>	175,641	10.04			10,696	0.00
Joint-stock Commercial Banks	4,028,497	17.69	290,626	14.35	214,791	6.94
Joint-ventured, foreign banks	954,165	15.19	141,838	8.31	109,656	5.33
Financial and Financial leasing companies	141,899	24.07	23,353	9.32	22,536	14.39
Cooperative Bank	28,906	9.55	3,633	-1.65	3,026	0.04
People's Credit Funds	102,584	13.84			3,953	12.86
Total	10,001,790	17.62	714,106	11.64	512,429	4.91

Source: The State Bank of Viet Nam

⁶ Excluded credit institutions with negative equity and did not include Social Policy Bank and People's Credit Funds.

Thanks to the drastic and uniformed implementation of inspection and supervision measures as well as restructuring in tandem with NPL resolution, credit institutions' safety and effectiveness were improved, monetary and banking discipline was consolidated, hence contributing to enhancing safety and stability in the whole banking system. As of end-December, 2017, ROA and ROE of the whole system were 0.7% and 10.1%, respectively, higher than those in 2016 (0.6% and 7.5%). Minimum capital adequacy ratio in the system (CAR), as of end-December, 2017, reached 12.2%, a slight decrease compared to 12.8% as of end-2016.

Table 3: Credit institutions' operational indicators ⁷

Unit: %

	ROA	ROE	CAR	Short-term deposit to medium-and long-term lending
State-owned Commercial Banks	0.56	10.59	9.52	33.44
- State-owned Commercial Banks	0.58	12.03	9.52	33.44
- Social Policy Bank	0.16	0.86		
Joint-stock Commercial Banks	0.75	10.21	11.47	34.47
Joint-ventured, foreign banks	1.01	6.52	29.11	-6.31
Financial and Financial leasing companies	4.74	22.56	17.81	48.81
Cooperative Bank	0.48	3.61	25.26	31.20
People's Credit Funds	0.78	11.79		
Total	0.74	10.07	12.23	30.65

Source: The State Bank of Viet Nam

⁷ ROA and ROE were calculated based on credit institutions' turnover-expenditure difference in 2017, excluding those with negative equity.

There were stabilized liquidity and improved credit quality

Liquidity risk: Liquidity in the whole system remained stable, liquidity reserve ratio was preserved, short-term deposit to medium- and long-term lending ratio, despite high level of 30.7%, declined from 34.7% in 2016. There was a good growth in medium- and long-term credit for better meeting the economy's funding demand while credit control was well maintained.

Credit risk: In 2017, thanks to proactive implementation of 2016-2020 Masterplan on Restructuring of Credit Institutions in tandem with NPL Resolution, and Resolution No. 42/2017/QH14 dated June 21, 2017 on Piloting of Credit Institutions' NPL Resolution, credit quality was improved and NPL ratio kept going down and was controlled at prudent level in line with preset target. Attentionally, there was a downward trend in potential NPLs. Between 2012 and 2017, total resolved NPL outstandings was VND 727.1 trillion, in which, amount of NPLs resolved by credit institutions made up 58.8%, and that sold to the VAMC or handled by other organizations and individuals accounted for 41.2%. As of end-December, 2017, NPL ratio in the whole system was 1.99% compared to 2.46% as of end-2016.

Part II – State Bank of Viet Nam's policy management

In implementing the Government's guidance at Resolution No. 01/NQ-CP dated January 01, 2017, the SBV issued Instructive No. 01/CT-NHNN dated January 10, 2017 that set the roles and objectives of the whole banking sector in 2017 being *“Managing monetary policy in proactive and flexible manner and in close coordination with fiscal and other macroeconomic policies to curb inflation rate below the target of 4 percent on average, maintain macroeconomic stability, appropriately support economic growth rate (about 6.7 percent), ensure adequate liquidity in credit institutions and money market's stability. In 2017, total liquidity was set to grow by 16-18 percent, credit outstandings by 18 percent with appropriate adjustment in accordance with actual developments. The SBV organized the implementation of monetary and banking solutions to further enable credit institutions to extend credits while maintaining credit safety and quality and sufficient credit extension to the economy, improve enterprises', cooperatives' and households' access to credits”*.

1. Monetary policy management

Conducting open market operations in proactive and flexible manner for proper monetary regulation, ensuring adequate liquidity in the system and stable monetary market, supporting exchange rate stability and monetary controls

The SBV continued to conduct OMOs in proactive and flexible manner for proper monetary regulation, ensuring adequate systemic liquidity and stable monetary market, supporting exchange rates stability, contributing in stabilizing and reducing market interest rates.

The SBV provided liquidity support to credit institutions on daily basis to cover temporary working capital shortage via bid offers of valuable papers, most of which were of 7-day maturity, and interest rate was maintained at 5% per annum. Bid offer volume of

“

Proactive and flexible conduction of monetary policy to control inflation, maintain macroeconomy stability, and give appropriate support to economic growth, while ensuring adequate systemic liquidity and stable monetary market.

valuable papers was adjusted to reflect developments in the market and situation of working capital of credit institutions. At some points of time, there was high liquidity demand under the impact of seasonal factors (Festivals, Holidays), then more valuable papers were offered and maturities were extended from 7 days to 14-28 days for easing liquidity pressure on credit institutions, thus contributing to stabilizing monetary market.

Since July 2017, amidst excess liquidity in the system and the SBV's purchase of foreign currencies from credit institutions to replenish the state foreign exchange reserves, the SBV regulated liquidity via bid offers of the SBV bills with appropriate volume and short maturities to 7-14 days for the purpose of exchange rate stabilization, monetary and inflation control. The synchronous regulation of monetary policy instruments, especially via OMOs, resulted in appropriate monetary regulation, preservation of liquidity in the system and monetary market stability; low levels of interbank interest rates, thus easing the pressure on deposit interest rate, supporting credit institutions to proactively balance their funding; while at the same time supporting Ministry of Finance to successfully issuing Government bonds of high volume, long maturity and at low cost.

Cutting down policy rates and lowering VND short-term interest rate caps for some sectors

Interest rate policy, in 2017, continued to be managed by the SBV in proactive and flexible manner in alignment with monetary policy targets, contributing to reducing funding costs for business. Given higher-than-target inflation in the first months of the year and exchange rate depreciation pressure, the SBV endeavored to manage monetary policy to ensure adequate liquidity for credit institutions, maintain appropriate interbank interest rates, hence contributing to stabilizing and reducing market interest rates. Since July 10, 2017, to promote economic growth as instructed by the Government in the context of slowing down inflation with high likelihood of being lower than the target of 4% set by the National

Assembly and positive performance of credit institutions, the SBV reduced policy rates by 0.25% p.a⁸; VND short-term lending interest rate by 0.5% p.a for clients in some sectors; instructed credit institutions to reduce costs for lowering lending rate, supporting business.

Keeping VND and foreign currency reserve requirement ratios stable

In order to actively perform monetary control, sustain stable liquidity position of credit institutions and the monetary market, support and reduce the interest rates, reserve requirement ratio for VND deposits is maintained at 3.0 percent for demand deposits and term deposits due within 12 months, 1.0% for term deposits with maturities of more than 12 months. For deposits denominated in foreign currencies, reserve requirement ratio is maintained at 8.0% for demand deposits and deposits with maturity of less than 12 months, 6.0% for term deposits with a maturity of more than 12 months and 1.0% for deposits of credit institutions located abroad.

Maintaining refinancing window to give funding support to NPL resolution process and the realization of other objectives as guided by the Government

Refinancing instruments continued to be adopted proactively, in alignment with market developments and performance of credit institutions and in coordination with other monetary policy tools, making contribution to achieving inflation target and appropriately supporting economic growth. The SBV continued to refinance the realization of government's objectives such as refinancing based on VAMC's special bonds to supplement credit institutions' working capital in NPL resolution process according to Decree No. 53/2013/ND-CP dated May 18, 2013 and Decree No. 34/2015/ND-CP dated March 31, 2015 of the Government; refinancing banks to provide housing loans under Resolution No. 02/NQ-CP dated

⁸ The refinancing rate was set at 6.25% p.a, rediscount rate was set 4.25% p.a, interbank lending interest rate was set at 7.25% p.a.

January 07, 2013 and Resolution No. 61/NQ-CP dated August 21, 2014 of the Government; refinancing Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Viet Nam for lending to projects under phase 1 of the Masterplan to protect against flooding in Ho Chi Minh City.

Flexibly managing daily central exchange rate in combination to synchronous and flexible operation of monetary policy instruments

In 2017, exchange rate and foreign exchange market stabilization measures were implemented by the SBV in a uniformed and flexible manner. *First*, the SBV continued to announce central exchange rate on a daily basis with reference to developments in domestic and international markets, macroeconomic and monetary balances and monetary policy objectives. The central exchange rates moved flexibly in both upward/downward directions, which curtailed foreign currency speculation and holding, thereby reducing dollarization as well as minimizing adverse impacts from external events and easing exchange rate pressure. *Second*, given abundant foreign exchange liquidity, the SBV on one hand actively adjusted buying exchange rates from credit institutions and make forward foreign exchange purchases to accumulate State foreign exchange reserves, on the other hand implemented appropriate currency regulation and sterilization via the SBV-bills issuance to control inflation. *Third*, exchange rate was managed in conjunction with uniformed and flexible management of monetary policy instruments. The SBV maintained VND-USD interest rates spread in the direction of encouraging VND holding, and properly managed liquidity to support either exchange rate stabilization if deemed necessary or interest rates stabilization and enhancement of VND's value and status. Exchange rate and foreign exchange market management of Viet Nam in 2017 received high appreciation from many international organisations, enterprises and the public.

Implementing credit solutions to control credit outstandings in line with the indicative target, and at the same time improve credit quality and facilitate access to credit

Given economic growth target in 2017 of about 6.7% and average inflation of about 4% set by the National Assembly and the Government at the beginning of the year, the SBV set the indicative credit growth target to be about 18% with appropriate adjustment in accordance with the actual situation. Accordingly, the SBV announced credit growth targets for credit institutions and considered to adjust credit growth targets for credit institutions and foreign bank branches in the course of implementation based on their financial situation and capability to expand credit in safe and sound manner at the request of credit institutions and foreign bank branches. The SBV continued to implement measures to support credit institutions in extending credit effectively, with the focus on production, business and priority sectors; closely monitor credit extension to some risky sectors to promptly propose solutions to enhance risk control and secure the safety of banking operations; implement preferential credit programs for several specific sectors, especially agriculture and rural areas; facilitate customers to access credit in accordance with the law; and issue instructions for credit institutions to effectively implement the Banks and Enterprises Linkage Program and various policies to support people and business in order to overcome difficulties caused by natural disasters, environmental incidents, and extraordinary drop in agricultural products price.

With regard to foreign currency lending, the SBV continued to strictly control the demand for foreign currency loans in line with the Government's policy of de-dollarization, contributing to monetary market stability. At the same time, the SBV stipulated that credit institutions would make consideration and decision to provide loans to customers in foreign currencies to meet their short-term funding requirements domestically in order to implement plans on production and trade of

exported goods until the end of December 31, 2017, contributing to supporting enterprises in line with the Government's Resolution No. 35/NQ-CP dated May 16, 2016.

2. Foreign exchange management

Current transactions management

Current transactions continued to be liberalized in line with international commitments. The policy of attracting remittances continued to be implemented in a looser manner and in line with integration trend, aiming at encouraging and facilitating remittance inflows, contributing to the improvement of the Viet Nam's balance of payments and accumulation of the State foreign exchange reserves. The SBV, in parallel, actively implemented solutions and policies to limit domestic spending in foreign currency and to eliminate dollarization within Viet Nam's territory. At the same time, the SBV continued to implement policies on management of foreign currency exchange, purchase and sale of foreign currency cash between authorized credit institutions and individuals, etc. to attract foreign currencies to the banking system. In addition, the SBV worked closely with relevant ministries and agencies in the management of foreign exchange to help organizations and individuals understand and implement applicable regulations.

Capital transactions management

The SBV continued to strengthen the foreign exchange management vis-a-vis foreign investment in order to: *(i)* facilitate foreign direct investment into Viet Nam, promoting economic growth and improving international balance of payments; *(ii)* ensure the safe and efficient portfolio investment inflows, contributing to the development of securities market and fund mobilization for domestic investment and economic development; *(iii)* manage overseas direct/portfolio investment in a prudent manner in order to either support domestic investors to seize opportunities or ensure close supervision of capital outflows, and channel resources to domestic economic



Improved legal framework for foreign exchange and gold market management along with strengthened current transactions, capital transactions and State foreign exchange reserves management, thus either ensuring the principle of safety, liquidity or consolidating the management of gold market.

development; *(iv)* strictly manage the monitoring of non-government guaranteed enterprises' external borrowing and repayment thresholds, ensuring the net external debt of financially autonomous enterprises in 2017 to be within the limit approved by the Prime Minister (USD 5.5 billion).

State foreign exchange reserves management

In 2017, foreign exchange market was relatively stable, foreign currency holding continued to decrease, and foreign currency resources were converted to serve socio-economic development. In such conditions, the SBV bought a huge amount of foreign currency to build up the State foreign exchange reserves to USD 51.5 billion at the end of 2017. Foreign exchange reserves was managed by the SBV in ensuring safety, liquidity and profitability.

Gold market management

In 2017, domestic gold market continued to be stabilized and well self-regulated without any "gold fever" in the market; sales volume of gold bars decreased sharply compared to previous years with many points of time experiencing 70% reduction compared to 2013. The SBV did not have to use foreign currency to import gold for market intervention and did not grant licenses to businesses for gold import, the market, thereafter, balanced itself. As a result, part of gold capital in the economy continued to be transformed into money for socio-economic development, contributing to exchange rate and macroeconomic stability.

Strengthening the development and improvement of the legal framework for foreign exchange and gold market management

In 2017, the SBV issued five circulars on the management of foreign exchange activities in conjunction with the renewal of the legal document system in line with actual conditions. Thus, it contributed to complete the legal corridor in complete and synchronous manner, creating conditions for institutions and individuals

to conduct foreign exchange activities inbound or outbound in accordance with the provisions of law while ensuring the right to access economic benefits from these activities. In addition, the SBV finalized and submitted to the Prime Minister a “proposal on measures to limit goldenisation in order to convert gold resources into money for socio-economic development for the 2017-2020 period” and “Project to limit dollarization in the economy until 2020 with orientation to 2030”.

3. Banking inspection and supervision

In 2017, Resolution No. 42/2017/QH14 dated June 21, 2017 of National Assembly on Piloting Credit Institutions' NPL Resolution, the amended Law on Credit Institutions adopted by National Assembly, and 2016-2020 Masterplan on Restructuring of Credit Institution System associated with NPL Resolution approved by the Prime Minister under Decision No. 1058/QD-TTg dated July 19, 2017 all established an important legal base for the banking sector to facilitate the drastic and synchronous implementation of measures on inspection, supervision and restructuring of credit institutions in association with NPL resolution, thereby contributing to ensuring the security and safety of the system of credit institutions, improving discipline and efficiency of administering monetary policy and state management in the monetary and banking sector.

Supervision and Inspection

The State Bank of Viet Nam issued the 2017 Inspection Plan attached to Decision No. 2336a/QD-NHNN dated November 25, 2016 to unify the implementation of the whole sector for specialized and administrative inspection. In particular, the specialized inspection focused on inspecting legal entities in order to more accurately assess the actual situation of legal persons of credit institutions and specialized inspection of a number of important issues in the operation of credit institutions (restructuring, NPL resolution and credit quality, etc.). The inspection plan integrated specialized inspection and inspection of the implementation of anti-



The SBV continued to drastic and synchronous implementation of measures on banking inspection and supervision; restructuring of credit institution system in association with NPL resolution; improvement of the legal framework for prudential banking operations, risk management, support of NPL resolution and restructuring were implemented in drastic and uniformed manner; the application of prudential regulations in accordance with Basel II standards was promoted.

corruption law; To prevent and combat money laundering for a number of inspected subjects so as to ensure the compliance of all subjects with state management requirements while overcoming duplication and overlap in the formulation and implementation of the inspection and examination plan. In particular, in 2017, the SBV pushed the inspection of people's credit funds, especially weak ones. Through inspection and examination, many weaknesses of and violations by credit institutions and foreign bank branches were detected like breaches of credit activities, loan classification, risk provisioning, etc. In addition, in order to improve the efficiency of the inspection work, post-inspection monitoring, urging, examination and treatment were closely undertaken to ensure credit institutions's strict execution of recommendations and conclusions on inspection and examination. In addition, during the inspection process, the SBV continued to work closely with relevant agencies to detect and handle law violations through the provision of information and documentation, conduct judicial assessment, etc.

Banking supervision continued to be strengthened and renovated based on the improvement and deployment of new monitoring tools and methods associated with the enhancement of information technology application, database development and the system of monitoring criteria. Methodology gradually shifted from compliance-based supervision to a combination of compliance-based and risk-based supervision. In particular: *(i)* the form of monitoring is the integration between traditional microprudential and macroprudential supervision over credit quality, lending to real-estate sector, shareholders, shares, cross-ownership, etc; *(ii)* the subject of the monitoring focuses on not only compliance with the law, prudential ratios and limits but also the assessment and warning of risks in the operations of the credit institution; *(iii)* scope of supervision is expanded to include overseas subsidiaries, branches of credit institutions, equity and financial investment by credit institutions. Additionally, in 2017, the SBV issued Circular No. 08/2017/TT-NHNN dated August 01, 2017 regulating process and procedures

of banking supervision and Banking Supervision Manual to standardize and unify the content, process and procedures of supervision of credit institutions in the whole system.

Licensing management

Management and licensing in 2017 continued to be implemented in accordance with principles, standards and conditions of prudence in line with the progress and outcomes of restructuring and NPL resolution in the whole system and in each credit institution for the development of a safe and healthy credit institution system. In 2017, the SBV licensed 01 wholly foreign-owned bank and 01 foreign bank branch to set up their operation. In addition, in extending credit institution network, the SBV approved the establishment of 01 wholly foreign-owned bank, 01 overseas representative office, 112 transaction offices, 05 representative offices, 01 non-productive unit and 01 cash-processing center in the country; approved for 139 transaction offices converted from the post transaction offices and 11 transaction offices converted from provident funds; and terminated the operation of 13 branches and 01 representative office in the country.

The implementation of “the 2016-2020 Masterplan on Restructuring of the Credit Institution System associated with Non-performing Loans Resolution” and application of prudential regulations in line with Basel II standards

Continuing to enhance the implementation of the restructuring of the credit institutions and non-performing loans resolution

With the perception that restructuring of the credit institution system is a regular and continuous process, taking macroeconomic stability as foundation, inheriting and promoting the outcomes achieved during 2011-2015, in 2017, the SBV continued to take drastic measures to restructure the system of credit institutions and resolve Non performing loans (NPLs). On January 10, 2017, the SBV issued the Directive No. 02/CT-

NHNN to instruct the whole banking sector to continue implementing drastic measures to restructure credit institutions and improve credit quality in combination with boosting NPL resolution in compliance to market principles, improving the legal framework to support NPL resolution and credit institutions restructuring to maintain the NPL ratio at a safe and sustainable level (less than 3.0 percent of total loan outstanding). At the same time, in executing the instructions of the Poliburo and the Government, the SBV drafted the 2016-2020 Masterplan on Restructuring of Credit Institutions System associated with NPLs Resolution, submitted to the Prime Minister for approval at the Decision No. 1058/QĐ-TTg dated July 19, 2017 (Masterplan 1058). Masterplan 1058 includes a series of measures grouped into improvement of legal framework, monetary policy and mechanism and banking operations, the most important of which is improvement of legal framework for restructuring of weak credit institutions and NPLs resolution; improving the financial capacity, governance of credit institutions; improving the capacity of banking inspection and supervision; a series of solutions for restructuring by class of each group of credit institutions; solutions on dealing with NPLs.

In addition to the drafting and issuance of Masterplan 1058, for dealing with legal difficulties, problems and shortcomings arising in the course of resolving NPLs and collateral of credit institutions, the SBV, in coordination with relevant ministries and agencies reviewed the law enforcement practice, drafting for submitting to the Government and the National Assembly to adopt a Resolution on Piloting Credit Institutions' NPLs Resolution (Resolution No. 42/2017/QH14 on June 21, 2017). This Resolution allows the application of many new policies (in comparison with current law) on NPLs and collateral resolution, laying a more favorable legal foundation for credit institutions' and foreign bank branches' NPLs and collateral resolution, NPL trading institutions, contributing to quick and proper handling of NPLs of the credit institutions system.

Improving the legal framework on bank safety, risk management, supporting NPL resolution and credit institutions restructuring

In 2017, the SBV continued to review and improve the legal system for banking activities, ensuring the safety and efficiency of credit institutions, foreign bank branches. It focused on finalizing legal documents to support restructuring and NPLs resolution. Accordingly, the SBV advised the Government to submit to the National Assembly a draft amending Law on Credit Institutions which was passed at the fourth session of the National Assembly (Law No. 17/2017/QH14 dated November 20, 2017 and took effective from January 15, 2018). This formed an important legal basis for the implementation of solutions to restructuring credit institution system associated with NPLs resolution between 2016 and 2020. The amended Law mainly focuses on such subjects as enhancing governance and management capacity of credit institutions, preventing major shareholders from manipulating and controlling over credit institutions' activities, early intervention measures of credit institutions showing signs of weakness and mechanisms for handling specially controlled credit institutions under special control, etc. Besides, the SBV submitted to the Prime Minister to sign and issue 02 decisions, introduced 02 directives, 05 circulars⁹ related to inspection, supervision, restructuring, NPLs resolution, security and safety of banking sector; developed and disseminated the banking supervision manual to the whole system; submitted to the Prime Minister a draft Masterplan for the Development of People's Credit Funds up to 2020 with orientation to 2030. At the same time, based on the instructions of the Government and opinions of relevant ministries, agencies, the SBV finalized and approved the Masterplan

⁹ Decision No. 20/2017/QĐ-TTg dated June 12, 2017, Decision No. 21/2017/QĐ-TTg dated June 15, 2017 and the following Directives and Circular: Directive No. 06/CT-NHNN dated July 20, 2017, Directive No. 07/CT-NHNN dated October 11, 2017, Circular No. 02/2017/TT-NHNN dated May 17, 2017, Circular No. 06/2017/TT-NHNN dated July 05, 2017, Circular No. 08/2017/TT-NHNN dated August 01, 2017, Circular No. 09/2017/TT-NHNN dated August 14, 2017, and Circular No. 17/2017/TT-NHNN dated November 20, 2017.

on “Restructuring and Capacity Building of Viet Nam Asset Management Company between 2017-2020 and towards 2022”.

Implementation of prudential regulations in compliance to international standards and Basel II requirements

In 2017, the SBV continued to improve its policy and guidelines to implement Basel II, contributing to the development of a unified and uniformed legal system, enhancing transparency of banking operations and governance capacity in line with international standards and practices of credit institutions in Viet Nam; to ensure the safety, health and sustainable development of credit institutions. In order to develop Basel II, the SBV had selected 10 commercial banks to pilot the implementation of Basel II and instructed them to plan to implement Circular No. 41/2016/TT-NHNN dated December 30, 2016 regulating Capital Adequacy Ratio on Banks and Foreign Banks Branches according to the standardized method of Basel II, starting on January 01, 2019. In addition, the SBV had been working on completing a Circular replacing Circular No. 44/2011/TT-NHNN dated December 29, 2011 regulating Internal Control System, which includes regulations on Internal Capital Adequacy Assessment Process (ICAAP) and risk management for implementing pillar 2 of Basel II; had finished the making of inspection and supervision tools for ensuring credit institutions to comply with capital adequacy ratio as stipulated by Circular No. 41/2016/TT-NHNN date December 30, 2016; and collaborated with the National Credit Information Center of Viet Nam to seek solutions to data collection for Basel II implementation.

Anti-money laundering

Anti-money laundering and Counter-terrorist financing in 2017 achieved important results, contributing to national and international crime prevention and struggling, protecting national financial and monetary security and the safety of banking system. In 2017, the

SBV received 1,474 suspicious transaction reports, and documents of 120 cases in which had been transferred to other competent authorities for handling. In addition, the SBV assisted in providing information relating to accused, defendants or suspects in investigations to competent authorities (provided information related to 141 over 152 documents on requirement).

In addition, the SBV coordinated with relevant ministries and agencies to implement the National Action Plan on Anti-money laundering and Counter-terrorist financing during 2015-2020 with such key activities as: *(i)* working as focal point on national risk assessment in money laundering and terrorist financing, *(ii)* advising and submitting to various levels to set rules on criminal liability of legal persons in money laundering and terrorist financing crimes according to the Law No. 12/2017/QH14 dated June 20, 2017 amending and supplementing a number of articles of the Penal Code No. 100/2015/QH13; *(iii)* advising the preparation of multilateral assessment and implementation of recommendations by international organizations on anti-money laundering and counter-terrorist financing in Viet Nam; *(iv)* signing the MOU on information exchange in anti-money laundering and counter-terrorist financing with the Russian Federation (June, 2017). In addition, the SBV proactively coordinated with relevant ministries and agencies to implement the US's Foreign Account Tax Compliance Act (FATCA) between the Government of Viet Nam and the Government of the United States, set up an IT system to receive electronic reports as required by FATCA, etc.

4. Macroprudential supervision over the financial system

The SBV continued to study international experience in managing and implementing macroprudential policy tools to prevent systematic risk, mitigate negative impacts on the economy in general and business sector in particular; and at the same time, indentifying the methodology and roadmap for developing macroprudential policy framework. In addition, in 2017, the SBV has stepped up communication



Regulation on Systemic Risk Monitoring was actively implemented and the macroprudential

on financial stability and macroprudential policies to increase public awareness of the concept and role of macroprudential policies.

In 2017, the SBV started implementing the Systemic Risk Monitoring Regulation (issued under Decision No. 2563/QD-NHNN dated december 31, 2016.) Database system, information for monitoring systemic risk, financial stability were strengthened, consolidated and gradually improved. Monitoring and supervision of financial system risk was carried out regularly and continuously by the SBV through analysis of macroprudential indicators (MPIs), quantitative analysis models like Stress Test, vulnerability analysis (VEE), systematic risk alarming system (SRAM); to improve the quarterly systematic risk monitoring report system and annual financial stability reports according to international standards and, etc. There by helping the SBV to early identify potential systemic risks and provide timely and appropriate policy response measures.

supervision of the financial system was enhanced, at the same time boosting research and development of macroprudential policy tools.

5. Legislation and law enforcement

Legislation

In order to further improve the institution for banking operations, in 2017, the SBV, according to its competence, drafted and issued, coordinated to issue or submitted to competent authorities for introducing 34 legal documents including Law No. 17/2017/QH14 dated November 20, 2017 amending and supplementing several articles of the Law on Credit Institutions, Resolution No. 42/2017/QH14 dated June 21, 2017 on Piloting Credit Institutions' NPLs Resolution, 02 decrees of the Government, 02 decisions of the Prime Minister and 28 circulars. The said legal documents laid a legal basis for the SBV to carry out the following key tasks: *(i)* restructuring credit institution system; *(ii)* trading and resolution of NPLs of credit institutions and the VAMC; *(iii)* issuing regulations on the establishment, organizational structure and operation of credit institutions; *(iv)* regulating foreign exchange operation, gold; *(v)* implementing credit support policies. The

“

Legislation and law enforcement continued to be strengthened to improve the legal framework for monetary and banking activities, contributing to the transparency of the banking legal system.

formulation and introduction of legal documents in 2017 contributed to the improvement of the legal framework for the banking system, strengthening the state management in the monetary and banking sector, laying an important legal foundation for the SBV to manage monetary policy, ensure safety, and push the process of restructuring and consolidation of credit institution system.

Strengthening law enforcement in the banking sector

In order to improve the effectiveness of banking law enforcement, the SBV focused on the following tasks: *(i)* communication of newly issued legal regulations throughout the banking system; *(ii)* reviewing legal documents, abolishing 20 Circulars of the SBV, proposing to the Government to approve the abolishment of 06 Decrees in the banking sector; inspecting and handling legal documents; reviewing Viet Nam's banking laws against international commitments and treaties that Viet Nam has acceded to, trade policies in the WTO, ASEAN Agreements, the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP), etc.; *(iii)* implementing the Resolution No. 42/2017/QH14 dated June 21, 2017 on piloting NPLs and Law No. 17/2017/QH14 dated November 20, 2017 amending and supplementing the Law on Credit Institutions; *(iv)* updating and monitoring the implementation of newly promulgated legal documents, promulgating guiding documents or proposing amendments, supplements or new ones to meet management requirements, improving the uniformity and transparency of banking law system.



Drastically implement issuance and vault operation and ensure monetary security and safety for global system.

6. Issuance and vault operation

On issuance operation and cash regulation

The SBV closely monitored cash issuance and circulation; actively and flexibly regulated cash upon each locality and each period in order to meet cash demand of the economy, thus maintaining the safe cash reserve level in the whole system in line with production capacity of money printing

facilities. Particularly, during Tet holidays, the time of high pressure of cash collection and issuance, the SBV planned to prepare, concentrate resources and implement synchronized solutions to raise cash reserves at different agencies to ensure smooth cash transactions, not to occur shortage of money across the country and locality. At the same time, the SBV also closely coordinated with the competent agencies to communicate the right use of small denominations, prohibit money exchange activities in contravention of law; to direct the concerned agencies to intensify the collection, exchange, selection and classification of disqualified notes in order to raise the quality of money.

Vault safety operation

In order to further strengthen the management of vault safety in the whole sector, in 2017, the SBV strengthened the inspection of vault safety operation at the SBV branches and credit institutions to correct, guide and request agencies to strictly comply with the regulations on the management of vault operations, overcome shortcomings in order to ensure absolute security of assets.

Preventing and struggling against counterfeit money

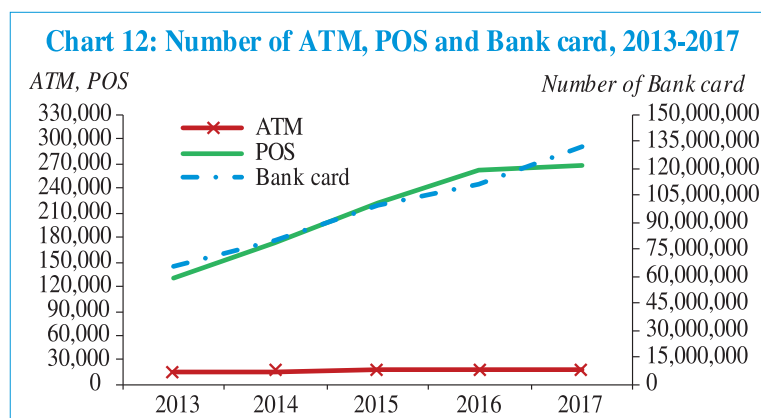
The SBV focused on updating technological applications in the analysis and verification of counterfeit money and suspicious counterfeit money in forming database for timely alert of the entire banking industry, the State Treasury and the concerned agencies; organized domestic and international conferences on strengthening cooperation between the central banks of Cambodia, Laos and Viet Nam; signed the joint regulation on coordination between functional agencies of the SBV, Ministry of Public Security and Ministry of Defense in preventing and struggling against counterfeit money in order to enhance the effectiveness of coordination and contribute to ensure national monetary security.

7. Payment operation

Modernizing payment system

Payment system continued to be modernized with stable, safe and convenient operation, well meeting the needs of payment in the economy, contributing to speed up payment.

The interbank payment system of the SBV until the end of 2017 had connected with 375 member units, in which 64 are members of the SBV, 247 members of the bank members and 64 member units of the State Treasury. The total transactions through the inter-bank electronic payment system in 2017 reached 109.316 million transactions with a total value of VND 58.639 quadrillion, up by 34.3% and 31.5%, respectively compared to 2016.



Source: The State Bank of Viet Nam

Infrastructure for card payment continued to be invested to enhance its quality and efficiency; the security and safety of card and electronic payment system were increasingly paid attention. As of end-2017, 17,558 ATMs and 268,813 POSs were installed nationwide, and a large number of e-commerce websites accepted cards as payment instrument (online card payment). The number of transactions via ATM was over 780 million with total trading value of VND 2.133 quadrillion (increased by 8.9% and 17.9%, respectively compared to end- 2016.) Total number of transactions through POS/EFTPOS/EDC reached over 151 million with trading value of VND 352 quadrillion (increased by 55.0% and 40.9%, respectively compared to 2016,) major of which was payment of commodities and services (82.4%). At the same time, bank cards kept developing in both issuance output and transaction value. As of end-2017, the

accumulated number of bank cards was 132.3 million, increase by 18.9% compared to end of 2016. Many functions of payment applications were integrated into bank cards by banks for payment of utility bills, telecommunication charges, insurance premiums, transportation toll and fare, online payment. Bank cards security and safety were enhanced by adopting domestic chip card standard, payment card industry/data security standard (PCI/DSS), digital payment security technology - 3D Secure 2.0.

In addition, in 2017, new and modern science-technology-telecommunication-based payment services and instruments were robustly developed, creating new and convenient payment channels that hugely benefited consumers. As of end-2017, 78 commercial banks offered e-payment service and over 41 commercial banks provided mobile payment services. In 2017, trading value via mobile phones and internet increased by 127% and 88%, respectively compared to 2016. At the same time, in catching up global payment technology development trend, some commercial banks, information technology and telecommunication firms had been studying, cooperating and applying new and modern technologies into mobile payment activities, i.e. finger print and face identification, biometrics, QR Code, tokenization, contactless, mPOS, etc. Moreover, in order to support the development of non-cash payment, by end-2017, the SBV had licensed 25 non-bank institutions to provide payment intermediary services for retail and low value payment transactions.

Management of payment activity and oversight of payment systems

Legal framework for payments continued to be improved to create and facilitate favorable condition for encouraging non-cash payment and to strengthen the management of cash payment. In 2017, the SBV issued Circular No. 26/2017/TT-NHNN dated December 29, 2017 amending and supplementing several articles of Circular No. 19/2016/TT-NHNN dated June 30,

2016 on bank card operations; developed, introduced and promoted the implementation of Plan No. 10/KH-NHNN dated September 25, 2017 on bank card payment development via card-accepted devices during 2017-2020; completed the Plan on Promoting Payment of Public Services Fees such as tax, utility bills, healthcare fees, tuition fees and social security payment via bank account for submitting to the Prime Minister. In addition, the SBV established a sub-committee to set up common standards for payment through QR Code application in Viet Nam; established Steering Committee and Supporting Team on Fintech aiming at completing the legal framework and ecosystem for Fintech in accordance with the direction of the Prime Minister under Decision No. 844/QD-TTg dated May 18, 2016 approving Plan on “Supporting national innovative startup ecosystem towards 2025”.

In implementing 2014-2020 Payment System Oversight Strategy in Viet Nam, in 2017, the SBV, in addition to daily online oversight of the electronic inter-bank payment system, conducted periodic supervision of foreign currency payment and securities settlement systems; strengthened monitoring, supervision and examination of payment activities to ensure the security and safety of electronic and card payment; oversaw the provision of payment intermediary services by payment intermediary service providers.

8. Credit information



The effectiveness in operations of Viet Nam's National Credit Information Center had been improved, contributing to information transparency and risk prevention in banking activities.

As one of the key pillars in Viet Nam's financial infrastructure, the SBV's credit information activities in 2017 continued to be robustly innovated and developed. The Viet Nam's National Credit Information Center (CIC) officially introduced new and modern data management system which meets international standards. This system allows the CIC to manage and synchronize either conventional or unconventional information sources; develop high quality products and services; reform procedures, and improve the quality of data warehouse either extensively or intensively.

Development of database and provision of national credit information

As of end-2017, 100% of commercial banks, foreign bank branches, non-bank institutions and nearly 1,200 people's credit funds provided reports to the CIC. Over 34.3 million borrower profiles were archived in CIC database, 700,000 and 33.6 million of which were corporates and individuals, respectively. Information on legal profiles, credit contracts, credit cards, corporate finance, collaterals, etc. had been regularly reviewed and improved in quality by information indicators, particularly sub-indicators which had not been collected in previous years. Procedures of information collection, processing, updating and adjustment were strictly obeyed, monitored and secured to ensure accurate and timely information. By doing that, the CIC timely provided information for the direction, management and resolution of non-performing loans by the SBV; reports for evaluation and analysis of local credit and supervision situation by the SBV's provincial branches, etc. In 2017, the CIC provided over 18.5 million credit reports to credit institutions, other institutions and borrowers.

Under the umbrella of APEC 2017, the SBV organized a conference on cross-border credit information exchange. It was an initiative at the margin of APEC Senior Financial Officials Meeting 2017 (SFOM) which was incorporated into the Joint Statement of APEC Finance Ministers Meeting in order to facilitate the promotion of cross-border trading, credit access in the context of free trade and labor flows among APEC economies and between Viet Nam and other ASEAN and Asia countries, etc. This event laid a foundation for cross-border credit information exchange among state-owned and private credit information centers of APEC economies for the coming years.

Credit rating operation

In June 2017, the CIC finished the development of new corporate credit rating methodology complying with international standards and officially provided new

credit rating products to credit institutions in July 2017. The new credit rating methodology actively contributed to credit information improvement and transparency, facilitated corporate borrowers to equally access credit in the market based on their creditworthiness.

Table 4: Depth of credit information index 2017

Indicator	Viet Nam	East Asia and Pacific	OECD
Depth of credit information index (grade 0-8)	7.0	4.2	6.6
Credit registry coverage (% of adults)	51.0	16.0	18.3
Credit bureau coverage (% of adults)	19.7	22.3	63.7

Source: World Bank – Doing Business 2018

Furthermore, CIC had officially operated the Electronic Information Portal connected with institutional borrowers in Ha Noi city, Ho Chi Minh city and other several big cities and provinces since Novemver, 2017. By doing that, borrowers can make online account registration, exploit and check their information and credit point, contributing to the transparency of credit information activities. Thanks to those positive results, Viet Nam’s Getting Credit Index, according to World Bank’s Doing Business 2017, increased by 5 points and improved by 3 levels compared to 2016. Especially, the Credit information Coverage Indicator reached 51%, higher than the average levels of East Asia and Pacific region (16%) and OECD countries (18.3%).

9. Communication and information transparency

In 2017, Communication Department of the SBV was officially established, meeting objective requirements of the SBV in renovation, quality improvemet and professionalization of communication activities. Alongside the completion of its organizational and personnel structure, in 2017, communication activities of the SBV continued to have robust changes and be carried out in more effective and professional manner with the focus on the following duties: state management of communication in the banking system; communication

“

Public communication continued to have robust changes and be carried out in more effective and professional manner, contributing to enhancing the



of the Government's directions, policies, the SBV's monetary policy and banking operations management; communication programs on public financial education; furthering administration and upgrading the interface and content of the SBV's electronic information portal; implementation of museum- and library-related works, etc., which brought about adequate and timely awareness and improving public and social confidence in the Government and the SBV's policies and solutions. In addition, the prestige and image of the banking sector had continuously been enhanced through such social security activities such as poverty reduction and hunger alleviation, gratitude response, mutual supports, etc.

*public's and
society's confidence
in policies and
solutions of the
Government and
the SBV.*

Part III– Internal governance

1. Internal Audit



Internal audit and control continued to focus on risk-hidden issues to enhance the quality and safety of the SBV's operation.

Internal audit and control continued to be effectively implemented by the SBV in line with Circular No. 16/2011/TT-NHNN dated August 17, 2011 of the Governor, focusing on risk-hidden issues in instruction, management and administration of the SBV's units. Accordingly, in 2017, the SBV conducted internal audits in 33 units on the subjects of financial statement, compliance, capital investment projects, IT projects, cash issue and vault operations, IT system management, and periodical audit of the FSMIMS project. Internal audits helped the SBV's units to timely identify and fill gaps, thus contributing to intensifying management capability to ensure compliance with applicable laws and regulations and thrift practice and waste combat.

2. Human resources and training



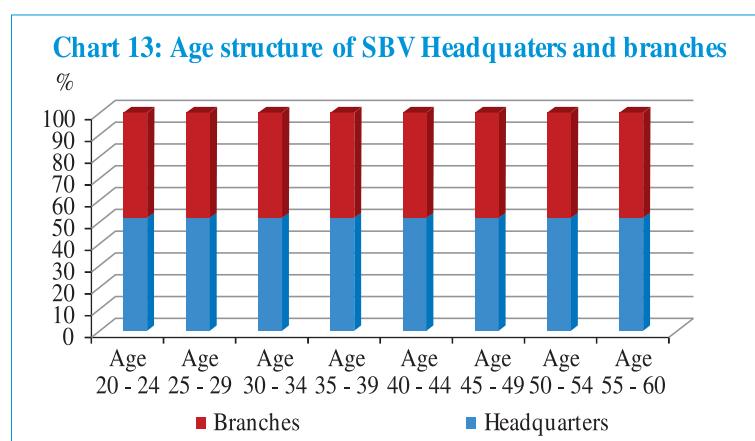
The SBV's organizational structure continued to be managed in a more streamlined and effective manner in line with the Party and Government's guidelines and policies; staff quality at unit level and training efficiency continued to be improved alongside the building of a close linkage between staff training and utilization purposes as well as the movement toward international standards

Staff, personnel structure and management

In 2017, implementing the staff streamlining policy of the Party and Government, the SBV advised the Government on the issuance of Decree No. 16/2017/ND-CP dated February 17, 2017 defining the functions, tasks, powers and organizational structure of the SBV; Decision No. 1235/QD-TTg dated August 18, 2017 on issuing the list of public administrative units under the SBV. Accordingly, department-level managerial unit numbers remained unchanged and the division-level managerial unit numbers decreased by 15%: 01 unit was cut down, 02 units revoked the divisional organizational structure, 74 divisions were reduced in the system (63 at branches and 11 at the Headquarters). In addition, the SBV gradually reviewed, amended and then submitted Scheme of positions and job requirements according to the new organizational model to the Ministry of Home Affairs for appraisal and approval; revised the current organizational structure of Banking Supervision Agency to develop and submit to the Prime Minister for issuing

the decision replacing Decision No. 35/2014/QĐ-TTg dated 12 June 2014.

Regarding personnel activity, in 2017, the SBV: *(i)* reduced 134 staff compared to that in 2016 in accordance with staffing limits approved by the Ministry of Home Affairs to ensure the roadmap of staff downsizing by at least 10 percent from 2015 to 2021, and *(ii)* maintained staffing limits approved for line public administrative units at stable level; as of June 2017, public administrative units were assigned to downsize staff scale by 3.28% (higher than the minimum requirement of 3% under Directive No. 02/CT-TTg dated January 06, 2017). The following graph shows staff number and age structures of the SBV Headquarters and branches:

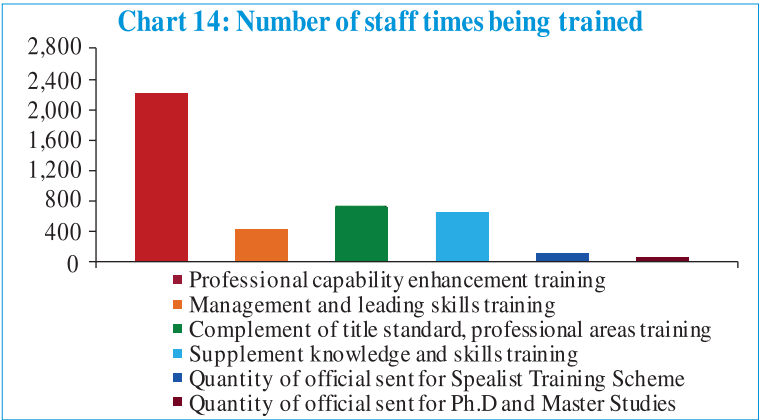


Source: The State Bank of Viet Nam

Regarding human resource management, the SBV appointed staff to blank managerial positions; specifically, some officials were appointed on-spot, some key and experienced executives from commercial banks with professional qualifications, management capacity and practical work experience were appointed as department heads, to remarkably contribute to the advisory, policy-making quality intensification and effective fulfillment of the banking industry's tasks. To promote professionalism of each SBV staff and unit, the allocation and employment of both managerial and professional staff was carried out in closely following the functions and duties of relevant units/positions, job requirements, and job structure of the SBV.

Training activities

In realizing the training motto, according to which training activities must be closely based on the positions, job requirements and qualifications of civil servants, head positions, the demand of human resources development, a number of positive outcomes were generated during the training activities in 2017. In 2017, there were 4,590 times that the SBV officials were selected to specialist training courses, in-country and abroad long-term graduate courses; short-term training and capacity building courses. Moreover, the SBV also continued to accelerate cooperative activities in various programs and projects with such organizations as the IMF, SEACEN, ADB, WB, JICA (Japan), GIZ (Germany), SECO (Switzerland), CIDA (Canada), ATTF (Luxembourg), The Australia Awards Scholarships and central banks of Singapore, Sweden, Thailand, Malaysia, etc. on various new, practical and professional topics for better fulfilling the requirements of updating and enhancing the SBV unit's professional knowledge.



Source: The State Bank of Viet Nam

3. Research Activities

In 2017, in the banking sector, 28 scientific and technological research projects at ministerial level and 11 others at unit level were adopted, focusing on 06 critical issues: **(i)** Improving the SBV's operational model and mechanism aiming to become a modern central bank in line with Socialist-oriented market economy in Viet Nam; **(ii)** Improving frameworks for monetary policy, exchange



The Banking sector's scientific and technological research activities were in line with

rate policy, foreign exchange, gold market and money market management in order to enhance the effectiveness and efficiency of the SBV's instruction, management and administration during 2016-2020 period; **(iii)** Continuing to restructure credit institutions associated with NPLs resolution; consolidating and reforming banking governance system in accordance with international standards; and enhancing information transparency of banking operations; **(iv)** Renovating the mechanism and improving the effectiveness of banking inspection and supervision, macro-prudential supervision of the financial system; **(v)** Improving financial and information technology infrastructure and developing banking services; and **(vi)** Carrying out cross-sector and basic researches supporting the banking sector's operations. Research assignments adopted stuck to key issues of the banking sector with the objective of laying theoretical and practical foundations, proactively supporting the SBV's policy regulation and management as well as its capacity of governing credit institutions, aiming at safe, healthy and sustainable development of the banking system. Besides, in 2017, the SBV approved 05 research topics related to Fintech (financial technology) to advise and propose solutions to improve the legal framework, facilitate Fintech firms in Viet Nam in line with the Government's guidelines.

The SBV actively led and coordinated with many agencies within and outside the banking sector in successful organization of significant events relating to banking science and technology such as Banking Viet Nam 2017 in Ho Chi Minh City with the theme: “*Digital technology in promoting financial inclusion in Viet Nam*”; Banking sector Seminar on “*Digital Banking – A deeper look into Viet Nam*”. These events have brought impressive results such as: identifying opportunities, challenges toward the development of digital banking in Viet Nam; provide technological information on trend, solutions for applying information technology in the banking sector; analyze current banking activities to provide solutions, recommendations and strategic directions in order to contribute to the sustainable development in the Banking sector for the upcoming years.

the objectives and tasks assigned to the sector and brought positive changes which contributed significantly to theoretical arguments, the SBV's monetary policy regulation and macro management.

4. Statistics



Statistics continued to be improved, thus better supporting the SBV's operation

In 2017, the supervision, inspection and revision of periodic and sudden reports in accordance with Circular No. 35/2015/TT-NHNN dated December 31, 2015 continued to be implemented by the SBV in active, positive and timely manner, thus ensuring information and data to serve the SBV's management of monetary policy and prudential supervision over the credit institution system. In addition, the SBV continued to review regulations on statistical data report and proposed necessary changes in accordance with current laws, meeting information requirements for monitoring and policy management in accordance with current market and ensuring continuity and seamlessness of statistics data.

Beside, The SBV continued to issue a Statistical Survey Program in the monetary and banking sector, monthly inflation expectation survey and quartely business trend survey, official launched online surveys as well as developed pilot credit trend survey, etc. The outcomes of the surveys had assisted policy makers to grasp trends and expectations on the monetary market and in the banking sector in a timely and thorough manner. At the same time, The SBV continued to update and improve the database system on macroeconomy, international and domestic financial markets; apply advanced information technology in data mining and report consolidation. Such achievements contributed to the analysis, forecasting, policy formulation and management of the SBV.

5. Information technology



Modernization of information technology; enhance capacity to approach and ensure banking security in the fourth Industrial Revolution.

Modernization of information technology system

In 2017, financial sector modernization and information management system (FSMIMS) project completed and officially operated after nine years of implementation. FSMIMS project was highly rated by sponsors, independent consultant and relevant parties and considered one of the most successful ICT projects by the WB in Viet Nam. This project made a fundamental change in the SBV's information technology system from decentralized to centralized model. Accordingly, the SBV

completed the construction of a new data center in line with tier level 3 international standard – TIA92, and was equipped with information technology hardware; core banking system for accounting and budget, centralized data warehouse, human resource management system and document management system. FSMIMS outcomes laid an important basis for the modernization and simplification of administrative procedure in the banking sector and were implemented in most of the SBV operations. The technical solutions provided under the project are world leading ones with the application of international standards, thereby contributing to improving the management and operation of the SBV and helping to gradually build a modern central bank and develop e-government.

Enhance capacity to approach and ensure banking security in the 4.0 Industrial Revolution

In order to improve banking operations, increase quality of products and services in an innovative manner in tailoring users' demand in the digital era and building future smart banks, in 2017, the SBV and credit institution implemented plenty of specific technological solutions in the 4.0 Industrial Revolution into monetary and banking operations. In addition, to ensure information security in the banking operations in responding to challenges set forth by the 4.0 Industrial Revolution, the SBV had reviewed and continued to improve guiding documents as well as introduced concrete plans to strengthen and develop information technology infrastructure and security for the banking sector, i.e., applying solutions to online payment safety and security; information security plan for the SBV during 2017-2022; security architecture for the information system of the SBV. At the same time, the SBV had monitored information technology activities at the SBV units and credit institutions by requesting the submission of annual reports on information technology activities and conducting on-the-spot inspections as well as postmortem at banks to raise awareness, fill in gaps and implement measures to minimize risks and ensure asset safety for customers and banks.

Part IV – International cooperation

In 2017, the SBV continued to expand and develop cooperation with international partners, strengthen and promote the mobilization of financial resources and technical assistance, contributing effectively to macroeconomic stabilization, socio-economic development, international integration and SBV's and Viet Nam's position in the international stage.

1. International economic integration



SBroader and deeper integration into regional and global economy.

The year 2017 continued to mark the SBV's proactive participation in international cooperation and economic integration activities. The SBV contributed to ameliorating and strengthening traditional friendship and comprehensive cooperation between Viet Nam and other ASEAN, ASEAN + 3 and APEC countries through activities and initiatives on finance and banking cooperation. Particularly, in 2017, Viet Nam played as the borrower for the CMIM 8 test run under the Chiang Mai Initiative Multilateral Agreement (CMIM) to assess the effectiveness and shortcomings of CMIM, enrich the understanding of CMIM process and procedures in case of financial crisis.

As the Head of Financial Services Group, the SBV actively participated in FTA negotiations with a wide range of strategic partners such as the EU, Australia, Japan, etc., collaborated with other ASEAN members in negotiating on opening the financial services market under Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP) Agreement and ASEAN-Hong Kong FTA (AHKFTA) to attract investment and trade to the ASEAN, coordinated with relevant ministries and agencies to review ASEAN-China FTA (ACFTA); ASEAN-Australia-New Zealand FTA (AANZFTA); and the ASEAN-Japan Comprehensive Economic Partnership (AJCEP) Agreement.

Under APEC Finance Ministers' Process, in the field of finance and banking, the SBV not only attended but also hosted successfully many APEC cooperation activities, devoting to the success of *APEC Year 2017*,

thus opening up a specific direction of cooperation going forward among the member economies. The theme "Financial Inclusion" proposed by the State Bank of Viet Nam was recognized as one of the three pillars of APEC cooperation going forward, alongside with the economic and social pillars of vision, towards the vision of APEC Sustainable Development until 2030.

2. Cooperation with international financial and monetary institutions

The SBV continued to well undertake the representative role of the Government of Viet Nam at such international financial and monetary institutions as International Monetary Fund (IMF), World Bank (WB), Asian Development Bank (ADB), Asian Infrastructure Investment Bank (AIIB), International Bank for Economic Cooperation (IBEC), and International Investment Bank (IIB), thereby consolidating the partnership with these institutions and raising the effectiveness of assistances for Viet Nam in general and the State Bank in particular.

The SBV closely coordinated with the WB and the ADB in the revision and flexible adjustment of processes, mechanisms and policies for harmonizing procedures, meeting specific requirements and conditions to ensure the optimal financing effectiveness; and the formation of technical assistance programs (developing microfinance, financial inclusion, monetary market, etc.). In 2017, the SBV advised the Government on the negotiation and the receipt of all IDA concessional loans to ten (10) programs/projects (USD 1,149 million out of total amount of USD 1,435 million) committed by the WB before IDA graduation (July 01, 2017). Besides, the SBV successfully negotiated with the ADB three ADF-funded projects worth USD 356 million to help Viet Nam be eligible for ADF loans of USD 950 million during 2017-2018 before graduating on January 01, 2019.

The SBV promoted the cooperation between Viet Nam and the AIIB on various aspects such as high-level and technical-level delegation exchange, organization of seminars, promotion activities, etc. in order to facilitate

“

*Cooperation with
international
financial and
monetary
institutions.*

Viet Nam's access to the AIIB investment channel. The appointment of Department of International Cooperation Head to Alternate Director at the AIIB Executive Board in accordance with the rotation scheme among groups of members reflected the role and prestige of Viet Nam in the international arena, and better protection of the country's interest through the voting power over the AIIB's policies and project financing activities.

In the context of a downward trend in ODA and an upward trend in more market-based financing with stricter requirements, the SBV had been actively researching on capital mobilization for the private sector without government guarantee from international financial institutions, e.g. private sector financing without government guarantees from the AIIB, the IFC, the ADB.

The SBV actively strengthened cooperation with the IMF in all areas. Training and technical assistance programs continued to go in-depth, focusing on the expertise areas for applying best international standards and practices to improve operational performance, especially in statistics, forecasting and monetary policy.

In relation to IIB/ IBEC, the SBV well undertook the representative role of the Government in these organizations, particularly in the context of strong organisational structure reform.

In 2017, policy dialogue with international financial and banking institutions continued to be strongly promoted through verbal forums and coordination mechanisms at government-level. Policy dialogue outcomes helped to promote Viet Nam's ownership and responsibility for the international community, enhance Viet Nam's capacity building and policy-making.

3. Bilateral cooperation

The SBV actively mobilized and implemented technical assistance projects of Japan International Cooperation Agency (JICA), the Global Affairs Department of Canada (GAC), State Secretariat for Economic Affairs (SECO), etc. There were 07 on-going and mobilized bilateral projects in 2017, including



Bilateral cooperation was promoted and developed intensively.

02 projects on banking inspection and supervision, banking reform and non-performing loan resolution, 02 on printing and issuing money, 01 in the field of monetary policy, 01 on capacity building for commercial banks, and 01 on supporting Cooperative Bank and the people's credit fund system.

In 2017, the SBV signed new and amended Memoranda of Understanding and cooperation agreements with monetary authorities and central banks of Russia, Cambodia, Laos and China in the fields of banking inspection and supervision, anti-money laundering and terrorist financing, vault and counterfeit money prevention, thus increasing the total number of signed bilateral Memoranda/Agreements to 67, creating a comprehensive framework with these partners.

Particularly, in 2017, through bilateral cooperation forums and committees at government-level, the SBV proposed subjects of cooperation to set information exchange mechanisms for supporting and encouraging domestic banks to connect and create correspondent banking relationships in other countries' market. To accomplish this, the SBV conducted a survey on banks' current situation and needs, as well as difficulties and obstacles facing with importers and exporters in order to propose solutions to improve payment with China, Laos, Russia, Iran, Africa, etc. This survey made a prerequisite for the SBV to set up an interagency working group to propose solutions to facilitate payment activities of domestic enterprises with African countries in 2018, simultaneously, facilitate the Action Plan for the banking sector.

A horizontal graphic with a light gray rounded rectangle in the center, flanked by blue semi-circular shapes on both sides. The word "APPENDIX" is written in a bold, black, serif font across the gray rectangle. The entire graphic has a subtle drop shadow.

APPENDIX

APPENDIX 1: INTEREST RATES ANNOUNCED BY THE SBV

Unit: % per annum

Time	Refinancing rate	Rediscount rate	Overnight interbank lending rate
December 2016	6.5	4.5	7.5
January 2017	6.5	4.5	7.5
February 2017	6.5	4.5	7.5
March 2017	6.5	4.5	7.5
April 2017	6.5	4.5	7.5
May 2017	6.5	4.5	7.5
June 2017	6.5	4.5	7.5
July 2017	6.25	4.25	7.25
August 2017	6.25	4.25	7.25
September 2017	6.25	4.25	7.25
October 2017	6.25	4.25	7.25
November 2017	6.25	4.25	7.25
December 2017	6.25	4.25	7.25

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 2: OPEN MARKET OPERATIONS

Bid	2017
Number of sessions	252
Maturity (days)	7; 14; 28
Number of Bidders	742
Average bid volume per session (VND billion)	2,679
Average success volume per session (VND billion)	2,296
Interest rate (% per annum)	5.0
Bidding method	Volume
Ask	2017
Number of sessions	131
Maturity (days)	7; 14
Number of Bidders	309
Average bid volume per session (VND billion)	6,943
Average success volume per session (VND billion)	4,906
Interest rate (% per annum)	0.28-2.5
Bidding method	Interest

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 3: REQUIRED RESERVE RATIO

Unit: %

Effective time	VND DEPOSITS (*)		FOREIGN CURRENCY DEPOSITS				
	Deposits of customer, State Treasury, issuance of valuable papers		Deposits of customer, State Treasury, issuance of valuable papers				
			Demand and less than 12 month deposits		12 month and up deposits		
	Demand and less than 12 month deposits	12 month and up deposits	State-owned commercial banks (except VBARD), joint stock commercial banks, 100% foreign bank, joint venture banks, foreign bank branches,	Viet Nam banks for Agriculture and Rural Development (VBARD), Cooperative banks	State-owned commercial banks (except VBARD), joint stock commercial banks, 100% foreign bank, joint venture banks, financial companies, financial leasing companies	Vietnam banks for Agriculture and Rural Development, Cooperative banks	Credit institutions' overseas deposit
May 2011	3	1	6	5	4	3	
June 2011	3	1	7	6	5	4	
September 2011 (**)	3	1	8	7	6	5	1

(*) Required reserves ratio for Credit Institutions (CIs) having more than 40% of loans outstanding to agriculture and rural development is lower than the normal required reserves as regulated in Circular No. 20/2010/TT-NHNN dated September 29, 2010 of the SBV guiding on the implementation of measures on operating policy tools to support CIs' lending to agriculture and rural areas.

(**) Deposits of overseas CIs must comply with regular required reserves requirements according to Circular No. 27/2011/TT-NHNN dated August 31, 2011 which amends and supplements some Articles on applying credit institutions' required reserve ratio to foreign exchange deposits of overseas credit institutions, and is enclosed with Decision No. 581/2003/QĐ-NHNN dated June 09, 2003 of the SBV's Governor.

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 4: BALANCE OF PAYMENT

Unit: USD Million

	2016	2017
A. CURRENT ACCOUNT	6,174	4,676
Goods: Export F.O.B	176,581	215,119
Goods: Import F.O.B	165,539	204,274
<i>Goods (net)</i>	<i>11,042</i>	<i>10,845</i>
Services: Export	12,500	13,110
Services: Import	16,758	17,030
<i>Services (net)</i>	<i>-4,258</i>	<i>-3,920</i>
Investment income (Primary income): Receipts	650	745
Investment income (Primary income): Payment	9,245	11,517
<i>Investment income (Primary income) (net)</i>	<i>-8,595</i>	<i>-10,772</i>
Current transfers (Secondary income): Receipts	9,125	10,031
Current transfers (Secondary income): Payment	1,140	1,508
<i>Current transfers (Secondary income) (net)</i>	<i>7,985</i>	<i>8,523</i>
B. CAPITAL ACCOUNT	0	0
Capital account: Receipts	0	0
Capital account: Payment	0	0
C. FINANCIAL ACCOUNT	10,726	19,733
Direct Investment Abroad: Assets	-1,000	-480
Direct Investment in Viet Nam: Liabilities	12,600	14,100
<i>Direct Investment (net)</i>	<i>11,600</i>	<i>13,620</i>
Portfolio Investment Abroad: Assets	180	0
Portfolio Investment in Viet Nam: Liabilities	48	1,887
<i>Portfolio Investment (net)</i>	<i>228</i>	<i>1,887</i>
Other Investment: Assets	-5,149	-9,602
Cash and deposit	-5,230	-9,555
Credit Institutions	2,056	-4,067
Other sectors	-7,286	-5,488
Loans	0	0
Trade credit and advances	0	0
Other receivables/payables	81	-47
Other Investment: Liabilities	4,048	13,828
Cash and deposit	1,424	3,083
Credit Institutions	1,461	3,084
Credit Institutions	-37	-1
Borrowing and repayment of foreign debts	2,624	10,745
Short term	-566	6,436
Debt	24,759	21,806
Amortization	-25,325	-15,370
Long term	3,190	4,309
Debt	8,711	13,732
Government's debt	3,825	3,225
Private debt	4,886	10,507
Amortization	-5,521	-9,423
Amortization	-1,162	-1,249
Repayment of Privatization	-4,359	-8,174
Commercial Credit and advance payment	0	0
Receivable and Accrued Expenses	0	0
<i>Other Investment (net)</i>	<i>-1,102</i>	<i>4,226</i>
D. ERRORS AND OMISSIONS	-8,510	-11,865
E. OVERALL BALANCE	8,390	12,544
F. RESERVES AND OTHER ITEMS	-8,390	-12,544
Reserves Assets	-8,390	-12,544
Claims on and borrow from the IMF	0	0
Special Finance	0	0

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 5: USD/VND EXCHANGE RATE

Unit: VND/USD

2017	Exchange Rate end-month			Average Exchange Rate in the month		
	Central reference Rate	Average Rate of Vietcombank		Central reference Rate	Average Rate of Vietcombank	
		Buying	Selling		Buying	Selling
January	22,202	22,560	22,630	22,171	22,552	22,624
February	22,232	22,740	22,810	22,222	22,693	22,763
March	22,276	22,720	22,790	22,254	22,756	22,826
April	22,350	22,695	22,765	22,323	22,674	22,744
May	22,396	22,680	22,750	22,373	22,673	22,743
June	22,431	22,700	22,770	22,416	22,678	22,748
July	22,432	22,690	22,760	22,438	22,698	22,768
August	22,443	22,695	22,765	22,442	22,693	22,763
September	22,470	22,690	22,760	22,445	22,693	22,763
October	22,471	22,675	22,745	22,465	22,685	22,755
November	22,433	22,685	22,755	22,451	22,680	22,750
December	22,425	22,665	22,735	22,438	22,677	22,747

Source: The State Bank of Viet Nam

Note: Listed Exchange Rate is the amount of VND to exchange 1 USD

APPENDIX 6: DOMESTIC GOLD PRICES

Unit: Million VND/tael

2017	Gold Price end-month	Average Gold Price in the month
January	36.93	36.64
February	36.89	36.89
March	36.52	36.67
April	36.80	36.72
May	36.38	36.55
June	36.34	36.39
July	36.30	36.30
August	36.53	36.40
September	36.60	36.75
October	36.54	36.52
November	36.48	36.56
December	36.46	36.45

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 7: CONSUMER PRICE INDEX

Unit: %

Year	Time	January	February	March	April	May	June	July	August	September	October	November	December
2013	Year to date	1.25	2.59	2.39	2.41	2.35	2.40	2.68	3.53	4.63	5.14	5.50	6.04
	Month on month	1.25	1.32	-0.19	0.02	-0.06	0.05	0.27	0.83	1.06	0.49	0.34	0.51
	Year on year	7.07	7.02	6.64	6.61	6.36	6.69	7.29	7.50	6.30	5.92	5.78	6.04
	Average year on year	7.07	7.04	6.55	6.83	6.74	6.73	6.81	6.90	6.83	6.74	6.65	6.60
2014	Year to date	0.69	1.24	0.80	0.88	1.08	1.38	1.62	1.84	2.25	2.36	2.08	1.84
	Month on month	0.69	0.55	-0.44	0.08	0.20	0.30	0.23	0.22	0.40	0.11	-0.27	-0.24
	Year on year	5.45	4.65	4.39	4.45	4.72	4.98	4.94	4.31	3.62	3.23	2.60	1.84
	Average year on year	5.45	5.05	4.83	4.73	4.73	4.77	4.80	4.73	4.61	4.47	4.30	4.09
2015	Year to date	-0.20	-0.25	-0.10	0.04	0.20	0.55	0.68	0.61	0.40	0.51	0.58	0.60
	Month on month	-0.20	-0.05	0.15	0.14	0.16	0.35	0.13	-0.07	-0.21	0.11	0.07	0.02
	Year on year	0.94	0.34	0.93	0.99	0.95	1.00	0.90	0.61	0.00	0.00	0.34	0.60
	Average year on year	0.94	0.64	0.74	0.80	0.83	0.86	0.86	0.83	0.74	0.67	0.64	0.63
2016	Year to date	0.00	0.42	0.99	1.33	1.88	2.35	2.48	2.58	3.14	4.00	4.50	4.74
	Month on month	0.00	0.42	0.57	0.33	0.54	0.46	0.13	0.10	0.54	0.83	0.48	0.23
	Year on year	0.80	1.27	1.69	1.89	2.28	2.40	2.39	2.57	3.34	4.09	4.52	4.74
	Average year on year	0.80	1.03	1.25	1.41	1.59	1.72	1.82	1.91	2.07	2.27	2.47	2.66
2017	Year to date	0.46	0.69	0.90	0.90	0.37	0.20	0.31	1.23	1.83	2.25	2.38	2.60
	Month on month	0.46	0.23	0.21	0.00	-0.53	-0.17	0.11	0.92	0.59	0.41	0.13	0.21
	Year on year	5.22	5.02	4.65	4.30	3.19	2.54	2.52	3.35	3.40	2.98	2.62	2.60
	Average year on year	5.22	5.12	4.96	4.80	4.47	4.15	3.91	3.84	3.79	3.71	3.61	3.53

Source: General Statistics Office

APPENDIX 8: MONERATY AND CREDIT INDICATORS

Items	2016	Q1/2017	Q2/2017	Q3/2017	2017
Closing balance (VND billion)					
1. Total liquidity	7,125,801	7,374,307	7,616,856	7,877,753	8,192,548
2. Deposit of resident economic entities and individuals	6,274,360	6,482,597	6,741,844	6,974,012	7,214,642
3. Claims to the economy	5,505,406	5,746,188	6,001,384	6,177,691	6,509,858
Annual percentage change					
1. Total liquidity	18.38	3.49	6.89	10.55	14.97
2. Deposit of resident economic entities and individuals	18.54	3.32	7.45	11.15	14.99
3. Claims to the economy	18.25	4.37	9.01	12.21	18.24

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 9: GROSS DOMESTIC PRODUCT

Year	GDP at Current Price (VND billion)	GDP Growth* (%)	GDP Per Capita (VND thousand)
2009	1,809,149	5.40	21,031
2010	2,157,828	6.42	24,818
2011	2,779,880	6.24	31,647
2012	3,245,419	5.25	36,544
2013	3,584,262	5.42	39,932
2014	3,937,856	5.98	43,402
2015	4,192,862	6.68	45,717
2016	4,502,733	6.21	48,576
2017	5,007,857	6.81	53,500

Source: General Statistics Office

Note: * Compared to 2010 price

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung

Giám đốc - Tổng Biên tập

TRẦN CHÍ ĐẠT

Biên tập: NGUYỄN LONG BIÊN
NGUYỄN THỌ VIỆT

Thiết kế: NGUYỄN MẠNH HOÀNG
TRẦN HỒNG MINH

Contents and Publishing Responsibility

Director - Editor-in-Chief

TRAN CHI DAT

Editors: NGUYEN LONG BIEN
NGUYEN THO VIET

Designer: NGUYEN MANH HOANG
TRAN HONG MINH

In 450 cuốn, khổ 20,5 x 29 cm, tại Công ty TNHH In và Dịch vụ
Thương mại Phú Thịnh
Địa chỉ: Lô B2-2-5-KCN Nam Thăng Long, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Xác nhận đăng ký xuất bản số: 4221-2018/CXBIPH/11-189/TTTT
Quyết định xuất bản số: 472/QĐ-NXB TTTT ngày 23/11/2018
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2018.
Mã số: KK 160 HM 18 ISBN: 978-604-80-3524-2

Printed 450 copies, size 20.5 x 29 cm, at Phu Thinh Printing and
Service Trading Co., Ltd
Add: B2-2-5 Nam Thang Long Industrial zone, Bac Tu Liem District,
Ha Noi City
Publishing Plan: No. 4221-2018/CXBIPH/11-189/TTTT
Publishing Decision: No. 472/QĐ-NXB TTTT dated 23/11/2018
Completed and Registered in December 2018.
Code No.: KK 160 HM 18 ISBN: 978-604-80-3524-2



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT
2017

ISBN: 978-604-80-3524-2



8 935217 110836 7



SÁCH KHÔNG BÁN